BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
NGỮ VĂN 10

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – TRẦN HẠNH MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – ĐỖ HẢI PHONG – NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Chuyên đề học tập
NGỮ VĂN
10

SÁCH GIÁO VIÊN

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

CT	chương trình
CĐ	chuyên đề
CĐHT	Chuyên đề học tập
HS	học sinh
GV	giáo viên
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Theo quy định của CT giáo dục phổ thông năm 2018 môn Ngữ văn, ở cấp THPT, những HS yêu thích môn Ngữ văn hoặc có thiên hướng về khoa học xã hội và nhân văn sẽ được học tập các CĐ chứa đựng một số kiến thức ngữ văn mang tính chuyên sâu cùng những gợi ý cụ thể về việc vận dụng kiến thức ấy vào các hoạt động đa dạng, thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa văn học và cuộc đời.

Trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy học hiện nay, việc hướng dẫn HS học tập CĐ hẳn là một thử thách. Quả không dễ xử lí hài hoà mối quan hệ giữa việc bổ sung kiến thức sâu với việc tăng cường hoạt động vận dụng, sáng tạo. Tương tự, việc tạo được sự kết nối tự nhiên giữa nội dung các CĐ với nội dung các bài học theo CT chính cũng đòi hỏi phải được đầu tư. Nhưng khó khăn nhất vẫn là vấn đề khắc phục những hạn chế của điều kiện học tập ở từng trường, từng địa phương để đáp ứng tốt yêu cầu khá cao mà CĐ đặt ra đối với chất lượng các sản phẩm thực hành. Đó là những điều có thể khiến không ít người băn khoăn. *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 – Sách giáo viên* sẽ là tài liệu bổ ích góp phần giải đáp những băn khoăn ấy, giúp các thầy cô hướng dẫn HS học tập các CĐ một cách hào hứng và hiệu quả.

Ngoài phần hướng dẫn chung, sách này có phần hướng dẫn tổ chức học tập ba CĐ cụ thể, được xác định là phần trọng tâm. Để tạo điều kiện thuận lợi cho GV triển khai các hoạt động, toàn bộ nội dung hướng dẫn được thiết kế tương ứng với các phần đã được biên soạn trong sách dành cho HS. Tuy hướng dẫn tỉ mỉ nhưng sách vẫn luôn tạo cơ hội cho các thầy cô phát huy tốt những sáng kiến riêng nhằm hỗ trợ HS học tập các CĐ với nhiều cảm hứng.

Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 – Sách giáo viên không phải là một tập "kế hoạch bài dạy", nhưng có thể dễ dàng nhận thấy khoảng cách giữa hai loại tài liệu này đã được thu hẹp một cách có chủ định. Hi vọng trong quá trình soạn bài, các thầy cô sẽ nhận được từ đây những gợi ý, chia sẻ thực sự bổ ích.

Rất mong quý thầy cô đón nhận *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 – Sách giáo viên* như đón nhận một người bạn đồng hành đáng tin cậy.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

PHẦN	NỘI DUNG		Trang
Phần một. Hướng dẫn chung	**I**	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*	6
	II	Cấu trúc Chuyên đề học tập Ngữ văn lớp 10 – Sách giáo viên	8
	III	Một số vấn đề cần lưu ý khi sử dụng sách và tổ chức hoạt động dạy học các chuyên đề	10
Phần hai. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể	**Chuyên đề 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian**		14
	I. Yêu cầu cần đạt		14
	II. Chuẩn bị		14
	III. Tổ chức hoạt động dạy học		17
	Phần 1. Tập nghiên cứu	1. Tìm hiểu tri thức tổng quát	17
		2. Thực hành	17
		Hoạt động 1. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu	17
		Hoạt động 2. Thu thập thông tin	19
		Hoạt động 3. Xử lí, tổng hợp thông tin	21
		Hoạt động 4. Đánh giá các hoạt động thực hành	23
	Phần 2. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian	1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các nội dung trong *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* – Sách giáo khoa	24
		Hoạt động 1. Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài	24
		Hoạt động 2. Tìm hiểu các văn bản tham khảo	27
		2. Hướng dẫn học sinh viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình kết quả nghiên cứu	28
		Hoạt động 1. Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu	28
		Hoạt động 2. Thuyết trình kết quả nghiên cứu	28
		3. Hướng dẫn đánh giá bài viết	29
		4. Chấm điểm và trả bài	30
		5. Một số văn bản tham khảo	31
	Chuyên đề 2: Sân khấu hoá tác phẩm văn học		38
	I. Yêu cầu cần đạt		38
	II. Chuẩn bị		38

III. Tổ chức hoạt động dạy học		39
Phần 1. Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học	1. Đọc kịch bản sân khấu	39
	Hoạt động 1. Khởi động	39
	Hoạt động 2. Đọc kịch bản	40
	Hoạt động 3. Khám phá kịch bản	40
	2. Xem vở diễn	43
	Hoạt động 1. Xem vở diễn	43
	Hoạt động 2. Trả lời câu hỏi	43
Phần 2. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học	1. Đọc kịch bản sân khấu	46
	Hoạt động 1. Khởi động	46
	Hoạt động 2. Đọc kịch bản	47
	Hoạt động 3. Trả lời câu hỏi	47
	2. Thực hành sân khấu hoá	50
	Hoạt động 1. Tìm hiểu những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học	50
	Hoạt động 2. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học	51
	3. Củng cố, mở rộng	54
Chuyên đề 3: Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết		55
I. Yêu cầu cần đạt		55
II. Chuẩn bị		55
III. Tổ chức hoạt động dạy học		57
Phần 1. Đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	Hoạt động 1. Tìm hiểu về cách đọc	57
	Hoạt động 2. Thực hành đọc	61
Phần 2. Viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	Hoạt động 1. Xác định mục đích viết	63
	Hoạt động 2. Tìm hiểu một số hướng viết bài	64
	Hoạt động 3. Thực hành viết	68
	Hoạt động 4. Báo cáo kết quả	69
Phần 3. Giới thiệu dưới hình thức nói về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	Hoạt động 1. Tìm hiểu yêu cầu của hoạt động thuyết trình	71
	Hoạt động 2. Tìm hiểu cách tổ chức hoạt động thuyết trình và thực hành thuyết trình	72

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần một
HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC *CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10*

1. Mục tiêu

– Hệ thống hoá những kiến thức Ngữ văn cụ thể đã được dạy học qua các bài trong CT bắt buộc (chủ yếu là kiến thức lí luận văn học và lịch sử văn học), tạo tiền đề cho việc khám phá, đánh giá các hiện tượng văn học ở chiều sâu và tầm cao mới.

– Cho HS nhận thấy tiềm năng kết nối phong phú giữa những kiến thức Ngữ văn được dạy học trong CT với thực tiễn cuộc sống sôi động, từ đó, biết tham gia theo cách riêng vào việc phát triển, hoàn thiện CT.

– Giúp HS biết chủ động tổ chức các đồ án hay hoạt động phù hợp, có ý nghĩa, nhằm khám phá được thiên hướng và thế mạnh của bản thân khi theo đuổi định hướng nghề nghiệp gắn với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đồng thời phát huy ảnh hưởng tích cực của văn học trong đời sống, củng cố hiểu biết và bồi đắp tình yêu đối với nghệ thuật nói chung.

2. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học

Ba CĐ, mỗi CĐ có những yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học riêng được CT quy định như sau:

Chuyên đề 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian (10 tiết)

Yêu cầu cần đạt:

– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

– Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.

– Vận dụng được một số hiểu biết từ CĐ để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.

– Biết thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.

Nội dung:

– Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

– Cách viết một báo cáo nghiên cứu.

– Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học dân gian.

– Yêu cầu của việc tổ chức thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.

Chuyên đề 2: Sân khấu hoá tác phẩm văn học (15 tiết)

Yêu cầu cần đạt:

– Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.

– Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

– Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.

– Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

Nội dung:

– Tác phẩm văn học và sân khấu hoá tác phẩm văn học.

– Quy trình tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

– Cách nhập vai, diễn xuất, thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học.

– Ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ (đa phương thức) trong kịch bản sân khấu.

Chuyên đề 3: Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (10 tiết)

Yêu cầu cần đạt:

– Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

– Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

– Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

Nội dung:

– Phương pháp đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

– Cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

– Yêu cầu của việc trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

Nhìn một cách bao quát, những yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học như trên đối với các CĐ hoàn toàn tương thích với những gì HS đã được tìm hiểu, thực hành vận dụng theo CT bắt buộc, do đó, chúng hoàn toàn có tính khả thi. Ví dụ, HS có thể học CĐ 1 một cách thuận lợi vì trước đó, các em đã tích luỹ được một số vốn nhất định về văn học dân gian qua các bài học ở cấp THCS và qua bài học đầu tiên của SGK *Ngữ văn 10*, tập một. Thêm vào đó, quy cách tiến hành một hoạt động nghiên cứu đã được tìm hiểu ở Bài 4 và Bài 5 của CT bắt buộc (*Sức sống của sử thi* và *Tích trò sân khấu dân gian*). Nếu CĐ 1 được học song song với Bài 4 và Bài 5 nói trên trong học kì I thì việc tích hợp các nội dung dạy học càng có điều kiện thuận lợi để thực hiện. Đối với CĐ 2 cũng vậy. Chính những điều đã nắm được về kịch bản văn học qua các bài học ở cấp THCS (lớp 8) và qua Bài 5 (SGK *Ngữ văn 10*, tập một) sẽ giúp HS không bối rối khi tìm hiểu quy trình sân khấu hoá một tác phẩm văn học. Với CĐ 3, HS hoàn toàn có thể thực hiện các nhiệm vụ được đặt ra một cách hào hứng và có hiệu quả, nhờ những kiến thức về thể loại đã được hình thành và bổ sung phong phú qua nhiều bài học từ cấp THCS tới các bài học có trong SGK *Ngữ văn 10*, cả tập một và tập hai.

II. CẤU TRÚC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN LỚP 10 – SÁCH GIÁO VIÊN

1. Cấu trúc chung

– CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV có hai phần chính: Phần một. *Hướng dẫn chung* và Phần hai. *Hướng dẫn dạy học các chuyên đề cụ thể* gồm ba CĐ tương ứng với CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK.

– Cấu trúc sách này tương đồng với cấu trúc sách Ngữ văn lớp 10, tập một – SGV, thể hiện sự nhất quán của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* trong việc thực thi quan điểm dạy học phát triển năng lực và phẩm chất người học.

– Trọng tâm của mỗi phần, mỗi CĐ trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV là những gợi ý về các hoạt động mà GV sẽ hướng dẫn HS thực hiện trong quá trình học. Gợi ý dù cụ thể bao nhiêu cũng không lấn át sự chủ động của GV, vì việc giúp GV nắm vững hệ thống thao tác hoạt động luôn được xác định là mục tiêu chính.

– CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã cung cấp nhiều tài liệu tham khảo cần thiết để hỗ trợ việc học tập của HS, giúp các em hình dung được một cách cụ thể, sáng rõ về những sản phẩm dự kiến phải đạt tới qua học tập các CĐ. Sách dành cho GV có bổ sung thêm một số tài liệu tham khảo khác để GV rộng đường lựa chọn "mẫu" phân tích, trên cơ sở đó, có thể giảm bớt được những khó khăn về điều kiện học tập cụ thể ở từng trường, từng địa phương.

2. Cấu trúc từng bài

– Có hai mặt cùng song song tồn tại trong mô hình cấu trúc bài hướng dẫn dạy học CĐ. Thứ nhất, đó là mặt ổn định, được thể hiện qua hệ thống các đề mục lớn: *Yêu cầu cần đạt*, *Chuẩn bị*, *Tổ chức hoạt động dạy học*. Thứ hai, đó là mặt khả biến, thể hiện qua hệ thống các tiểu mục. Chính vì điều này, nội dung hướng dẫn dạy học ở từng CĐ không bị đóng khuôn cứng nhắc. Sự thực, dù tất cả các CĐ đều nhấn mạnh tính thực hành, tính ứng dụng, nhưng với những nội dung hoạt động khác nhau (tập nghiên cứu, viết báo cáo; sân khấu hoá tác phẩm văn học; đọc, viết, giới thiệu về một tác phẩm văn học) thì các bước thực hành, ứng dụng cũng phải mang những nét đặc thù. Rõ ràng, đây là điều đã được lưu ý một cách thích đáng.

– Nội dung Hướng dẫn dạy học CĐ 1 (*Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*) triển khai phần *Tổ chức hoạt động dạy học* như sau:

> **Phần 1. Tập nghiên cứu**
>
> 1. Tìm hiểu tri thức tổng quát
>
> 2. Thực hành
>
> Hoạt động 1. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu
>
> Hoạt động 2. Thu thập thông tin
>
> Hoạt động 3. Xử lí, tổng hợp thông tin
>
> Hoạt động 4. Đánh giá các hoạt động thực hành

Phần 2. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian

1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các nội dung trong *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* – Sách giáo khoa

Hoạt động 1. Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài

Hoạt động 2. Tìm hiểu các văn bản tham khảo

2. Hướng dẫn học sinh viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình kết quả nghiên cứu

Hoạt động 1. Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu

Hoạt động 2. Thuyết trình kết quả nghiên cứu

3. Hướng dẫn đánh giá bài viết

4. Chấm điểm và trả bài

5. Một số văn bản tham khảo

– Nội dung Hướng dẫn dạy học CĐ 2 (*Sân khấu hoá tác phẩm văn học*) triển khai phần *Tổ chức hoạt động dạy học* như sau:

Phần 1. Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học

1. Đọc kịch bản sân khấu

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Đọc kịch bản

Hoạt động 3. Khám phá kịch bản

2. Xem vở diễn

Hoạt động 1. Xem vở diễn

Hoạt động 2. Trả lời câu hỏi

Phần 2. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học

1. Đọc kịch bản sân khấu

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Đọc kịch bản

Hoạt động 3. Trả lời câu hỏi

2. Thực hành sân khấu hoá

Hoạt động 1. Tìm hiểu những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học

Hoạt động 2. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học

a. Hình thành ý tưởng

b. Lập dàn ý cho kịch bản

c. Viết kịch bản

d. Tập dượt theo kịch bản và chỉnh sửa kịch bản

e. Biểu diễn

3. Củng cố, mở rộng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Nội dung Hướng dẫn dạy học CĐ 3 (*Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết*) triển khai phần *Tổ chức hoạt động dạy học* như sau:

Phần 1. Đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Hoạt động 1. Tìm hiểu về cách đọc

a. Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách

b. Đọc từng tác phẩm cụ thể

c. Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Hoạt động 2. Thực hành đọc

Phần 2. Viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Hoạt động 1. Xác định mục đích viết

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số hướng viết bài

Hoạt động 3. Thực hành viết

Hoạt động 4. Báo cáo kết quả

Phần 3. Giới thiệu dưới hình thức nói về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Hoạt động 1. Tìm hiểu yêu cầu của hoạt động thuyết trình

Hoạt động 2. Tìm hiểu cách tổ chức hoạt động thuyết trình và thực hành thuyết trình

Nhìn vào cấu trúc của Hướng dẫn dạy học ba CĐ, có thể thấy mỗi mục đều có hai phần chính: phần hướng dẫn cách hình thành, củng cố, hệ thống hoá các kiến thức lí thuyết cho HS và phần hướng dẫn thực hành. Thông thường, phần thứ nhất được tổ chức xoay quanh việc tìm hiểu các văn bản tham khảo, xem như một loại mẫu cần được phân tích để HS nhận ra các thao tác kiến tạo văn bản. Còn ở phần thứ hai, nhiều tình huống hoạt động cụ thể được gợi ý để HS có thể lựa chọn, sao cho việc thực hành đạt được hiệu quả tích cực, tận dụng được mọi lợi thế của điều kiện học tập hiện có để hoàn thành các sản phẩm mong muốn.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG SÁCH VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Khai thác nội dung Chuyên đề học tập Ngữ văn lớp 10 – Sách giáo viên để xây dựng kế hoạch bài dạy

– Tuy mang một tính chất khác với những tập giáo án hay kế hoạch bài dạy, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV, cũng như Ngữ văn lớp 10 – SGV, được biên soạn theo hướng tăng cường những gợi ý, chỉ dẫn cụ thể đối với các hoạt động. Vì vậy, qua tìm hiểu tài liệu này, GV sẽ nhận ra bóng dáng của những bản kế hoạch bài dạy mà mình phải thực hiện trước khi dạy học các CĐ, nhất là ở phương diện cấu trúc.

– CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV hướng dẫn cách triển khai các hoạt động dạy học khá tỉ mỉ, tuy nhiên, GV cần tuỳ vào thời gian được phân bổ cho từng hoạt động để quyết định mức độ tiếp thu hay áp dụng các gợi ý, hướng dẫn. Nhìn chung, không cần dành nhiều thời gian ở trên lớp để tìm hiểu các văn bản, bài viết tham khảo có trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK theo cách mà GV đã quen thực hiện với các văn bản đọc trong CT bắt buộc.

– Những hoạt động được gợi ý trong sách dành cho HS và sau đó được hướng dẫn thực hiện trong sách dành cho GV tương đối phong phú, trải ra theo một "phổ" rộng để bao quát được nhiều tình huống và điều kiện học tập trong thực tế. Tuy nhiên, ở một điều kiện và không gian vùng miền xác định, GV có thể chỉ chọn triển khai một vài hoạt động, miễn sao phù hợp. Ví dụ, với phần 2 của CĐ 1, dù tài liệu học tập có nêu sáu kiểu bài nghiên cứu (báo cáo nghiên cứu) nhưng GV hoàn toàn có thể chỉ hướng dẫn HS chọn viết báo cáo nghiên cứu theo 1 – 2 kiểu được cho là thực sự phù hợp với trình độ HS và điều kiện tra cứu tài liệu, thực hiện các hoạt động trải nghiệm ở trường mình công tác. Hay với phần 2, phần 3 của CĐ 3, dù cả sách dành cho HS lẫn sách dành cho GV đều nêu nhiều hướng viết bài và thuyết trình giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, GV cũng chỉ nên định hướng cho HS lựa chọn lấy một hình thức hoạt động để thực hiện mà theo dự kiến, có khả năng đưa đến kết quả tích cực nhất.

2. Phân bố thời gian thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của từng chuyên đề

– CT chỉ quy định tổng số tiết cho từng CĐ chứ không quy định thời lượng cụ thể cho các hoạt động mà mỗi CĐ phải thực hiện (CĐ 1: 10 tiết; CĐ 2: 15 tiết; CĐ 3: 10 tiết). Do nội dung của các CĐ hết sức phong phú nên việc phân bổ thời gian cho từng hoạt động phải được tính toán cụ thể, hợp lí. Dù khối lượng kiến thức công cụ mà HS phải tiếp nhận khá lớn nhưng GV cũng chỉ có thể dành khoảng 1/3 thời gian của CĐ để hướng dẫn các em tìm hiểu. Thời gian còn lại sẽ được dành cho HS làm ra các sản phẩm theo yêu cầu của CĐ và báo cáo kết quả thực hành trước nhóm học tập hoặc trước cả lớp. Dĩ nhiên, để hoàn thành công việc (kèm theo sản phẩm) mà CĐ đòi hỏi (như thu thập thông tin về đề tài, vấn đề chọn nghiên cứu; viết báo cáo nghiên cứu; sân khấu hoá một tác phẩm văn học; tập luyện để biểu diễn một kịch bản sân khấu; viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết,…), GV và HS nhất thiết phải huy động thêm thời gian ở bên ngoài khung "cứng" của CĐ. Đây chính là điểm khác biệt của việc dạy học một CĐ với việc dạy học một bài học theo CT bắt buộc.

– GV cần lưu ý rằng thời gian để dạy học một CĐ khó có thể diễn ra liên tục, dồn dập. Khoảng cách giữa điểm đầu và điểm cuối của CĐ phải được kéo giãn một cách hợp lí, đủ để HS có thời gian hoàn thành dự án học tập hay các nhiệm vụ thực hành của mình. Vì vậy, trong kế hoạch bài dạy, GV phải hình dung được một cách khá cụ thể, chi tiết những hoạt động của cả GV lẫn HS ở giai đoạn sau khi "tiếp thu lí thuyết" và trước khi báo cáo kết quả học tập CĐ. Về phía GV, đó là các hoạt động: kiểm tra, đôn đốc, tư vấn, tham mưu,… Về phía HS, đó là các hoạt động: phân công công việc, triển khai công việc, phối hợp hoạt động, tham vấn GV và chuyên gia, lên kế hoạch báo cáo kết quả hoạt động và giới thiệu sản phẩm đã hoàn thiện,…

– Ở một số cơ sở giáo dục, vì điều kiện khó khăn, sẽ không dễ tổ chức được các hoạt động "đúng chuẩn" theo đòi hỏi của hệ thống CĐ; GV có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc hướng dẫn HS học các nội dung được biên soạn trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, từ việc đọc, phân tích các văn bản tham khảo đến việc hệ thống hoá kiến thức theo từng vấn đề đã được nêu lên. Tuy vậy, cần phải tranh thủ từng cơ hội thuận lợi để hướng HS vào hoạt động vận dụng, thực hành; bởi chính qua vận dụng, thực hành, HS mới thực sự thấy được ý nghĩa thiết thực của những kiến thức được học theo CT bắt buộc và theo hệ thống CĐ môn học mà các em đã lựa chọn.

3. Kết nối hệ thống chuyên đề với hệ thống bài học thuộc chương trình bắt buộc

– Việc dạy học các CĐ được thực hiện theo một thời gian biểu riêng, độc lập với việc dạy học các bài thuộc CT bắt buộc. Tuỳ thuộc kế hoạch dạy học của từng trường, từng địa phương mà GV quyết định chọn thời điểm bắt đầu dạy học CĐ và phân bổ số tiết dành cho CĐ trong một tuần. Trên cơ sở nghiên cứu kĩ yêu cầu cần đạt của CT môn Ngữ văn lớp 10, nhóm biên soạn đã chú ý thiết kế sao cho hệ thống bài học trong SGK Ngữ văn lớp 10 có thể hỗ trợ cho việc dạy học các CĐ một cách đắc lực nhất. CĐ 1 có nội dung *Tập nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian*, vì vậy, tương ứng với nội dung này, ngay từ bài học đầu tiên, SGK *Ngữ văn 10*, tập một đã "cài đặt" các văn bản đọc về truyện thần thoại, nhằm tạo điều kiện cho HS thâu nạp thêm dữ liệu, đủ để xây dựng cái nhìn bao quát về loại hình sáng tác dân gian, từ đó, có thể thực hiện được các yêu cầu của CĐ 1 một cách thuận lợi. CĐ 2 hướng tới yêu cầu *Sân khấu hoá tác phẩm văn học*. Muốn thực hiện được việc "sân khấu hoá", dĩ nhiên HS phải có được ý niệm về sân khấu và kịch bản, phải nắm được các khái niệm như lời thoại, hành động, xung đột, vai,... Chính vì vậy, việc học về các văn bản chèo hoặc tuồng theo CT bắt buộc không nên để lùi sang học kì II. Đây chính là lí do bài học *Tích trò sân khấu dân gian* đã được đặt vào SGK *Ngữ văn 10*, tập một. Nắm được ý đồ thiết kế bài học như vậy, khi tổ chức dạy học các CĐ, GV cần nhắc HS thường xuyên đối chiếu nội dung kiến thức ở hai tài liệu với nhau để có một nhận thức đầy đủ hơn về vấn đề được đề cập. Nhờ cách tích hợp này, GV có thể giảm bớt phần "lí thuyết" của CĐ để dành thời gian hướng dẫn HS thực hành.

– Trong hệ thống ba CĐ, CĐ nào cũng đòi hỏi HS phải thực hành với các tác phẩm văn học cụ thể. Một khi vốn đọc của HS còn mỏng, nội dung luyện tập của CĐ nên hạn chế đưa ra các yêu cầu gắn với những tác phẩm mà các em chưa đọc hoặc khó tìm sách đọc. Ngược lại, nên tận dụng các tác phẩm đã học trong CT hoặc đã được gợi ý đọc thêm (ở phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học) làm "vật liệu" chính để xây dựng các đề tài nghiên cứu; chuyển thể, giới thiệu một tác phẩm văn học,... Ví dụ, khi hướng dẫn HS viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian, GV có thể gợi ý cho HS viết về những tác phẩm hoặc cụm tác phẩm đã học trong SGK Ngữ văn từ cấp THCS đến lớp 10 – cấp THPT. Còn khi thực hành với CĐ *Sân khấu hoá tác phẩm văn học*, "văn bản gốc" được chọn để chuyển thể nên là một văn bản tương đối đơn giản nhưng giàu kịch tính mà các em đã được học kĩ. Với CĐ 3, rất nên cho HS tập viết, giới thiệu về những tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết có tác phẩm hoặc đoạn trích đã được học từ lớp 10 trở về trước. Nếu việc thực hành ở các CĐ được triển khai theo hướng trình bày nói trên

thì tính tích hợp của môn Ngữ văn càng thể hiện rõ, các kiến thức đã tiếp nhận luôn được đào sâu, làm mới theo những tình huống học tập biến đổi đa dạng mà không quá tầm; sản phẩm của các CĐ hoàn toàn có thể được sử dụng lại ở các khoá học sau như những tài liệu tham khảo có giá trị, không chỉ cho việc dạy học các CĐ mà còn cho việc dạy học các bài học khác trong CT bắt buộc.

4. Phối hợp nhóm trong thực hiện các sản phẩm học tập theo yêu cầu của chuyên đề

– Hệ thống CĐ môn Ngữ văn lớp 10 hướng HS đến việc thực hành, vận dụng tri thức hơn là tích luỹ tri thức lí thuyết thuần tuý. Đã hướng đến thực hành, dĩ nhiên phải quan tâm đến những sản phẩm được tạo ra qua các chuỗi hoạt động. Phần lớn sản phẩm mà các CĐ đòi hỏi đều mang tính tập thể, thể hiện nỗ lực hoạt động chung của cả nhóm học tập. Ví dụ rõ nhất là sản phẩm của CĐ 2: một kịch bản được chuyển thể từ tác phẩm văn học và một vở diễn (ít nhất là một phác đồ hay kế hoạch biểu diễn). Muốn có được các sản phẩm ấy, phải huy động sự tham gia của tất cả HS, mỗi người đảm nhiệm một phần việc, một vai, một công đoạn cụ thể. Thậm chí, đối với việc viết báo cáo nghiên cứu (theo yêu cầu của CĐ 1) – một việc vốn quen được nghĩ là chuyện của từng cá nhân – sự cộng tác giữa mọi thành viên trong nhóm học tập vẫn cần được xem là điều kiện thiết yếu. Từ nhận thức trên đây, khi gợi ý công việc và giao nhiệm vụ học tập cho HS trong quá trình dạy học CĐ, GV cần phải nghĩ ngay tới việc giúp các em xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng nhóm. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập CĐ sẽ được thực hiện qua việc đánh giá những sản phẩm chung mà từng nhóm HS đã thực hiện và báo cáo (thời gian học một CĐ khá ngắn, từng HS khó độc lập tạo được sản phẩm riêng).

– Ở các trường, các địa phương có điều kiện học tập tốt, HS có thể dốc nhiều công sức để thực hiện những đồ án đầy tham vọng theo gợi ý của các CĐ. Căn cứ vào tình hình thực tế, GV có thể điều chỉnh thời khoá biểu, chuyển việc "báo cáo kết quả" hoạt động của HS vào một thời điểm thích hợp hơn, sao cho việc báo cáo ấy có thể cộng hưởng được với các hoạt động giáo dục khác của nhà trường để tạo thành một "sự kiện" đáng nhớ. Ví dụ, với CĐ 2, nếu HS có thể đưa lên sân khấu một kịch bản văn học do chính các em viết thì buổi biểu diễn không nên chỉ đóng khuôn trong mấy tiết hạn hẹp của CĐ mà cần được phát triển thành "đêm diễn" thực thụ. Từ đây có thể thấy, để việc dạy học CĐ có hiệu quả, vấn đề phối hợp hoạt động giữa môn Ngữ văn với một số môn học khác cần phải được nghiên cứu thấu đáo, cùng với đó, vấn đề xác lập mối tương quan giữa kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học chung của nhà trường với kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học riêng của bộ môn Ngữ văn cũng cần phải được cân nhắc kĩ, trên cơ sở nắm bắt chính xác tính đặc thù của các CĐHT môn Ngữ văn.

Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ

CHUYÊN ĐỀ 1

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ CĐ để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.

II. CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian là hoạt động cần thiết, hữu ích đối với HS cấp THPT. Việc hướng dẫn tập nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu sẽ giúp HS:

– Rèn luyện nếp tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.

– Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kĩ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.

– Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.

Ngoài việc hướng tới các mục tiêu lớn như trên, CĐ1. *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian* còn đặt ra nhiệm vụ củng cố, mở rộng những kiến thức về văn học dân gian của Việt Nam và thế giới từng được giới thiệu trong SGK Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 10.

Với mục tiêu và yêu cầu cần đạt nêu trên, CĐ 1 được chia làm hai phần. Phần 1. *Tập nghiên cứu* – hướng dẫn HS các phương pháp và thao tác tiến hành nghiên cứu một vấn đề, bao gồm: xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu; thu thập, xử lí và tổng hợp thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu. Phần 2. *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian* – hướng dẫn HS cách trình bày một bài nghiên cứu với hai

hình thức viết và nói, chú trọng quy trình tiến hành một bài viết và cách thuyết trình kết quả nghiên cứu.

Phần 1 giới thiệu một số hoạt động khi tiến hành nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian (sưu tầm tài liệu, phỏng vấn chuyên gia, trải nghiệm thực tiễn,...). Tuy nhiên, trên thực tế, do thời lượng của CĐ và các điều kiện cụ thể khi thực hiện CĐ, HS có thể không thực hành hết các nội dung được giới thiệu. Vì vậy, GV có thể lựa chọn nội dung thực hành phù hợp, căn cứ vào vấn đề mà HS lựa chọn. Chẳng hạn, nếu HS chọn vấn đề *Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam* hoặc *Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam* thì hoạt động nghiên cứu chủ yếu là sưu tầm tài liệu qua sách báo, tạp chí; nếu HS chọn vấn đề *Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc* thì có thể kết hợp tìm hiểu vấn đề qua trải nghiệm thực tiễn, phỏng vấn chuyên gia,...

Khi hướng dẫn HS các nội dung của Phần 2, GV cần chú ý một số điểm sau:

– Báo cáo nghiên cứu là một văn bản thông tin có quy mô lớn (hơn các bài viết thông thường) trình bày những nội dung khoa học có tính chất chuyên sâu. Với HS lớp 10, đây là kết quả "tập nghiên cứu", là những "bài tập lớn" được thực hiện trong vài tuần,... nên tuỳ theo tình hình thực tế, GV sẽ nêu quy định về dung lượng tối thiểu (khoảng 8 trang A4).

– Báo cáo nghiên cứu của HS lớp 10 cần thể hiện được tri thức, những phương pháp, thao tác đã tiếp thu được ở Phần 1 của CĐ và góp phần phổ biến những tri thức mới về văn học dân gian trong nhà trường.

– Văn học dân gian trong nhà trường tập trung vào truyện cổ dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích), ca dao, tục ngữ và các tích truyện của chèo, tuồng dân gian. Để nghiên cứu về một vấn đề trong văn học dân gian, cần huy động rất nhiều tri thức về đặc trưng của văn học dân gian (tính truyền miệng, tính tập thể, tính diễn xướng, tính dị bản,... cùng với những kết quả nghiên cứu gần đây của các chuyên gia. Vì thế, GV cần cập nhật những tri thức nền tảng về bộ phận sáng tác ngôn từ độc đáo này.

– Mỗi HS (nhóm HS) có thể chọn một vấn đề khác nhau nên GV phải chuẩn bị để bao quát được một phạm vi khá rộng, xử lí linh hoạt, hướng dẫn và trợ giúp HS hoàn thành nhiệm vụ.

– Việc triển khai phần viết báo cáo sẽ được thực hiện cả ở lớp học và ở nhà. Vì thế, GV cần lập kế hoạch chi tiết cho các nội dung theo thời gian thực tế của từng lớp và điều chỉnh cho phù hợp.

Các kĩ năng thực hành nghiên cứu và viết báo cáo khá phức tạp; việc hình thành, phát triển những kĩ năng này chỉ đảm bảo thành công khi GV biết tổ chức hoạt động theo hình thức hợp tác. Trong quá trình hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu cụ thể của CĐ, GV cần đánh giá việc tham gia cũng như kết quả hoạt động của từng cá nhân trong nhóm học tập, chú ý phát hiện những HS có năng lực và sở thích nghiên cứu để giúp các em có định hướng phát triển và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức cần thiết cho việc tổ chức dạy học CĐ này, GV có thể đọc thêm các tài liệu sau:

1. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Nguyễn Bích Hà (1991), *Hình tượng rắn từ thần thoại đến truyện cổ tích*, tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1.

3. Nguyễn Thị Huế (1991), *Mô típ tiếng hát trong truyện cổ dân gian Việt Nam, Tạp chí Văn học*, số 5.

4. Trần Minh Hường (2011), *Các biến thể của hình tượng rắn trong truyện cổ dân gian nhìn từ góc độ danh xưng*, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

5. Đinh Gia Khánh (Chủ biên, 2009), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Đồng Chủ biên, 2001), *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.

7. Trần Đức Ngôn (2009), *Đặc tính mở của văn bản tác phẩm văn học dân gian*, tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, số 297, tháng 3.

8. Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên, 1999), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. Vũ Ngọc Phan (2000), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.

2. Phương tiện dạy học

– Về phía HS: CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, hồ sơ tài liệu, sách tham khảo, tranh, ảnh, bảng biểu, video clip,...

– Về phía GV:

+ Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.

+ Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

+ Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về văn học dân gian), máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet, máy chiếu.

+ Một số sản phẩm của HS (hồ sơ tài liệu) sau khi hoàn thành Phần 1 của CĐ1.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN 1

TẬP NGHIÊN CỨU

1. Tìm hiểu tri thức tổng quát

Các nội dung được trình bày trong phần Tri thức tổng quát nhằm cung cấp cho HS những kiến thức nền tảng để thực hành tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian, bao gồm: kiến thức khái quát về văn học dân gian, đề tài, vấn đề nghiên cứu; báo cáo nghiên cứu và yêu cầu của một báo cáo nghiên cứu.

Do nội dung trình bày thiên về cung cấp kiến thức, không có câu hỏi hướng dẫn, nên GV có thể cho HS tự đọc và tự tìm hiểu nội dung này trước khi thực hiện các hoạt động thực hành. Trong trường hợp GV bố trí được thời gian để hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung này, GV có thể tổ chức dạy học theo lớp để hướng dẫn từng nội dung, hoặc có thể chia nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một nội dung và trao đổi để hiểu về nội dung của CĐ.

Nội dung trong phần này mang tính tóm lược, khái quát; chủ yếu để HS đọc và tìm hiểu trước khi thực hành.

2. Thực hành

Nội dung thực hành bao gồm các hoạt động cần tiến hành trong quá trình nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.

Hoạt động 1 Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu

a. Mục đích của hoạt động

Hoạt động này nhằm giúp HS thực hành khâu đầu tiên của việc tập nghiên cứu là lựa chọn được đề tài, vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu và lập kế hoạch cho việc nghiên cứu.

Trên thực tế, đề tài, vấn đề nghiên cứu về văn học dân gian khá rộng, bao quát nhiều thể loại, nội dung, phạm vi dựa trên nguồn sáng tác phong phú của văn học dân gian Việt Nam và văn học dân gian nhiều nơi khác trên thế giới. Tuy nhiên, trong khuôn khổ CĐ, HS không thể thực hành tất cả các nội dung có liên quan đến văn học dân gian. Do vậy, CĐHT có đưa ra một số nội dung đã được giới thiệu trong SGK Ngữ văn cấp THCS và SGK Ngữ văn lớp 10 (truyện cổ dân gian, ca dao, dân ca), gắn với việc thực hành một số phương pháp nghiên cứu đặc thù như sưu tầm tài liệu, điền dã/ trải nghiệm thực tiễn, phỏng vấn chuyên gia,...

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

– GV tổ chức hoạt động cá nhân hoặc nhóm, tuỳ vào sự lựa chọn vấn đề của HS và yêu cầu của nhiệm vụ.

– Trong trường hợp HS chọn vấn đề theo nhóm thì GV sẽ tổ chức hoạt động nhóm. Nếu HS chọn vấn đề theo cá nhân thì GV có thể phân loại vấn đề để chia theo các nhóm khi tiến hành hoạt động thực hành.

Các bước triển khai

• Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu

Trong phần giới thiệu về CĐ 1, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã gợi ý một số đề tài, vấn đề nghiên cứu về văn học dân gian, tuy nhiên, HS có thể tự chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu khác mà mình tâm đắc để thực hiện. GV cần gợi cho HS nhớ lại các yêu cầu sau đây đối với việc xác định một đề tài, vấn đề nghiên cứu:

– Là một nội dung học tập trong CT cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện.

– Được diễn đạt bằng hình thức cô đọng, ngầm chứa câu hỏi nghiên cứu cần phải giải đáp.

– Có tính khả thi trong điều kiện học tập cụ thể của HS.

Để HS có những thông tin và cảm hứng ban đầu trong việc lựa chọn đề tài, vấn đề, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đưa ra một số gợi ý về bốn đề tài, vấn đề khá phổ biến trong văn học dân gian, gắn với một số phương pháp nghiên cứu đặc thù. HS có thể chọn một trong bốn đề tài, vấn đề được gợi ý trong sách, tuy nhiên, trong tình hình thực tế hiện nay của đa số nhà trường phổ thông, HS có thể chưa có điều kiện đi tìm hiểu thực địa, trải nghiệm lễ hội hoặc phỏng vấn chuyên gia. Vì vậy, GV có thể định hướng để HS chọn hai đề tài, vấn đề nghiên cứu sau (thuận lợi hơn trong việc triển khai và cũng là những đề tài, vấn đề đã được giới thiệu trong SGK Ngữ văn từ cấp THCS):

+ Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,…) trong truyện cổ dân gian Việt Nam.

+ Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,…) trong ca dao, dân ca Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong điều kiện có thể tổ chức cho HS tìm hiểu thực địa, trải nghiệm lễ hội hoặc phỏng vấn chuyên gia thì GV nên khuyến khích HS chọn đề tài, vấn đề liên quan và hướng dẫn HS thực hiện các hình thức hoạt động – nghiên cứu này, bởi đây là những cách thức khá phổ biến trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong nghiên cứu về văn học dân gian.

• Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu

Mục tiêu của một hoạt động là cái đích cần hướng tới trước khi thực hiện hoạt động. Việc xác định mục tiêu rõ ràng sẽ giúp cho HS có căn cứ để tổ chức các hoạt động nghiên cứu. CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã nêu ví dụ cụ thể về cách xác định mục tiêu nghiên cứu đối với đề tài, vấn đề 4: *Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc*. HS tham khảo nội dung trình bày về mục tiêu nghiên cứu đối với đề tài, vấn đề này để xác định mục tiêu nghiên cứu cho đề tài, vấn đề nghiên cứu mình lựa chọn. GV lưu ý HS xác định mục tiêu nghiên cứu theo ba khía cạnh sau:

– *Mục tiêu về kiến thức*: Liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài, vấn đề nghiên cứu, có thể được xác định căn cứ ngay từ tên đề tài. Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề 4, có thể xác định mục tiêu kiến thức là "Tìm hiểu về ý nghĩa, ảnh hưởng của tác phẩm văn học dân gian trong một hoặc một số lễ hội văn hoá truyền thống của địa phương/ quốc gia".

– *Mục tiêu về kĩ năng*: Liên quan đến cách thức tiến hành nghiên cứu, đó là những kĩ năng được hình thành và phát triển ở HS khi tiến hành nghiên cứu về đề tài, vấn đề. Khi

xác định mục tiêu về kĩ năng, cần hình dung một cách khái quát những kĩ năng nổi bật được vận dụng để triển khai nội dung nghiên cứu. Chẳng hạn, kĩ năng được phát triển thông qua việc nghiên cứu đề tài, vấn đề 4 là "Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua trải nghiệm thực tiễn tham dự một lễ hội và tìm hiểu tư liệu trong sách báo".

– *Mục tiêu về thái độ và giá trị*: Đó là việc đáp ứng các nhu cầu, hứng thú học tập của người học khi triển khai đề tài, vấn đề nghiên cứu, tạo động lực cho quá trình nghiên cứu và góp phần vào quá trình phát triển phẩm chất, bồi dưỡng các giá trị sống cho HS. Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề 4, đó là việc HS được "Mở rộng hiểu biết về sức sống và giá trị của văn học dân gian trong đời sống văn hoá của dân tộc hiện nay".

Cùng với việc xác định mục tiêu, HS dự kiến những nội dung trọng tâm cần nghiên cứu của đề tài, vấn đề. HS có thể trả lời các câu hỏi sau để nhận diện các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu: Đề tài, vấn đề nghiên cứu có đặc điểm gì nổi bật? Đề tài, vấn đề nghiên cứu được thể hiện như thế nào? Nghệ thuật thể hiện của đề tài, vấn đề? Ý nghĩa của đề tài, vấn đề?...

• Lập kế hoạch nghiên cứu

Việc lập kế hoạch nghiên cứu trước khi thực hiện một hoạt động là yêu cầu quan trọng, thể hiện tư duy khoa học của người nghiên cứu, giúp hình dung được các bước tiến hành, người tham gia, thời gian và sản phẩm cần đạt.

Việc lập một kế hoạch nghiên cứu là việc làm không khó đối với HS. Dựa trên ví dụ minh hoạ về kế hoạch nghiên cứu, GV cần hướng dẫn, tổ chức và giám sát các nhóm để HS có được một kế hoạch thực hiện khoa học, khả thi.

Hoạt động 2 Thu thập thông tin

a. Mục đích của hoạt động

Hoạt động này giúp HS phát triển kĩ năng tìm kiếm, thu thập các thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu theo những cách đã được nêu ra (sưu tầm tài liệu từ sách báo và tham khảo ý kiến chuyên gia; tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn). Như trên đã nói, GV có thể tổ chức cho HS tiến hành phỏng vấn chuyên gia và trải nghiệm thực tiễn khi triển khai các đề tài, vấn đề nghiên cứu (những hoạt động này cần tiến hành ngoài phạm vi lớp học). Tuy nhiên, trong điều kiện thông thường, nếu hoạt động thực hành thu thập thông tin được thực hiện trên lớp học thì hình thức phổ biến là sưu tầm tài liệu qua sách báo và internet. Do vậy, dưới đây sẽ tập trung vào nội dung hướng dẫn HS triển khai hình thức sưu tầm tài liệu, còn hoạt động phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia và tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn có thể coi là hình thức bổ trợ. GV hướng dẫn HS thực hành sưu tầm những thông tin mới ngoài các thông tin được cung cấp trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK. Việc chủ động tìm đọc các tài liệu từ nhiều nguồn là một bước quan trọng để HS hình thành thói quen, kĩ năng đọc, tra cứu thông tin phù hợp với các mục đích hoạt động khác nhau trong cuộc sống.

Tham khảo ví dụ minh hoạ về cách thức thu thập thông tin cho hai đề tài, vấn đề nghiên cứu sau: (2) *Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam* và (3) *Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam.*

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

– GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm để tìm hiểu, tra cứu nguồn tài liệu.

– HS tự phân công thành viên trong nhóm thực hiện những công việc sau:

+ Tìm thông tin từ sách, báo, internet.

+ Đọc, ghi lại những câu chuyện về những người anh hùng, dũng sĩ hay nhân vật mồ côi trong truyện cổ dân gian hoặc câu ca dao, dân ca về hình tượng con cò (con thuyền, dòng sông,...).

+ Đọc, ghi lại nội dung những bài, đoạn văn có liên quan (phân tích, đánh giá, nhận xét nhân vật; bình về những câu ca dao, dân ca;...).

– GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận trong nhóm và tập hợp thông tin đã tìm được.

Các bước triển khai

HS có thể tiến hành thu thập thông tin qua việc đọc, sưu tầm tài liệu theo hai cách:

– *Sưu tầm tài liệu từ sách báo*: GV có thể cung cấp cho HS tên một số tài liệu có trong thư viện nhà trường hoặc địa phương để HS tìm đọc, sưu tầm, ghi chép những thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề 2 và 3; HS sưu tầm những truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích Việt Nam kể về nhân vật người anh hùng hoặc nhân vật bất hạnh; những câu ca dao, dân ca có hình ảnh con cò, những bài viết về con cò trong ca dao; những bài viết liên quan tới các vấn đề đó. GV có thể giới thiệu cho HS một số tài liệu, ví dụ:

+ Đinh Gia Khánh (Chủ biên, 2009), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Đồng Chủ biên, 2001), *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.

+ Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên, 1999), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Vũ Ngọc Phan (2000), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.

– *Khai thác thông tin trên internet*: GV có thể hướng dẫn HS sử dụng máy tính kết nối internet hoặc sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu, thu thập các thông tin có liên quan đến hai đề tài, vấn đề nghiên cứu trên.

Để có thêm thông tin về mỗi đề tài, vấn đề nghiên cứu, HS có thể vào mạng, tra cứu trên Google bằng những từ khoá chứa các thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu. HS có thể đánh từ khoá cần tìm bằng cách đặt trong ngoặc kép để giới hạn phạm vi tìm kiếm, chẳng hạn: "người anh hùng trong truyền thuyết", "dũng sĩ trong cổ tích", "nhân vật mồ côi trong cổ tích" hoặc "cánh cò trong ca dao",... để tìm kiếm thông tin cho đề tài, vấn đề 2 hoặc 3. Qua mỗi trang tin, HS có thể được giới thiệu thêm các trang tin khác theo những đường link do tác giả của bài đăng cung cấp. HS có thể đọc thêm những trang tin này, lưu giữ thông tin cần thiết vào máy tính cá nhân để sử dụng hoặc giới thiệu cho người khác.

GV lưu ý HS: Tài liệu trên internet rất đa dạng về nguồn gốc, độ tin cậy của thông tin, do vậy, khi sử dụng loại tài liệu này, các em cần biết cách chọn lọc và lưu giữ nguồn, xuất xứ tài liệu để khi cần sẽ trích dẫn đúng quy định. Ví dụ, HS cần biết cách dựa vào uy tín của cơ quan quản lí trang web, tên của tác giả bài viết để xác định độ tin cậy của thông tin; cần biết cách ghi lại thông tin về tên tác giả, tên tài liệu, tên trang web, thời gian đăng bài. HS chỉ được dùng tài liệu do người khác viết để tham khảo, giúp gợi mở ý tưởng, có được các bằng chứng cụ thể như ngữ liệu, số liệu; không được sao chép bài viết của người khác để làm thành nội dung bài nghiên cứu của mình, vì làm như vậy vừa vi phạm luật về bản quyền, vừa tự hạn chế tư duy tích cực của bản thân.

Bên cạnh đó, nếu HS chọn hình thức phỏng vấn chuyên gia hoặc trải nghiệm thực tiễn, GV căn cứ vào các bước tiến hành đã được trình bày khá kĩ trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK để hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện. Các thông tin thu thập qua phỏng vấn chuyên gia và trải nghiệm thực tế là những thông tin bổ trợ quan trọng, giúp cho việc thu thập thông tin được phong phú, sinh động.

Hoạt động 3 Xử lí, tổng hợp thông tin

a. Mục đích của hoạt động

Hoạt động này hướng dẫn HS rèn kĩ năng xử lí, tổng hợp tư liệu để xây dựng đề cương nghiên cứu. GV hướng dẫn HS cách phân loại và sắp xếp những thông tin HS tổng hợp, thống kê được ở hoạt động 2 theo một ý tưởng hay định hướng nhất định. Chẳng hạn, GV hướng dẫn HS sắp xếp các thông tin đã sưu tầm được qua sách báo, internet,... về nhân vật người anh hùng, dũng sĩ, nhân vật mồ côi trong các truyện cổ dân gian Việt Nam hoặc về hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam theo một số cách xử lí thông tin đã được gợi ý ở CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm hoặc thảo luận chung cả lớp. GV quan sát và hướng dẫn HS trình bày kết quả thảo luận theo cách ghi chú bên lề tài liệu, phân tích theo sơ đồ tư duy hoặc tổng hợp theo phương pháp Co-neo (Cornell).

Các bước triển khai

Hoạt động này giúp HS rèn luyện tư duy tổng hợp thông qua việc sắp xếp thông tin thu thập được thành các ý, nhằm làm sáng tỏ từng phương diện của đề tài, vấn đề và toàn bộ đề tài, vấn đề. Trên thực tế, trong quá trình thu thập thông tin có liên quan, HS đã có thể hình dung được một cách sơ bộ về cách sắp xếp và triển khai vấn đề.

Có nhiều cách để sắp xếp các thông tin. Sau đây là một phương án sắp xếp mà GV có thể gợi ý cho HS khi xử lí, tổng hợp thông tin về một trong hai đề tài, vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn:

Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian Việt Nam

✍ Nội dung

– Nguồn gốc, xuất thân: thánh thần/ người phàm/…

– Những đóng góp, chiến công:

+ Người anh hùng kiến tạo vũ trụ, trời đất, con người: *Thần Trụ Trời; Con Rồng, cháu Tiên;…*

+ Người anh hùng sáng tạo văn hoá: *Bánh chưng, bánh giầy;…*

+ Người anh hùng chống ngoại xâm: *Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thuỷ,…*

+ Người anh hùng chinh phục thiên nhiên: *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh;…*

✍ Nghệ thuật

– Tưởng tượng, kì ảo.

– Âm hưởng hào hùng, giọng điệu ngợi ca.

– Hình ảnh biểu tượng.

✍ Đánh giá

– Dấu ấn lịch sử, giá trị văn hoá.

– Trí tuệ dân gian và giấc mơ của người xưa.

Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca Việt Nam

✍ Là hình ảnh hiện thực làm nên vẻ đẹp của làng quê Việt Nam.

– Gắn với bức tranh làng quê Việt Nam truyền thống: *Cái cò bay lả bay la/ Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng; Con cò bay bổng bay la/ Bay từ cửa miếu bay ra cánh đồng;...*

– Gắn với cuộc sống thanh bình ở nông thôn xưa: *Một đàn cò trắng bay tung/ Bên nam bên nữ ta cùng hát lên/ Hát lên một tiếng linh đình/ Cho lăn lóc đá, cho rung rinh trời; Một đàn cò trắng bay quanh/ Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta/ Mình nhớ ta như cà nhớ muối/ Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng;...*

✍ Là hình ảnh mang tính biểu tượng về người nông dân thuở trước.

– Vất vả, cực khổ: *Trời mưa quả dưa vẹo vọ.../ Con cò kiếm ăn; Cái cò đi đón cơn mưa/ Tối tăm mù mịt ai đưa cò về/ Cò về thăm quán cùng quê/ Thăm cha thăm mẹ cò về thăm anh;...*

– Đáng thương: *Cái cò chết tối hôm qua/ Có hai hạt gạo với ba đồng tiền/ Một đồng mua trống mua kèn/ Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong/ Một đồng mua mớ rau răm/ Đem về thái nhỏ thờ vong con cò;...*

✍ Là ẩn dụ chỉ một số mẫu người đáng chê trách trong đời sống: *Con cò lấp ló bụi tre/ Sao cò lại muốn lăm le vợ người; Cái cò là cái cò quăm/ Mày hay đánh vợ mày nằm với ai;...*

✍ Là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam xưa.

– Đảm đang, chịu thương chịu khó: *Cái cò lặn lội bờ sông/ Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non;...*

– Lam lũ, lận đận: *Nước non lận đận một mình/ Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay/ Ai làm cho bể kia đầy/ Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?; Cái cò là cái cò vàng/ Mẹ đi đắp đàng, con ở với ai?;...*

✍ Là hình ảnh gợi lên những phẩm chất tốt đẹp của tầng lớp bình dân.

– Biết đồng cảm, sẻ chia: *Cái cò cái vạc cái nông/ Cùng ăn một đồng nói chuyện giăng ca;...*

– Có tấm lòng trong sạch: *Có xáo thì xáo nước trong/ Đừng xáo nước đục đau lòng cò con;...*

– Có ước mơ hạnh phúc giản dị: *Cái cò là cái cò con/ Mẹ nó yêu nó, nó còn làm thơ;...*

Với nội dung đã tổng hợp trên, để vấn đề được xử lí mang tính "trực quan", HS có thể sử dụng một trong những cách trình bày kết quả như: ghi chú bên lề, lập sơ đồ tư duy, tổng hợp theo phương pháp Co-neo,...

GV lưu ý: Sau khi thực hành theo các hoạt động trên, HS đã có được những thông tin cần thiết để lập thành hồ sơ tài liệu. Hồ sơ tài liệu không phải chỉ là căn cứ để triển khai tiếp các hoạt động ở Phần 2. *Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian*, mà còn là tài liệu lưu trữ để có thể sử dụng trong các tình huống liên quan. Hồ sơ tài liệu cũng là căn cứ để đánh giá quá trình thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của HS.

Hoạt động 4 Đánh giá các hoạt động thực hành

a. Các nội dung cần đánh giá

Trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu các nội dung của bài học, cần chú ý đánh giá sự tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành năng lực, phẩm chất của HS. Cụ thể, cần đánh giá một số nội dung sau:

– Kĩ năng đọc và tìm kiếm thông tin.

– Kĩ năng phân tích, xử lí và tổng hợp thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu.

– Kĩ năng thảo luận nhóm và trình bày.

b. Các hình thức đánh giá

GV có thể sử dụng các hình thức quan sát, vấn đáp, bài thực hành; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như: *đánh giá trước khi học* (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), *đánh giá trong khi học* (đánh giá HS sau mỗi bài tập/ nhiệm vụ), *đánh giá sau khi học* (đánh giá nhiệm vụ học tập tiếp nối, mở rộng),...

Chẳng hạn, có thể sử dụng bảng kiểm sau để đánh giá kết quả luyện tập của cá nhân/ nhóm về hoạt động xử lí, tổng hợp thông tin.

STT	Tiêu chí	Mức độ 4	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 1
1	Quá trình làm việc nhóm	Có sự phân công rõ ràng, hợp lí cho từng thành viên trong nhóm.	Có sự phân công tương đối rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm.	Có phân công đến từng thành viên trong nhóm, nhưng chưa hợp lí.	Chưa phân công công việc cho từng thành viên trong nhóm.
		Có sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ hiệu quả của các thành viên trong nhóm.	Có sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ tương đối hiệu quả của các thành viên trong nhóm.	Có sự hợp tác, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa hiệu quả.	Không thể hiện sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm.
		Có sự xem xét, điều chỉnh nội dung hợp lí trong quá trình thực hiện.	Có sự xem xét, điều chỉnh nội dung tương đối hiệu quả trong quá trình thực hiện.	Có sự xem xét, điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện nhưng chưa hiệu quả.	Không có sự xem xét, điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện.

2	Sản phẩm hoàn thành	Các thông tin được sắp xếp đầy đủ, mạch lạc; hình thức trình bày phù hợp.	Các thông tin được sắp xếp tương đối mạch lạc, hình thức trình bày tương đối phù hợp.	Bước đầu biết cách sắp xếp thông tin nhưng chưa đầy đủ, mạch lạc; hình thức trình bày chưa thật phù hợp.	Chưa biết cách sắp xếp, trình bày thông tin.
3	Trình bày sản phẩm	Trình bày rõ ràng, hấp dẫn về sản phẩm.	Trình bày tương đối rõ ràng, hấp dẫn về sản phẩm.	Trình bày chưa thật rõ ràng, hấp dẫn về sản phẩm.	Trình bày không rõ ràng, không hấp dẫn về sản phẩm.
		Có sự trao đổi, bổ sung trong nhóm hợp lí, hiệu quả để hoàn thành sản phẩm.	Có sự trao đổi, bổ sung trong nhóm tương đối hợp lí, hiệu quả.	Có sự trao đổi, bổ sung trong nhóm nhưng chưa hiệu quả.	Không có sự trao đổi, bổ sung trong nhóm.
		Có sự trao đổi, góp ý hiệu quả giữa các nhóm để hoàn thiện các sản phẩm.	Có sự trao đổi, góp ý tương đối hiệu quả giữa các nhóm.	Có sự trao đổi, góp ý nhưng chưa hiệu quả giữa các nhóm.	Không có sự trao đổi, góp ý giữa các nhóm.

PHẦN 2

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các nội dung trong *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* – Sách giáo khoa

Hoạt động 1 Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài

– HS đọc, thảo luận nhóm để nhận ra các bước triển khai bài viết.

+ Bước 1. Chuẩn bị (xem lại hồ sơ học tập, tinh chỉnh tên đề tài)

+ Bước 2. Tìm ý, lập đề cương

+ Bước 3. Viết

+ Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

– GV tổ chức thảo luận chung để chốt lại kết quả hoạt động ở từng bước. Cần chú ý làm rõ những điểm khác biệt với các bước viết bài nghị luận văn học đã học, thể hiện được phương pháp nghiên cứu (đã học ở Phần 1. *Tập nghiên cứu*) và những điểm đặc thù của văn học dân gian.

• Ở bước *Chuẩn bị*, cần lưu ý:

– Để viết bài nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian, HS phải tập hợp được các tư liệu cần thiết trong hồ sơ tài liệu. Vì thế, GV cần hướng dẫn HS rà soát lại:

+ Các văn bản tác phẩm cần thiết

Nếu chọn hướng nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian, trong hồ sơ tài liệu của HS nhất định phải tập hợp được văn bản từ những nguồn khác nhau. Một truyện cổ dân gian thường có nhiều bản kể. Khi tập hợp tư liệu trong các tuyển tập truyện dân gian cần chú ý đến phần khảo dị nối tiếp sau mỗi tác phẩm. Một bài ca dao cũng có những dị bản khác nhau ít nhiều và thường được xếp liền nhau trong các tuyển tập. Vì thế, cần phải tập hợp các văn bản này để làm tư liệu so sánh, phát hiện ra ý nghĩa, tìm hiểu lí do,...

Nếu chọn kiểu bài viết về một loại hình tượng nhân vật, một loại chi tiết, trong hồ sơ tài liệu của HS cần phải tập hợp được một số tác phẩm thuộc những thể loại khác nhau nhưng chứa đựng một số điểm chung (Ví dụ: nhân vật người mồ côi trong các truyện: *Bánh chưng, bánh giầy*; *Thạch Sanh*; *Tấm Cám*; *Cây khế* hoặc hình tượng con cò trong các bài ca dao *Con cò bay bổng bay la*, *Con cò mà đi ăn đêm*, *Cái cò lặn lội bờ sông*,...). Đây cũng là phần việc GV cần chuẩn bị trước để trợ giúp HS khi cần.

Nếu chọn hướng nghiên cứu lễ hội, ngoài những trải nghiệm cá nhân, HS cần tập hợp được một số tài liệu có liên quan như bài viết, tranh ảnh, video clip về lễ hội.

+ Các tài liệu tham khảo

Việc nghiên cứu của HS được kế thừa, gợi dẫn rất nhiều từ những công trình nghiên cứu đã công bố. Vì thế, cần phải tập hợp được một số bài viết có liên quan, tìm hiểu và chắt lọc những nội dung có thể tham khảo, trích dẫn. Những kết nối (tường thuật ý tưởng, trích dẫn, phản biện, bổ sung,...) với các công trình tham khảo sẽ làm cho nội dung bài viết thêm sâu sắc và thú vị. GV cần hướng dẫn để HS tham khảo và chuẩn bị những đoạn trích dẫn trực tiếp đạt hiệu quả cao.

Danh mục tài liệu tham khảo cũng là một yêu cầu bắt buộc của bài nghiên cứu nên GV cần nhắc nhở HS kiểm tra đầy đủ các thông tin (tên tác giả, năm xuất bản, tên bài viết, tên sách/ tạp chí, tên nhà xuất bản, nơi xuất bản) và sắp xếp tên tác giả theo trật tự bảng chữ cái tiếng Việt. Nếu là tài liệu trên internet thì phải có cả đường dẫn (link) và thời điểm cập nhật. GV cần hướng dẫn để HS thực hiện đúng quy cách.

– Việc diễn đạt chính xác tên đề tài là rất quan trọng. Vì thế, GV rà soát các đề tài của HS và cùng trao đổi, chỉnh sửa để duyệt lại từng đề tài trước khi tập hợp thành danh sách đề tài của cả lớp.

• Ở bước *Tìm ý*, cần lưu ý:

– CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã đưa ra một số câu hỏi hướng dẫn tìm ý cho bài nghiên cứu trong đó có một số câu hỏi thể hiện thao tác nghiên cứu, một số câu hỏi gắn với đặc thù của đối tượng nghiên cứu, gợi dẫn những liên hệ nhiều chiều, tìm cách suy đoán và lí giải,... Tất cả câu hỏi gợi ý đó cũng nhằm phát hiện các giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

– GV có thể gợi ý, trao đổi, giải đáp một số câu hỏi để HS nắm được thao tác tìm ý. Ví dụ: Ở dạng bài nghiên cứu về một truyện cổ dân gian, tiếp nối câu hỏi về nhân vật chính là câu hỏi: *Các nhân vật khác trong truyện là người như thế nào?*

– GV có thể gợi dẫn để HS phát triển ý theo hướng tìm hiểu hệ thống nhân vật, đặc điểm và chức năng của mỗi loại nhân vật gắn với đặc trưng thể loại. Trong truyện cổ tích *Tấm Cám*, mẹ con nhà Cám ích kỉ, tham lam, độc ác nên bị trừng trị, đối lập với cô Tấm bất hạnh, thiệt thòi; Bụt là nhân vật thần kì, trợ giúp cho Tấm được hạnh phúc; vua là biểu tượng của hạnh phúc. Trong thế giới của truyện cổ tích, nhân vật được xây dựng trên nguyên tắc đạo đức, đối lập thiện – ác, có tính chức năng, không giống với nhân vật trong văn học hiện đại.

• Ở bước *Lập đề cương*, việc GV cần làm là:

– Chốt lại mô hình bài nghiên cứu (Đặt vấn đề, Giải quyết vấn đề, Kết luận, Tài liệu tham khảo) .

– Tổ chức hoạt động nhóm để lập dàn ý chi tiết dựa trên những gợi ý từ dàn ý sơ lược trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK.

Ví dụ: Ở mục *Nghiên cứu một truyện cổ dân gian*, tiểu mục *Giải quyết vấn đề* mới nêu ra năm ý lớn cần phải chi tiết hoá. Ý về phân tích tác phẩm có thể triển khai cụ thể hơn như sau:

(1) Xây dựng nhân vật theo nguyên tắc đối lập đạo đức:

Nhân vật chính (Thạch Sanh)	Nhân vật đối lập (Lý Thông)
Xuất thân: mồ côi, ở gốc đa	Xuất thân: ở trong làng, có nhà, có mẹ – không bị thiệt thòi
Thử thách: canh miếu, tìm công chúa, dẹp loạn chư hầu	Thử thách: luôn tìm cách tránh né nhiệm vụ
Chiến công: giết mãng xà, bắn đại bàng, cứu công chúa, cứu thái tử, dẹp chư hầu	Chiến công: không có
Phẩm tính: tốt tính, dũng cảm	Phẩm tính: gian xảo, độc ác (lừa Thạch Sanh, lấp cửa hang)
Số phận: được trợ giúp, được làm vua – hưởng hạnh phúc	Số phận: bị trừng phạt – hoá thành bọ hung

(2) Chi tiết thần kì (vật thiêng, Bụt, Tiên, phép biến hoá):

+ Nhận diện: vật thiêng (cung tên, cây đàn, niêu cơm,...).

+ Phẩm tính: quen thuộc, gần gũi nhưng có phép thần.

+ Chức năng: trợ giúp người tốt vượt qua trở ngại.

+ Ý nghĩa: thể hiện tín ngưỡng, khát vọng của người xưa.

(3) Kết thúc có hậu của truyện cổ tích:

+ Người tốt làm vua.

+ Kẻ xấu bị trừng phạt.

– GV tổ chức cho HS thảo luận, góp ý để hoàn thành dàn ý chi tiết.

Hoạt động 2 Tìm hiểu các văn bản tham khảo

– Việc tìm hiểu các văn bản tham khảo có ý nghĩa thiết thực trên các mặt: học hỏi được về phương pháp nghiên cứu, bổ sung được tri thức văn học và nắm bắt được cách thức trình bày một bài nghiên cứu.

– Trong sách CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, ở CĐ 1 (Phần 2 mục I. *Cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài,* tr.19 – 41) có hai văn bản tham khảo. Cần lưu ý là cả hai văn bản đều không phải là bài "mẫu" mà chỉ là những bài có thể gợi lên được một số thao tác và nội dung nghiên cứu nổi bật, gần gũi với những gì HS được học, trải nghiệm ở lớp 10. GV cần yêu cầu HS đọc trước các văn bản này ở nhà, chú ý đến các box hướng dẫn đọc để tham khảo cách thức triển khai nội dung báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài.

– GV tổ chức thảo luận, trao đổi với HS để việc tìm hiểu văn bản tham khảo đạt hiệu quả cao.

Bài tham khảo 1: *Về bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen"*

– GV gợi mở: Một bài ca dao ngắn vẫn có thể trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên sâu khi người nghiên cứu thực hiện những phương pháp, thao tác nghiên cứu để phát hiện, cắt nghĩa, lí giải những giá trị tiềm ẩn trong bài ca dao đó. Ở đây, nhà nghiên cứu Hoàng Tiến Tựu đã thực hiện các thao tác nghiên cứu ca dao một cách chủ động và có hiệu quả:

+ Tập hợp và phân tích dị bản: "hiện tại chỉ thấy có hai dị bản".

+ Nhận xét, đánh giá khái quát về giá trị của bài ca dao: "đạt đến độ hoàn mĩ hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính ngụ ngôn, triết lí".

+ Đối thoại với các ý kiến trước đó: "rất nhiều người ca ngợi", "Huy Cận đã phát hiện đúng nhưng sự lí giải của ông chưa thật rõ và có chỗ còn hơi khiên cưỡng, chưa phù hợp lắm.",...

+ Phân tích và trình bày ý kiến của mình: "tuy đã có sự chuyển vần và thay đổi trật tự các từ ngữ, hình ảnh (giữa câu thứ hai và câu thứ ba) nhưng tất cả sự chuyển đổi ấy đã được thực hiện một cách khéo léo, tự nhiên, hợp lí, khiến cho bài ca dao cứ phát triển liên tục và ngày càng mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức", "chủ yếu vẫn là sen của nhân dân",...

+ Lí giải bằng ngôn từ và sơ đồ.

+ Đánh giá tổng hợp các bình diện: "Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng", "Về mặt cấu tứ", "Xét về thủ pháp nghệ thuật",...

– HS trao đổi, đánh giá cách thức triển khai nội dung bài viết, chẳng hạn: Về mặt trình bày, bài viết đã thể hiện chất khoa học ở các bình diện:

+ Bố cục ba phần rõ ràng: Phần 1: Phân tích dị bản (từ "Không rõ bài ca dao" đến "vượt dị bản 2 rất xa"); Phần 2: Phân tích bài ca dao (từ "Với dị bản 1" đến "có hư em đền"); Phần 3: Đánh giá tổng hợp (từ "Xét về nội dung" đến "do nó gợi ra").

+ Trình bày ý kiến riêng qua những câu khẳng định, nhấn mạnh: "bài ca dao đạt đến độ hoàn mĩ hiếm có", "Sự sắp đặt thứ tự các hình tượng và từ ngữ trong hai câu thơ trên chẳng những phản ánh được quá trình quan sát, tư duy, cảm xúc và thể hiện, diễn đạt thành lời của tác giả mà còn phản ánh được cả mô hình cấu trúc tổng quát của mỗi cây sen.", "sen trong ca dao trước hết và chủ yếu vẫn là sen của nhân dân",...

+ Việc trích dẫn đan xen đối thoại với ý kiến khác sẽ tạo nên cảm giác tin cậy, tăng thêm sức thuyết phục cho người đọc. Vì thế, trong khi tập hợp tài liệu tham khảo chuẩn bị viết bài, HS cần phải lưu ý những đoạn có thể trích dẫn để sử dụng trong bài.

+ Nhà nghiên cứu đã rất sáng tạo khi minh hoạ ý kiến bằng sơ đồ (mỗi câu thơ ba chi tiết đặt nối nhau trong hình quạt ba lớp, ghép hai câu (hai hình quạt) nối tiếp tạo thành hình bán nguyệt có trục đối xứng phân chia ranh giới câu thơ, các đường cong vừa ngăn cách chi tiết, tạo ra khoảng riêng biệt đồng thời diễn tả sự dịch chuyển vị trí của chi tiết theo dòng thời gian,...).

+ Bài viết cho thấy những hiểu biết chuyên sâu của nhà nghiên cứu qua những dấu hiệu như: nắm vững tư liệu; nắm vững những công trình nghiên cứu có liên quan; am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực; thẩm thơ tinh tế; liên tưởng, kết nối nhiều chiều; có phát hiện mới; trình bày rõ ràng, mạch lạc;...

Bài tham khảo 2: *Hội Gióng và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca*

– Đây cũng là một đoạn trích nên không có đầy đủ các thành phần của bài nghiên cứu nhưng lại trình hiện rất rõ những thao tác phân tích, khảo chứng, những phát hiện thú vị. HS phải đọc kĩ văn bản, chú ý các box hướng dẫn đọc trong bài để hiểu rõ hơn các thao tác và kết quả nghiên cứu.

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản tham khảo 2 theo cách đã thực hiện với văn bản tham khảo 1 ở trên.

2. Hướng dẫn học sinh viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình kết quả nghiên cứu

Hoạt động 1 Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu

– GV nhắc HS bám sát những hướng dẫn trong sách CĐHT để thực hiện báo cáo nghiên cứu và đặc biệt lưu ý hai vấn đề: Phải diễn giải các ý thành đoạn văn rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh; Lựa chọn ngôn từ phù hợp với văn phong khoa học.

– GV chốt lại yêu cầu về dung lượng và thời hạn nộp bài.

– Trong quá trình HS thực hiện việc viết báo cáo nghiên cứu, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HS hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động 2 Thuyết trình kết quả nghiên cứu

– GV xác định thời gian cho hoạt động báo cáo.

– GV hướng dẫn cách thức trình bày:

+ Yêu cầu HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. Tuỳ theo tình hình thực tế, GV có thể quy định số trang tương ứng với thời gian trình bày (khoảng 7 – 10 phút).

+ Để phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, GV khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,...

+ Khuyến khích HS diễn xướng một số ví dụ minh hoạ (kể chuyện nhập vai, diễn xướng ca dao theo làn điệu,...).

– GV lập danh sách HS sẽ trình bày kết quả nghiên cứu.

– GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại), GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).

+ HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau.

+ GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể xếp loại công khai ngay tại lớp.

3. Hướng dẫn đánh giá bài viết

GV có thể xây dựng các tiêu chí để đánh giá bài viết của HS hoặc hướng dẫn HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng bài viết của bạn. Căn cứ vào các tiêu chí, GV có thể xây dựng rubric để mô tả mức độ đạt được cho bài viết của HS.

Sau đây là gợi ý về rubric đánh giá bài viết của HS:

STT	Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và triển khai trình bày vấn đề một cách rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng.	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai trình bày vấn đề.
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện rõ quan điểm và thái độ của người viết về những nội dung nổi bật của đối tượng nghiên cứu.	Có thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa được thuyết phục.	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ đó chưa được diễn giải rõ ràng.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật hiệu quả.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục.

4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trong bài viết được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ bốn phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần trình bày không rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng đọc và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn.	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc.
6	Cách dùng từ, đặt câu, diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1 – 2 lỗi không đáng kể; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3 – 5 lỗi); diễn đạt khá rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (6 lỗi trở lên) hoặc diễn đạt nhiều ý chưa rõ ràng, mạch lạc.
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách và chỉn chu.	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2 – 3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp.	Chữ viết khó đọc, cẩu thả; mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách.

Từ việc mô tả trên, GV có thể xác định trọng số điểm cho từng tiêu chí để chấm điểm và đánh giá mức độ đạt được của HS, hoặc hướng dẫn HS nhận xét bài viết của bạn hay nhóm.

4. Chấm điểm và trả bài

– GV thông báo thời hạn nộp bài viết hoàn chỉnh. HS dành thêm thời gian để chỉnh sửa bài viết sau khi đã trình bày trước lớp.

– GV chấm điểm bài viết, đánh dấu những lỗi diễn đạt và gợi ý sửa lỗi.

– GV trả bài, chữa lỗi, thông báo điểm.

5. Một số văn bản tham khảo

Ngoài hai văn bản tham khảo trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, để tạo thuận lợi cho GV trong việc hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu theo các hướng (cũng là theo các kiểu bài) đã giới thiệu, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV xin nêu thêm một số văn bản tham khảo nghiên cứu về văn học dân gian khác của các chuyên gia.

Văn bản 1

Đặc tính mở của văn bản tác phẩm văn học dân gian

(Trần Đức Ngôn)

Văn học dân gian trong quá trình lưu hành, không tồn tại dưới hình thức văn bản. Tuy nhiên, các nhà sưu tầm đã làm cho văn học dân gian tồn tại từ trạng thái động sang trạng thái tĩnh. Dưới hình thức văn bản sưu tầm, văn học dân gian được cố định bởi chữ viết. Mặc dù được cố định hoá, văn học dân gian vẫn còn mang đặc tính riêng khác hẳn với các sáng tác văn học viết. Đó là tính mở của tác phẩm khi tồn tại dưới hình thức văn bản.

Điều mà các nhà nghiên cứu, sưu tầm đã thấy được từ lâu, nhưng chưa khẳng định đặc tính mở của tác phẩm văn học dân gian khi tồn tại dưới hình thức văn bản, đó là việc tìm ra các dị bản của cùng một tác phẩm. Mỗi tác phẩm văn học dân gian tồn tại thông qua các dị bản. Có thể nêu ra một định nghĩa về dị bản như sau: Các dị bản của cùng một tác phẩm văn học dân gian là những văn bản sưu tầm được từ trong đời sống, giống nhau về chủ đề và các nội dung chính. Như vậy, các văn bản sưu tầm không có các nội dung chính và không có cùng chủ đề với nhóm văn bản trên, sẽ thuộc về một tác phẩm khác, mặc dù nó vẫn còn nhiều chỗ giống với nhóm văn bản trên. Ví dụ, ca dao người Việt có các bài giống nhau:

1. – *Cô kia cắt cỏ bên sông*
Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây
Sang đây anh nắm cổ tay
Anh hỏi câu này: Cô lấy anh chăng?

2. – *Cô kia cắt cỏ bên sông*
Muốn ăn sung chín thì lồng sang đây
Sang đây anh bấm cổ tay
Anh hỏi câu này: Có lấy anh chăng?

3. – *Cô kia cắt cỏ một mình*
Cho anh cắt với chung tình làm đôi
Cô còn cắt nữa hay thôi?
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.

Trong ba bài ca dao trên, chúng ta thấy ngay bài số 1 và số 2 có cùng chủ đề (chàng trai tỏ tình một cách vui nhộn) và các nội dung chính (mời gọi cô gái sang, hỏi một cách sấn sổ). Hai bài này chỉ khác nhau một vài từ (*nhãn – sung chín, nắm – bấm, cô – có*). Chắc chắn đây là các dị bản của cùng một bài ca dao, có thể lấy tiêu đề là bài *Cô kia cắt cỏ bên sông*.

Bài ca dao số 3 giống hai bài trên ở hình ảnh cô gái cắt cỏ, chàng trai chủ động tỏ tình nhưng chủ đề đã khác, không còn là sự tỏ tình vui nhộn nữa mà là tỏ tình một cách nghiêm trang. Nội dung chính của bài số 3 cũng khác với hai bài trên, không có sự mời gọi, không có hành vi sấn sổ. Bài ca này là một tác phẩm khác, không phải là dị bản của bài *Cô kia cắt cỏ bên sông*. Nó có thể được đặt tên là bài *Cô kia cắt cỏ một mình*.

Hiện tượng dị bản khá phổ biến trong văn học dân gian và hiển nhiên nó là biểu hiện của tính mở. Tuy vậy, dị bản không phải là sự biểu hiện đầy đủ tính mở của tác phẩm văn học dân gian sau khi được ghi lại dưới hình thức văn bản. Về phương diện lí luận, có thể khái quát các hình thức biểu hiện của tính mở như sau:

Thay đổi từ hoặc cụm từ giữa các dị bản

Trường hợp các bài ca dao thứ nhất và thứ hai là sự thay đổi từ hoặc cụm từ. Sự thay đổi này không đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành chủ đề tác phẩm. Nó không mang tính quy luật mà chỉ là sự ngẫu hứng. Tuy nhiên, sự thay đổi đó cũng tạo nên những giá trị thẩm mĩ nhất định. Đọc bài ca dao số 1 trong ví dụ nêu trên, chúng ta thấy câu "Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây" rõ ràng có hiện tượng chơi chữ. Từ "nhãn lồng" (một loại nhãn ngon nổi tiếng ở Hưng Yên) được tách làm hai bởi chữ "thì". Còn ở bài ca dao số 2, "sung chín" đã thay thế "nhãn lồng". Tín hiệu thẩm mĩ này lại tạo ra một ý nghĩa khác: "sung" là trái sung nhưng cũng tượng trưng cho sự sung túc, sung sướng về vật chất lẫn tinh thần. Cả hai trường hợp đều mang ý nghĩa mời gọi nhưng lại khác nhau về nội dung cụ thể.

Sự ngẫu hứng này đã được các nhà sưu tầm hết sức trân trọng bởi vì những tín hiệu thẩm mĩ, sau khi được tập hợp lại, sẽ cho những kết luận khoa học có giá trị về sự biến đổi của một tác phẩm văn học dân gian trong quá trình lưu truyền.

Thêm từ hoặc cụm từ vào các dị bản

Hình thức này mang tính logic nội tại nhiều hơn là sự ngẫu hứng ở trên. Nó là kết quả của yêu cầu từ phía nội dung thể hiện. Ở đây, chúng tôi chú ý đến hiện tượng lục bát biến thể trong ca dao:

1. – *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*
   Ngũ lục sông cũng lội, thập cửu đèo cũng qua
2. – *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*
   Ngũ lục sông cũng lội, thất bát thập cửu đèo cũng qua.
3. – *Đèo nào cao cho bằng đèo Cây Cốc*
   Dốc nào cao cho bằng dốc Xuân Đài
   Anh thương em thương huỷ thương hoài
   Dù em có chốc, có sài, anh vẫn thương.

4. – *Đèo nào cao… thương huỷ thương hoài*
Dù em có ghẻ, có lở, có chốc, có sài, anh vẫn thương.

Qua bốn ví dụ nêu trên, chúng ta thấy dường như hình thức của bài ca dao số 1 và số 3 không chứa được hết nội dung cần chuyển tải. Tình cảm trong lòng chàng trai, cô gái dâng trào đến mức không thể chịu nổi cái khung thông thường của một dòng thơ lục bát hay song thất lục bát. Nó cần phải được nhấn mạnh hơn nữa, và việc bổ sung từ hoặc cụm từ vào văn bản đã diễn ra như là một sự tất yếu. Đó chính là quy luật tương tác giữa nội dung và hình thức thể hiện trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

Trong thơ ca dân gian, mặc dù tính cố định của ngôn từ tương đối rõ, song hình thức biểu hiện của tính mở đã xuất hiện không ít. Trên đây chỉ là một vài ví dụ. Còn trong các thể loại truyện kể dân gian, sự thay đổi từ ngữ, thêm bớt từ ngữ ở các dị bản của cùng một tác phẩm là hết sức thông thường. Tuy vậy, đối với các dị bản của truyện kể dân gian, không phải bất cứ sự thay đổi hoặc bổ sung từ ngữ nào cũng trở thành những tín hiệu thẩm mĩ có giá trị. Chỉ có sự thay đổi, bổ sung từ ngữ liên quan đến hành động của nhân vật mới đáng được chú ý vì trong truyện kể dân gian, hệ thống hành động của nhân vật liên quan trực tiếp tới việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

Mở rộng nội dung và hình thức tác phẩm

Kết quả sưu tầm, ghi chép các dị bản cho chúng ta thấy một hình thức tồn tại tự do hơn của tác phẩm văn học dân gian: nó được mở rộng về nội dung và hình thức.

Bài ca dao:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bõ công (tiếc công?) bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu, nắm nem
Mải vui quên hết lời em dặn dò

đã trọn vẹn về ý nghĩa, song vẫn có dị bản được ghi tiếp:

Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương

Một dị bản khác lại tiếp:

Vào chùa thắp một tuần hương
Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.

Và tiếp:

Chùa này có một ông thầy
Có hòn đá tảng có cây ngô đồng
Cây ngô đồng không trồng mà mọc
Rễ ngô đồng rễ dọc rễ ngang.

Tiếp nữa:

Quả dưa gang trong vàng ngoài trắng

Quả mướp đắng trong trắng ngoài xanh.

Dường như bài ca dao *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa* vẫn còn bỏ lửng, không có điểm dừng, không có câu kết. Dường như nhân vật trữ tình đi lang thang trong một tâm trạng bất định. Một vài nhà nghiên cứu đã đi tìm tính thống nhất trong chủ đề của bài ca dao này nhưng chưa thành công. Chúng tôi cho rằng, đây là một bài hát ru. Mục đích của hát ru là để cho trẻ em ngủ, vì vậy, nó cần được kéo dài để thực hiện chức năng này khi đứa trẻ chưa ngủ yên. Bài ca dao đã được mở rộng không phải tại một thời điểm mà trong các thời điểm khác nhau, thậm chí có thể ở những địa phương khác nhau.

Trường hợp thứ hai là một truyền thuyết nổi tiếng có tiêu đề *Rùa vàng* hoặc *An Dương Vương*. Câu chuyện có hai phần khác nhau, gần như có thể tách rời nhau để tồn tại độc lập. Phần thứ nhất kể về việc An Dương Vương xây Loa Thành, phần thứ hai kể về mối tình Mỵ Châu, Trọng Thuỷ. Chúng tôi cho rằng, phần thứ hai là sự mở rộng sau này, không được sáng tác vào cùng một thời điểm với phần thứ nhất.

Trong truyện dân gian, việc mở rộng nội dung không chỉ là bổ sung những đoạn, những phần mới. Nó còn là sự mở rộng thêm những tầng (những lớp) ý nghĩa. Vì vậy, khi phân tích, ta thấy trong cùng một truyện, có tầng nghĩa rất cổ và tầng nghĩa rất mới. Ví dụ, trong truyện *Sự tích đá Vọng phu*, tầng nghĩa cổ nhất là sự chuyển biến từ tình trạng hôn nhân nội tộc sang hôn nhân ngoại tộc. Anh em lấy nhau là nội tộc hôn, điều đó không được xã hội hôn nhân ngoại tộc chấp nhận. Tấn bi kịch gia đình đã xảy ra. Sự tan vỡ của gia đình nội tộc hôn là một tất yếu lịch sử. Tuy vậy, *Sự tích đá Vọng phu* lại là câu chuyện đề cao lòng chung thuỷ, nghĩa vợ chồng. Đây là tầng nghĩa thứ hai, mới hơn tầng nghĩa thứ nhất. *Sự tích đá Vọng phu* còn là bài ca phản đối chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến. Người chồng đã đầu quân, để lại người vợ ở nhà với nỗi buồn hoá đá. Tầng nghĩa này chắc chắn chỉ được bổ sung vào trong thời kì phong kiến, khi có những cuộc nội chiến xảy ra.

Các cách hiểu khác nhau về cùng một tác phẩm hay một chi tiết trong tác phẩm

Tính mở của tác phẩm văn học dân gian không chỉ được hiện hữu trong câu, từ, nội dung phản ánh mà còn từ phía người tiếp nhận. Tác phẩm văn học dân gian, hơn đâu hết, được người đọc, người nghe tiếp nhận đa chiều, có thể theo hướng đúng, sai, tốt, xấu, thậm chí có sự cố tình xuyên tạc. Ví dụ:

Lì xì như chì đổ lỗ

Câu tục ngữ trên có thể hiểu như sau:

(1) Người ít nói, nhìn mặt thấy khó cảm tình;

(2) Chì đang sôi, đổ vào khuôn thường có tiếng kêu lì xì;

(3) Chỉ người đang bực dọc, nói lẩm bẩm một điều gì không ai nghe rõ.

Có lẽ, tục ngữ là thể loại được tiếp nhận đa chiều nhiều nhất. Tuy nhiên, tác phẩm thuộc các thể loại khác cũng không phải không có những cách hiểu khác nhau.

[...] Đa số tác phẩm văn học dân gian thuộc các thời đại đã qua, càng cổ xưa thì nhiều chi tiết, hình ảnh, hình tượng càng trở nên khó hiểu. Người đời phải dùng sự hiểu biết chủ quan để phân tích, lí giải các "trầm tích văn hoá". Vì thế, sự khác nhau trong cách hiểu đối với những trường hợp này là không thể tránh khỏi.

Trên đây là bốn biểu hiện của tính mở của văn bản tác phẩm văn học dân gian. Như vậy, tính mở là một phạm trù mĩ học, phản ánh quá trình tồn tại của tác phẩm văn học dân gian trong đời sống thực tế. Nó là hệ quả từ sáng tác tập thể và phương thức truyền miệng của văn học dân gian.

(Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, số 297, tháng 3/2009, tr. 45 – 47)

Văn bản 2

Hướng dẫn tìm hiểu truyện "Cây khế"

(Đỗ Bình Trị)

I. Nhận xét bản kể

So sánh các dị bản, có mấy điểm sau đây đáng chú ý:

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc (truyện *Phượng hoàng đậu cây khế*, *Truyện cổ nước Nam*, tập 1), thì chim phượng hoàng không đưa người em ra châu đảo mà "nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tinh là bạc, bao nhiêu quả tinh là vàng cả". Người anh cũng đòi đổi hết ruộng vườn của mình lấy cây khế, những mong phượng hoàng cũng tới ăn quả và trả cây khế có hoa bạc quả vàng như thế. Nhưng đợi mãi chẳng thấy chim phượng hoàng đâu, chỉ thấy một bầy quạ ngày nào cũng rủ nhau đến kêu: "Xấu hổ! Xấu hổ!".

2. Theo Nguyễn Đổng Chi, truyện *Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong* (*Người tham của mà chết, chim tham ăn mà chết*) trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 2, thì cái cây là cây lúa, con chim là chim đại bàng, người anh tham lam không chết chìm dưới biển mà chết thiêu trên đảo khi mặt trời lên; con chim được người em nhờ quay lại đảo mang xác người anh về, thấy xác thiêu chín, ngửi thấy mùi thơm, chim rỉa ăn mê mải, quên về, mặt trời lên, chim không kịp cất cánh lên, cũng chết cháy.

Trước đây, trong các sách hướng dẫn giảng dạy, khi hướng dẫn phân tích truyện dân gian (văn xuôi), người ta thường đòi hỏi "bám sát từ ngữ", "bám chặt câu văn". Đứng về lợi ích "dạy tiếng" (thông qua dạy "văn") thì phải làm như thế. Và phải chi, ở ta, các nhà sưu tầm đều bỏ công sức kiên nhẫn tìm hỏi rất nhiều người, nhất là lớp người già thuộc tầng lớp nông dân và thợ thủ công, tra cứu nhiều nguồn tài liệu để ghi lại sao cho các truyện đó "vẫn giữ được nguyên vẹn cái hình thức văn học kì diệu của những câu chuyện kể

dân gian", chứ không chủ yếu dùng văn của mình để diễn đạt cốt truyện dân gian (chưa nói đến sự tuỳ tiện thêm thắt vào chính cốt truyện). Nhưng đứng về lợi ích của bản thân, việc dạy và học văn học dân gian và căn cứ tình hình các văn bản truyện dân gian hiện có, trong việc phân tích truyện dân gian, nhiều khi phải hết sức cân nhắc xem cái việc đòi hỏi "bám sát từ ngữ", "bám chặt câu văn" thực chất là... bám vào ai. Cho nên, thích hợp hơn cả là đặt vấn đề "bám vào chi tiết". Yêu cầu bám vào "từ ngữ" chỉ đặt ra trong những trường hợp đặc biệt, khi nó đúng là thuộc chất "dân gian" và khi nó mang một quan niệm, chứa đựng một hàm lượng nghệ thuật nhất định. Chẳng hạn, ở đây, nếu cần, có thể giải thích những từ "ba gang", "sáu gang" nhưng lại phải rất dè dặt ngay cả khi đặt vấn đề bám vào những chi tiết đại loại như người em "ngồi dưới gốc cây khóc" khi chim đến ăn khế.

II. Một số gợi ý phân tích

1. Truyện về nhân vật người em út và xung đột anh – em

Căn cứ vào đặc điểm nhân vật thì truyện *Hai anh em với cây khế* và truyện *Tấm Cám* cùng thuộc kiểu truyện về "người hiền lành" (người em út, người mồ côi, người con riêng). Cơ sở xã hội lịch sử của nhân vật người em (út) và xung đột anh – em trong truyện cổ tích là sự xuất hiện và tồn tại quyền thừa kế tài sản của con trưởng cùng với gia đình phụ quyền và chế độ tư hữu. Vì ở đây chỉ có vấn đề thừa kế tài sản, chiếm hữu gia tài do cha mẹ để lại, người em không ở với anh chị, không có chuyện áp bức bóc lột, nên có phần khác với truyện *Tấm Cám*, truyện này không có điều kiện mang thêm những dấu ấn rõ nét của xung đột xã hội – giai cấp của đời sau (xã hội phong kiến), do đó mà nó có màu sắc "cổ" hơn cả truyện *Tấm Cám*.

Cái tinh thần cơ bản của truyện không có gì khác hơn là bênh vực cho người em bị thiệt thòi và lên án người anh có đặc quyền đặc lợi. Hai anh em dường như đại diện cho hai thế giới – người em (bị tước đoạt mọi quyền lợi) được gán cho những phẩm chất và khả năng đẹp nhất, quý nhất (không hám lợi, chất phác, khả năng tự kiếm sống bằng lao động) tượng trưng cho đạo đức trong sáng của xã hội cổ đại; người anh (được hưởng đặc quyền, đặc lợi) với thói tham lam, lòng hám lợi, tượng trưng cho xã hội áp bức bóc lột đã tự khẳng định. Xung đột trong truyện thì không trực diện (như ở *Tấm Cám*, *Thạch Sanh*,...) nhưng tính chất cũng thật gay gắt, một mất một còn. Ở đây, không có sự hoà hợp chính vì lẽ đó. Người em, do những phẩm chất, khả năng ấy, cuối cùng được giàu có, lấy lại cả những của cải bị người anh chiếm đoạt, người anh cuối cùng mất hết và chết một cách thảm hại do thói tham lam, lòng hám lợi của chính mình. Ở đây, lập trường của truyện cổ tích là bảo vệ và lí tưởng hoá những truyền thống dân chủ – thị tộc.

Không nên tán rộng những phẩm chất của người em. Đồng thời cũng không nên quên rằng, truyện cổ tích có cách nói hết sức cô đọng của nó. Chẳng hạn, chi tiết người em chỉ có một mảnh vườn với cây khế cũng nói lên cái chất lao động của nhân vật này. Nói về sự "khờ dại" thì không đúng vì ở đây không có chuyện chiếm đoạt tài sản bằng mưu mẹo. (Tiện thể nói thêm: nét "khờ dại" có ở, chẳng hạn, nhân vật anh trai cày trong *Cây tre trăm đốt*, ít nhiều đã có màu sắc châm biếm,...). Chi tiết người em ngồi khóc

dưới gốc cây khi chim ăn khế (mà một bản kể có ghi) cũng có thể làm rõ nét thêm tính hiền lành của anh ta. Cố nhiên, người xưa có thể lí tưởng hoá người em. Nhưng đó không phải là mẫu mực đối với chúng ta.

2. Ý nghĩa của kết cấu truyện

Trong truyện cổ tích có một dạng kết cấu mà ta có thể gọi là "kết cấu đường đồng quy".

Theo kết cấu này, hai nhân vật, đối lập hoàn toàn về phẩm chất, cùng gặp một hoàn cảnh y như nhau, nhưng xử sự khác hẳn nhau về phẩm chất, cuối cùng, đi đến những chung cục trái ngược nhau,... Truyện *Hai anh em với cây khế* có dạng kết cấu này (hãy tìm những truyện cùng loại). Ở đây, rõ ràng hoàn cảnh người em và người anh gặp chim phượng hoàng và được chim hứa hẹn đối xử y như nhau. Nếu người anh chỉ mang theo túi ba gang, thì tất nhiên "không có vấn đề gì". Ý nghĩa của cách sắp đặt như thế là gì? Thứ nhất, nó làm cho sự đối lập về phẩm chất của hai nhân vật trở nên hết sức hiển nhiên, như trắng với đen, sáng với tối. Thứ hai, nó muốn nói rằng kết cục số phận của mỗi người do chính cách xử sự, nói cho đúng là do phẩm cách của họ quyết định. Nếu như có định mệnh thì "cơ chế" của định mệnh hết sức giản dị và sáng rõ. Chim phượng hoàng không thưởng, không phạt ai. Khác với vai Bụt. Cũng chính vì vậy, mọi sự kể lể dông dài, nào là "người em có phần khờ dại", nào là "chị vợ chẳng những cũng tham lam như chồng mà còn độc ác" (thêm người vợ thì có ý nghĩa, chi tiết này có cơ sở xã hội – lịch sử của nó; còn kể là "độc ác" thì vừa thừa vừa thiếu) đã làm mất đi một phần tính chất giản dị mà sắc bén của kết cấu. Đứng về mặt giáo dục, chúng ta thấy tác dụng của nó "hay" hơn vì nó có tác động tốt hơn về mặt lí trí.

(Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, Sđd, tr. 227 – 229)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

CHUYÊN ĐỀ 2

SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

II. CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là một hoạt động phổ biến trong cả không gian nghệ thuật chuyên nghiệp lẫn không gian học đường. Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học sẽ giúp HS:

– Hiểu được mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật sân khấu.

– Hiểu được các yếu tố cấu thành nên một kịch bản sân khấu, biết cách đọc hiểu và phân tích một kịch bản sân khấu.

– Hiểu được ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, các yếu tố như lời thoại, hành động, lời dẫn, bố cục, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất, đạo cụ để có thể cảm thụ, đánh giá được các tác phẩm sân khấu.

– Thực hành sân khấu hoá các tác phẩm văn học.

– Phát triển năng lực sáng tạo, kĩ năng hợp tác làm việc nhóm, giải quyết vấn đề một cách khoa học và có kế hoạch.

Với mục tiêu và yêu cầu cần đạt nêu trên, CĐ 2 được thiết kế với hai nội dung chính:

– Phần 1. *Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học*: Hướng dẫn HS hiểu được mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật sân khấu, nắm được cách thức để đọc hiểu một kịch bản sân khấu, cách thức để chuyển thể văn bản văn học thành một kịch bản sân khấu, hiểu được ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu.

– Phần 2. *Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học*: Hướng dẫn HS đọc một kịch bản sân khấu, thông qua đó phân tích được các nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá như kịch bản, dàn dựng và hiểu được các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học. Dựa trên những kiến thức này, HS có thể tự sân khấu hoá các tác phẩm văn học.

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là một hoạt động sáng tạo mang tính tập thể, cho nên yếu tố then chốt là khơi dậy cảm hứng sáng tạo, thúc đẩy và hỗ trợ HS đề xuất những ý tưởng mới mẻ, đồng thời hướng dẫn HS kĩ năng hợp tác trong suốt quá trình làm việc. Ngoài ra, các hoạt động sân khấu hoá cần rất nhiều thời gian để lên ý tưởng, xây dựng kịch bản, tập dượt, biểu diễn; vì thế, ngoài việc hướng dẫn các hoạt động trên lớp,

GV cần khuyến khích HS tự tìm tòi, nghiên cứu về nghệ thuật sân khấu, trao đổi, tương tác sau giờ học. Ngoài việc biểu diễn trực tiếp trên sân khấu, cần khuyến khích HS sáng tạo và trình bày các tác phẩm của mình dưới những hình thức đa dạng khác như video clip, audio,...

Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức cần thiết cho việc tổ chức dạy học CĐ này, GV có thể đọc thêm các tài liệu sau:

1. Nguyễn Đổng Chi (2016), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lưu Quang Vũ (2018), *Nàng Xi-ta (Sita) và những vở kịch khai thác tích truyện dân gian*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phương tiện dạy học

– Về phía HS: Video clip vở kịch *Lời nói dối cuối cùng* hoặc các vở kịch khác mà HS sưu tầm được chuyển thể, cải biên từ các tác phẩm văn học.

– Về phía GV: Các bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HS.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN I

TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Đọc kịch bản sân khấu

Hoạt động 1 Khởi động

– GV nhắc HS chuẩn bị phương án trả lời hai câu hỏi trong CĐ 2 (tr. 45) trước khi tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học.

– GV đặt câu hỏi: *Trong kho tàng văn học thế giới, có rất nhiều nhân vật nói dối. Nếu cần tạo nên một kịch bản về chủ đề gian dối và sự thật, bạn sẽ lựa chọn nhân vật nào? Vì sao?*

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, trao đổi và trả lời câu hỏi khởi động. Sau đó, mời đại diện một số nhóm chia sẻ và GV tổng kết.

Gợi ý: Trong văn học dân gian Việt Nam, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như lão nhà giàu trong truyện *Cây tre trăm đốt*, Lý Thông trong truyện *Thạch Sanh*, mẹ con nhà Cám trong truyện *Tấm Cám*,... Trong văn học dân gian thế giới, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như chú bé chăn cừu trong truyện *Chú bé chăn cừu*, những người dân làng trong truyện *Thần Mơ-kiu-ri (Mercury) và bác tiều phu* (truyện ngụ ngôn Ê-dốp), con mèo trong truyện *Mèo, chuột kết nghĩa* (truyện cổ Gờ-rim), con cá sấu trong truyện cổ châu Phi *Nước mắt cá sấu*,...

– GV gợi ý và dẫn dắt HS thảo luận: *Thử hình dung các nhân vật trong những truyện này được đưa lên sân khấu nhằm thể hiện chủ đề gian dối và sự thật. Nếu là đạo diễn, bạn có ý tưởng gì để tạo nên các câu chuyện, xây dựng các nhân vật? Nếu là diễn viên, bạn sẽ đóng vai các nhân vật này ra sao? Nếu là khán giả, bạn sẽ mong chờ điều gì ở các nhân vật này?...*

Hoạt động 2 Đọc kịch bản

– Văn bản trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK là một kịch bản sân khấu, có dung lượng khá dài. GV có thể tổ chức cho HS phân vai để cùng đọc trên lớp. Cần có 9 HS tham gia phần đọc này: 1 HS đọc phần tóm tắt vở kịch, bài hát cuối cùng và những lời dẫn chuyện; 8 HS đọc các vai Nha, Cuội, Điển, Quận chúa, Lụa, Bờm, Sim và lũ trẻ.

– Về các box bên phải văn bản, GV có thể tuỳ vào diễn biến cụ thể của lớp học mà lưu ý HS. Nhìn chung, đây là những lưu ý đơn giản, tập trung vào ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong kịch bản và các chỉ dẫn diễn xuất, chỉ dẫn sân khấu. Những lưu ý này muốn HS nhận thức được văn bản mình đang đọc là một kịch bản, và kịch bản đó sẽ được thể hiện thành vở diễn trên sân khấu.

Hoạt động 3 Khám phá kịch bản

a. Bổ sung tri thức

GV dẫn dắt HS tìm hiểu một số tri thức cần cho việc đọc hiểu kịch bản:

Về tác giả Lưu Quang Vũ

– GV dựa vào nội dung phần giới thiệu tác giả ở CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK (tr. 52) để tự tìm hiểu thêm và giới thiệu với HS, hoặc yêu cầu HS tự tìm hiểu trước khi học bài này, sau đó, trình bày trước lớp một số kiến thức về tiểu sử và sự nghiệp của tác giả Lưu Quang Vũ.

– GV cần nhấn mạnh những đóng góp của Lưu Quang Vũ trong lĩnh vực kịch nói và sân khấu, nhất là những vở kịch lấy từ tích truyện dân gian. GV có thể tìm đọc các tài liệu đã được cung cấp và gợi ý trong phần Tài liệu tham khảo để giúp HS thực hiện hoạt động này.

Về các truyện *Nói dối như Cuội* và *Sự tích chú Cuội cung trăng*

– Có thể tìm đọc văn bản của hai truyện trên theo nguồn đã được cung cấp trong phần Tài liệu tham khảo. GV có thể dùng hình thức hỏi – đáp trực tiếp hoặc phân công HS tự chuẩn bị phần tóm tắt truyện để trình bày trên lớp, giúp HS nắm được cốt truyện và các nhân vật cơ bản trong hai truyện này.

– Ở mức độ nâng cao, GV có thể tham khảo phần *Khảo dị* của hai truyện này trong cuốn *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đổng Chi, từ đó giúp HS hiểu sâu hơn về tiềm năng khơi gợi sức sáng tạo của truyện cổ dân gian nói chung.

Về kịch bản *Lời nói dối cuối cùng*

– GV dựa vào nội dung phần tóm tắt vở kịch trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK (tr. 46) và các tài liệu được gợi ý ở phần Tài liệu tham khảo trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGV để tự tìm hiểu thêm và giới thiệu với HS về kịch bản *Lời nói dối cuối cùng*.

– GV cần nhấn mạnh: Kịch bản này nằm trong một chuỗi kịch bản khai thác các tích truyện dân gian, đưa nhiều sáng tạo độc đáo vào những câu chuyện xưa nhằm thể hiện các chủ đề mới mẻ.

b. Trả lời câu hỏi

GV tổ chức cho HS trả lời 8 câu hỏi ở mục Trả lời câu hỏi sau khi đọc. Gợi ý:

Câu hỏi 1: Tìm đọc các truyện dân gian *Nói dối như Cuội, Sự tích chú Cuội cung trăng* và cho biết: Có những nhân vật mới nào trong kịch bản của Lưu Quang Vũ so với truyện dân gian? Các nhân vật đó đóng vai trò gì trong vở kịch?

– Có thể tìm đọc hai truyện trên theo nguồn đã được cung cấp trong phần Tài liệu tham khảo. Tuỳ hoàn cảnh cụ thể, GV có thể cung cấp bản in, photo hoặc gửi văn bản điện tử cho HS.

– Với câu hỏi này, GV nên tổ chức cho HS trả lời theo nhóm và dùng hình thức lập bảng đối chiếu. GV lưu ý HS phân biệt các nhân vật chính và nhân vật phụ khi nói về vai trò của các nhân vật trong vở kịch.

Câu hỏi 2: Khi xây dựng hình tượng nhân vật Cuội, tác giả đã tiếp thu và cải biên những gì ở truyện dân gian? Sự tiếp thu và cải biên đó có thuyết phục hay không? Vì sao?

– Câu hỏi này có ba vế. Với vế thứ nhất, GV gợi ý HS dùng hình thức bảng hoặc sơ đồ để liệt kê các yếu tố "tiếp thu" và các yếu tố "cải biên", sau đó GV tổng kết lại.

– GV lưu ý: tiếp thu và cải biên không phải là hai yếu tố loại trừ nhau. Ví dụ, Cuội trong kịch của Lưu Quang Vũ cũng là nhân vật "nói dối" như Cuội trong truyện dân gian, nhưng mục đích và tính chất của việc "nói dối" là khác, Cuội trong kịch của Lưu Quang Vũ cũng bay lên cung trăng ở phần kết như trong truyện dân gian, nhưng động cơ thúc đẩy hành động bay lên cung trăng là khác. Đây chính là chìa khoá để trả lời vế thứ hai và vế thứ ba của câu hỏi về sức thuyết phục của sự tiếp thu và cải biên.

– GV có thể liên hệ với nội dung của phần Tri thức tổng quát trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, tr. 43 – 44 để định hướng HS trả lời câu hỏi này.

Câu hỏi 3: Cuộc đối thoại giữa Lụa và Cuội thể hiện mâu thuẫn gì? Các mâu thuẫn đó được thể hiện bằng ngôn ngữ như thế nào? Ngôn ngữ đó có gì khác so với ngôn ngữ giao tiếp thông thường?

– GV cho HS xem lại đoạn đối thoại giữa Lụa và Cuội ở hồi X trong đoạn trích kịch bản, lưu ý HS các từ ngữ được lặp đi lặp lại trong đoạn đối thoại này như: *những trò mưu mẹo gian dối, thật lòng, thành thật, nói dối, bịp bợm, kẻ gian dối lừa lọc, người trung hậu chất phác, gian dối, mưu mẹo, lừa lọc, tốt lành, xấu xa, lừa bịp,…* từ đó GV định hướng HS chú ý đến mâu thuẫn giữa ý định tốt đẹp, vì người khác với hành động nói dối, lừa lọc của nhân vật Cuội, đằng sau đó là mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng, giữa thực tế và mơ ước.

– Vế thứ hai và thứ ba của câu hỏi đòi hỏi HS nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ kịch bản, cụ thể là ngôn ngữ đối thoại trong kịch bản, phân biệt được nó với ngôn ngữ giao tiếp thông thường. GV lưu ý HS, đây là ngôn ngữ của nhân vật trong kịch bản và trên sân khấu nên ngôn ngữ đó phải thể hiện được ý kiến, quan điểm cá nhân, phải cho thấy được suy nghĩ, cảm xúc, tính cách của nhân vật, phải gây được ấn tượng rõ và mạnh, khiến người đọc, người xem chú ý và ghi nhớ.

Câu hỏi 4: Có thể xem việc tác giả đưa vào vở kịch nhân vật Bờm (vốn ở trong một bài ca dao không nằm trong chùm truyện dân gian về Cuội) là một phá cách, sáng tạo hay không? Vì sao?

– GV yêu cầu HS đọc lại bài ca dao *Thằng Bờm có cái quạt mo* có nhân vật Bờm:

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi nắm xôi, Bờm cười.

– Về bài ca dao và nhân vật Bờm, có nhiều cách lí giải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, GV chỉ cần lưu ý HS rằng nhân vật Bờm thường được coi là đại diện cho tính cách thật thà, chất phác. Việc đưa nhân vật này vào vở kịch có thể tạo nên sự so sánh với nhân vật Cuội, và có thể coi đó là một sự phá cách, sáng tạo của tác giả khi sử dụng kết hợp các nguồn tư liệu dân gian khác nhau để tạo nên tuyến nhân vật trong tác phẩm của mình.

– GV có thể liên hệ với nội dung của phần Tri thức tổng quát, (CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, tr. 43 – 44) để định hướng HS trả lời câu hỏi này.

Câu hỏi 5: Ở đoạn kết của vở kịch, Cuội đã quyết định bay lên trời. Theo bạn, quyết định này có mâu thuẫn với các lời nói và hành động của Cuội trong các đoạn trên hay không? Vì sao?

– GV yêu cầu HS đọc lại đoạn kết của vở kịch và lưu ý HS đến ngôn ngữ của nhân vật, cho thấy động cơ của hành động quyết định bay lên trời của Cuội, như: *tấm gương soi rọi tâm hồn con người, lời nói dối cuối cùng.*

– GV gợi ý HS đối chiếu lời nói, hành động của Cuội trong đoạn kết với các lời nói, hành động của Cuội trong các đoạn trên để thấy mục đích tốt đẹp, mục đích vì người khác chính là điều nhất quán từ đầu đến cuối vở kịch.

Câu hỏi 6: So sánh đoạn kết của truyện dân gian *Sự tích chú Cuội cung trăng* với đoạn kết vở kịch *Lời nói dối cuối cùng*, bạn thấy có điểm gì khác nhau? Ý nghĩa của sự khác nhau đó là gì?

– Đây là câu hỏi khó, GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm dưới hình thức thảo luận. GV lắng nghe các ý kiến của HS và gợi ý cho HS: Cùng là hành động bay lên cung trăng nhưng một bên là hành động bị động, còn một bên là hành động chủ động. Từ đó, GV dẫn dắt HS đến các vấn đề khác như: Tính cách của nhân vật chú Cuội trong các truyện dân gian và trong kịch bản khác nhau như thế nào? Ý đồ của tác giả Lưu Quang Vũ khi tiếp thu và

cải biên hình tượng nhân vật Cuội là gì? Chủ đề của vở kịch có gì khác, có gì mới so với chủ đề của các truyện dân gian?

– GV có thể đọc và sử dụng nội dung Lời giới thiệu *Tích truyện dân gian trong kịch Lưu Quang Vũ* của PGS. TS Lưu Khánh Thơ để định hướng HS trả lời câu hỏi này.

Câu hỏi 7: Thông qua vở kịch, Lưu Quang Vũ đã đề cập vấn đề gì trong đời sống đương đại?

Đây là câu hỏi yêu cầu năng lực tổng hợp và liên tưởng của HS. GV có thể gợi ý HS trả lời theo hướng sau: Mặc dù lấy tích truyện cổ dân gian và được viết cách đây vài chục năm, nhưng vở kịch vẫn chứa đựng những thông điệp có ý nghĩa thời sự đối với con người đương đại. Chuyện nói dối mà Lưu Quang Vũ đề cập trong vở kịch là chuyện luôn tồn tại ở mọi thời đại, thậm chí có những lúc là chuyện phổ biến. Quan điểm của tác giả ở đây là, dẫu không phải không có lúc cần nói dối, thì xét cho cùng, một xã hội tốt đẹp vẫn là xã hội được xây dựng trên cơ sở niềm tin vào sự trung thực. Đây cũng là vấn đề đáng được quan tâm, suy ngẫm trong bất cứ thời đại nào.

Câu hỏi 8: Nếu muốn biểu diễn vở kịch này, bạn sẽ làm gì để kịch bản của Lưu Quang Vũ gần gũi hơn với đời sống đương đại?

Đây là câu hỏi có mục đích khơi gợi tính độc lập, sáng tạo trong suy nghĩ của HS. Với câu hỏi này, GV nên khuyến khích HS tự tìm ra câu trả lời dựa trên những quan sát, trải nghiệm và trí tưởng tượng của chính mình, đồng thời thể hiện thái độ tôn trọng ý kiến riêng của HS.

Gợi ý: Có thể thay đổi bối cảnh, từ không gian đồng nội trong truyện cổ tích thành không gian đô thị, không gian học đường. Có thể lấy các chất liệu từ các sự kiện liên quan đến hiện tượng nói dối diễn ra ở trong đời sống thường nhật, gắn với lứa tuổi của HS. Có thể thay đổi ngôn ngữ sao cho hợp với lứa tuổi của HS. Có thể sáng tạo một số bài hát để đan cài vào vở kịch,...

2. Xem vở diễn

Hoạt động 1 Xem vở diễn

Hoạt động xem vở diễn có thể diễn ra ở nhà hoặc trên lớp, tuỳ điều kiện của từng trường, lớp. GV cũng có thể cho HS xem một vở diễn khác dựa trên kịch bản chuyển thể một tác phẩm văn học quen thuộc nào đó.

Hoạt động 2 Trả lời câu hỏi

Câu hỏi 1: Đọc thông tin về ê-kíp sản xuất của vở kịch *Lời nói dối cuối cùng* năm 2016 và cho biết vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK.

– GV đặt câu hỏi: *Để một vở kịch được công diễn trước khán giả, cần có sự tham gia của những thành phần nào? Từng thành phần đó có vai trò gì trong vở diễn? Sự tham gia của rất nhiều thành phần khác nhau trong vở diễn tác động như thế nào tới kịch bản sân khấu?*

– GV tổng kết và lưu ý HS: Vở diễn trên sân khấu là một sáng tạo của tập thể, trong đó không chỉ có đạo diễn, biên kịch mà tất cả diễn viên, hoạ sĩ, biên đạo múa,... cùng góp phần

đồng sáng tạo nên vở kịch. Mỗi thành viên trong ê-kíp sản xuất, bằng trải nghiệm cuộc sống, cảm nhận riêng của mình, sẽ đem lại cho kịch bản một cách tiếp cận riêng, một đời sống riêng. Vì thế, mỗi lần công diễn là một lần văn bản văn học được tái sinh trong một hình hài mới, mang một thông điệp mới.

Câu hỏi 2: Bạn nhận xét như thế nào về cách sử dụng ngôn ngữ hình thể của diễn viên trên sân khấu? Ngôn ngữ hình thể ấy đóng vai trò gì trong việc thể hiện nhân vật?

– GV hướng dẫn HS quan sát các cử chỉ, hành động của diễn viên trên sân khấu.

– GV đặt câu hỏi: *Những cử chỉ, hành động đó nhằm biểu đạt điều gì? Theo bạn, cách sử dụng ngôn ngữ hình thể tạo nên hiệu ứng gì cho người xem? Liệu cách diễn xuất đó đã thực sự thuyết phục chưa? Vì sao?*

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Theo bạn, ngôn ngữ hình thể của diễn viên có vai trò gì trong việc thể hiện nhân vật?*

– GV tổng kết và lưu ý HS: Ngôn ngữ hình thể không chỉ giúp bộc lộ nội tâm, tính cách, số phận của nhân vật, mà còn là một yếu tố ước lệ nhằm biểu đạt những thông tin khác trong một vở kịch như thời gian, không gian và những thông điệp quan trọng trong vở diễn.

Câu hỏi 3: Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua những yếu tố nào trong các lời đối thoại trên sân khấu?

– GV hướng dẫn HS quan sát và ghi lại cách đối thoại của các nhân vật trên sân khấu.

– GV đặt câu hỏi: *Vở diễn tái hiện bối cảnh của Việt Nam nơi thôn quê xưa trên sân khấu đương đại. Chúng ta biết sân khấu có những giới hạn nhất định, khó có thể tái hiện được đời sống của nông thôn, đặc biệt là nông thôn Việt Nam trong quá khứ, vậy bằng cách nào người ta có thể khiến cho người xem cảm nhận được sức sống, không khí của đời sống người Việt nơi thôn quê?*

– GV tổng kết và lưu ý HS: Để khắc phục những giới hạn của sân khấu, người ta có thể sử dụng ngôn ngữ đối thoại như một phương tiện để miêu tả bối cảnh, giúp người đọc có thể hình dung được không khí của các tình huống, sự kiện, hành động trong vở kịch.

Câu hỏi 4: Không gian sân khấu khác không gian đời thực ở điểm nào? Làm thế nào để có thể vừa truyền tải được thông điệp nghệ thuật, vừa đem lại cho người xem cảm giác sống động, tự nhiên nhất?

– GV hướng dẫn HS quan sát không gian sân khấu, đặc biệt chú ý đến phông nền, cách bố cục, các đạo cụ, âm thanh và ánh sáng được sử dụng trong vở diễn.

– GV đặt câu hỏi: *Vì sao đạo diễn lại quyết định tổ chức không gian sân khấu như vậy? Việc sắp đặt không gian đó tạo nên hiệu ứng gì nơi người xem và truyền tải thông điệp nghệ thuật nào?*

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Không gian sân khấu khác không gian đời thực ở điểm nào?*

Gợi ý: Không gian sân khấu là không gian ước lệ. Nó vừa cố gắng mô phỏng đời sống thực, vừa cố gắng khắc phục những hạn chế của sân khấu để mở rộng tối đa khả năng biểu hiện đời sống, vừa trực quan hoá các yếu tố của kịch bản để người xem có thể hình dung ra bối cảnh, không khí của vở kịch, đồng thời lại phải tạo nên sự hấp dẫn thị giác đối với người xem. Vì thế, nó vừa giống, nhưng lại vừa khác với không gian thực.

– GV đặt câu hỏi: *Làm thế nào để có thể vừa truyền tải được thông điệp nghệ thuật, vừa đem lại cho người xem cảm giác sống động, tự nhiên nhất?*

Gợi ý: Tất cả yếu tố trên sân khấu như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, phông nền, bố cục,... đều mang ý nghĩa biểu tượng và được sắp đặt một cách thống nhất, chặt chẽ, nhằm làm nổi bật thông điệp của vở diễn.

– GV tổng kết và lưu ý HS về vai trò quan trọng của không gian sân khấu đối với sự thành công của một vở diễn.

Câu hỏi 5: Các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ có tác dụng gì?

– GV yêu cầu HS quan sát các yếu tố ánh sáng, âm thanh, đạo cụ trên sân khấu.

– GV hướng dẫn HS thảo luận để nhận xét về tác dụng của những yếu tố đó trong vở diễn.

– GV tổng kết và lưu ý HS về vai trò của các hiệu ứng âm thanh, ánh sáng trên sân khấu.

Gợi ý: Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ có tác dụng làm nổi bật diễn xuất của diễn viên, hỗ trợ biểu đạt nội tâm của nhân vật, tạo không khí cho vở kịch, đồng thời mang ý nghĩa biểu tượng và góp phần làm nổi bật thông điệp.

Câu hỏi 6: So sánh kịch bản sân khấu và vở diễn, bạn có nhận xét gì về những cải biên của đạo diễn và diễn viên?

– GV yêu cầu HS so sánh vở diễn và kịch bản gốc của Lưu Quang Vũ, tìm ra những điểm khác của vở diễn so với kịch bản.

– GV hướng dẫn HS thảo luận, đánh giá về những cải biên của đạo diễn và diễn viên để tìm ra thông điệp mới của vở diễn trên sân khấu.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Theo bạn, vì sao đạo diễn và diễn viên lại cải biên kịch bản gốc? Những cải biên đó liệu có thuyết phục không? Vì sao?*

– GV cũng có thể yêu cầu HS xem thêm một vài vở diễn khác dựa trên cùng một kịch bản và so sánh các vở diễn với nhau để thấy được sự đa dạng trong cách chuyển thể cùng một tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu.

– GV tổng kết hoạt động và lưu ý HS: Khi đưa một kịch bản văn học lên sân khấu, người ta có thể cải biên kịch bản gốc để truyền tải một thông điệp mới, để vở kịch gần gũi hơn với khán giả, để truyền hơi thở đương đại vào trong tác phẩm văn chương. Đó là một cách tiếp nhận văn học, tạo cho tác phẩm văn học một đời sống mới.

Câu hỏi 7: Làm thế nào để một vở diễn vốn được dàn dựng dựa trên truyện cổ dân gian và được viết từ hơn hai mươi năm trước lại có thể gần gũi và hấp dẫn những người xem đương đại?

– GV có thể cho HS làm việc nhóm để trả lời câu hỏi này. Sau khi làm việc nhóm, các nhóm trình bày kết quả thảo luận của mình và lắng nghe nhận xét, góp ý, bổ sung từ các nhóm khác.

– GV tổng kết: Vở diễn đã đề cập những vấn đề muôn thuở của nhân loại, có ý nghĩa trong mọi thời đại, đó là vấn đề sự thật và dối trá. Các nghệ sĩ cũng lồng ghép rất nhiều vấn đề đương đại vào trong vở kịch, tạo nên sự đồng cảm nơi người xem. Đồng thời, cách bài trí sân khấu, hoá trang và diễn xuất,... cũng tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn đối với người xem.

Câu hỏi 8: Việc sân khấu hoá có tác động như thế nào tới số phận của tác phẩm văn chương?

– GV có thể cung cấp thêm một trường hợp khác về việc sân khấu hoá tác phẩm văn chương, ví dụ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du liên tục được làm mới trên sân khấu của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau như cải lương, múa rối, ba-lê, kịch nói,...

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để tìm thêm những tác phẩm văn học đã được chuyển thể thành các tác phẩm sân khấu khác.

– GV đặt câu hỏi: *Việc sân khấu hoá có tác động như thế nào tới số phận của tác phẩm văn chương?*

– GV tổng kết và gợi ý câu trả lời: Sân khấu hoá cũng là một hoạt động tiếp nhận văn học. Đó là một hoạt động tiếp nhận đặc biệt, trong đó người đọc không phải là một cá nhân mà là một tập thể đạo diễn, biên kịch, diễn viên, hoạ sĩ,... mỗi người tiếp nhận sẽ đem lại một góc nhìn, cách kiến giải riêng về tác phẩm, đồng thời cùng tạo nên một hình tượng nghệ thuật thống nhất. Mặt khác, sân khấu hoá là quá trình chuyển dịch ngôn ngữ văn học – một chất liệu phi vật thể sang ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu – một chất liệu vật thể trực quan, cảm tính. Quá trình chuyển dịch đó khiến cho hình tượng văn học bị biến đổi. Sân khấu hoá cũng là quá trình đương đại hoá tác phẩm, khiến cho các hình tượng văn học trở nên gần gũi hơn với người xem đương đại. Quá trình sân khấu hoá, vì vậy, là quá trình làm sống lại tác phẩm, tạo cho tác phẩm một sức sống mới.

PHẦN 2
THỰC HÀNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Đọc kịch bản sân khấu

Hoạt động 1 Khởi động

• *Nếu được yêu cầu chuyển thể một tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu, bạn sẽ chọn tác phẩm nào? Vì sao?*

– GV giới thiệu một số tác phẩm văn học từng được chuyển thể thành kịch bản sân khấu: Ví dụ: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được chuyển thể thành nhiều loại hình sân khấu khác nhau như cải lương, kịch rối, ba-lê, kịch nói,...

– GV đặt câu hỏi: *Vì sao những tác phẩm này lại được lựa chọn để chuyển thể thành kịch bản sân khấu?*

– GV hướng dẫn HS thảo luận về câu hỏi khởi động. GV lắng nghe và tôn trọng các ý kiến khác nhau của HS.

– GV tổng kết phần thảo luận và lưu ý HS cách lựa chọn tác phẩm văn học để chuyển thể.

• *Đọc truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ" của nhà văn Tô Hoài và cho biết: Nếu chuyển thể tác phẩm này thành một tiểu phẩm sân khấu, bạn sẽ lựa chọn cảnh nào? Hãy cho biết lí do lựa chọn của bạn.*

– GV yêu cầu HS đọc văn bản trước ở nhà và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thảo luận để trả lời câu hỏi. GV lắng nghe và tôn trọng các ý kiến của HS.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Làm thế nào để tiểu phẩm sân khấu trở nên hấp dẫn, gần gũi với người xem?* HS thảo luận và chia sẻ các ý tưởng của mình.

– GV giới thiệu kịch bản sân khấu *Mị cởi trói cho A Phủ*, nhấn mạnh mục đích của việc đọc kịch bản là tìm hiểu, đánh giá về cách chuyển thể một tác phẩm văn học sang tiểu phẩm sân khấu, vì thế cần đặc biệt chú ý đến những yếu tố sân khấu như đối thoại, diễn xuất, âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,…

– GV hướng dẫn cách đọc kịch bản sân khấu: Khác với đọc một tác phẩm văn học, khi đọc kịch bản sân khấu, ta cần đặc biệt chú ý đến các chỉ dẫn sân khấu, dựa trên các chỉ dẫn đó để hình dung về các lớp, màn, cảnh, các hiệu ứng về âm thanh, ánh sáng và diễn xuất, đối thoại của diễn viên trên sân khấu.

Hoạt động 2 Đọc kịch bản

– GV yêu cầu HS đọc lướt văn bản để nhận biết các cảnh, các nhân vật chính, cách bố trí không gian, các hiệu ứng âm thanh, ánh sáng trên sân khấu, phân biệt chỉ dẫn sân khấu và lời đối thoại của nhân vật. Trong quá trình đọc, GV lưu ý HS tham khảo các box hướng dẫn phía bên phải của văn bản.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu về giọng của từng nhân vật và đọc phân vai để diễn tả được chính xác giọng của các nhân vật trong tiểu phẩm.

Hoạt động 3 Trả lời câu hỏi

Nếu như mục đích quan trọng nhất ở việc đọc kịch bản *Lời nói dối cuối cùng* của Lưu Quang Vũ là nhằm giúp HS hiểu được khái niệm sân khấu hoá, các hướng sân khấu hoá tác phẩm văn học, ý nghĩa của hoạt động sân khấu, thì mục đích của việc trả lời các câu hỏi sau khi đọc kịch bản sân khấu *Mị cởi trói cho A Phủ* là giúp HS hiểu được các quy trình, thao tác để sân khấu hoá một tác phẩm văn học. Vì thế, HS cần đọc kịch bản với tư duy phê phán, để có thể đưa ra những ý tưởng, giải pháp chuyển thể khả thi nhất cho tác phẩm văn học này.

Câu hỏi 1: Kịch bản sân khấu đã có thay đổi như thế nào về bố cục so với tác phẩm văn học? Sự thay đổi đó có thuyết phục không? Vì sao?

– GV yêu cầu HS đọc lại các đoạn tương ứng trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (đoạn miêu tả cảnh lễ hội, đoạn Mị cởi trói cho A Phủ).

– GV yêu cầu HS đối chiếu với các cảnh trong kịch bản sân khấu và nhận xét về sự thay đổi trong bố cục của kịch bản sân khấu so với tác phẩm văn học.

Gợi ý: Tác giả kịch bản sân khấu đã đặt cảnh vui nhộn, tràn đầy sức sống của lễ hội lên đầu vở kịch, đồng thời lồng ghép đoạn miêu tả sự tuyệt vọng, cơ cực, lầm lũi của Mị trong quá khứ với đoạn miêu tả sự trỗi dậy khát khao hạnh phúc của Mị trong đêm tình mùa xuân. Sự lồng ghép này được thể hiện trên sân khấu bằng cách cho đồng hiện hai nhân vật Mị quá khứ và Mị hiện tại. Thông qua sự đồng hiện này, tác giả kịch bản muốn nhấn mạnh sự xung đột bên trong nhân vật Mị.

– GV đặt câu hỏi: *Liệu sự thay đổi đó có thuyết phục không? Vì sao?* GV khuyến khích HS đưa ra quan điểm riêng của mình.

– GV tổng kết: Do những giới hạn về thời gian, không gian và do yêu cầu phải tác động mạnh mẽ tới trực quan của người xem nên khi đưa một tác phẩm văn học lên sân khấu, đạo diễn có thể thay đổi bố cục của tác phẩm, tỉnh lược hoặc tô đậm những sự kiện, nhân vật. Sự thay đổi này được coi là thuyết phục khi nó làm nổi bật được ý tưởng sáng tạo của đạo diễn và tạo nên sự lôi cuốn, hấp dẫn với người xem.

Câu hỏi 2: Những đoạn miêu tả nội tâm trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* đã được chuyển thể thành những yếu tố nào trong kịch bản sân khấu? Cách chuyển thể đó tạo nên hiệu ứng gì đối với người xem?

– GV yêu cầu HS tìm các đoạn miêu tả nội tâm trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* và phân tích cách miêu tả nội tâm của nhà văn Tô Hoài.

Gợi ý: Trong truyện ngắn, Tô Hoài thường miêu tả nội tâm nhân vật từ điểm nhìn bên ngoài, thông qua hành động, cử chỉ (ví dụ: "cúi mặt", "mặt buồn rười rượi",...) hoặc từ điểm nhìn bên trong, thông qua lời nửa trực tiếp ("ở lâu trong cái khổ, Mị cũng quen khổ rồi",...).

– GV yêu cầu HS đọc kịch bản sân khấu và chỉ ra các yếu tố sân khấu được sử dụng nhằm bộc lộ nội tâm của nhân vật.

Gợi ý: Trong kịch bản sân khấu, nội tâm nhân vật được chuyển thể thành các yếu tố như chỉ dẫn về diễn xuất của diễn viên, lời độc thoại của nhân vật. Điểm sáng tạo đặc biệt trong kịch bản sân khấu này là tác giả đã chuyển lời độc thoại thành lời hát: lời hát của Mị hiện tại trong cảnh thứ hai, lời hát theo lối đối đáp giao duyên của Mị và A Phủ trong cảnh *Mị cởi trói cho A Phủ*. Bằng cách chuyển lời độc thoại thành lời hát, tác giả có thể tận dụng tối đa hiệu ứng âm nhạc trong việc biểu đạt cảm xúc của nhân vật, đồng thời gây ấn tượng mạnh với người xem. Bằng cách sử dụng lời hát theo lối đối đáp giao duyên để bộc lộ nội tâm của Mị và A Phủ, tác giả đã diễn tả được sự đồng cảm của hai nhân vật.

– GV đặt câu hỏi: *Cách chuyển thể này tạo nên hiệu ứng như thế nào đối với người xem?* Đây là câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS bày tỏ quan điểm của mình và tôn trọng mọi ý kiến của HS.

– GV có thể đặt câu hỏi thêm: *Nếu là tác giả kịch bản, bạn sẽ miêu tả nội tâm nhân vật bằng cách nào? Vì sao?*

– GV tổng kết, nhấn mạnh vai trò và đặc trưng của lời thoại trong nghệ thuật sân khấu: lời thoại là một phương tiện quan trọng nhất để bộc lộ nội tâm. Các yếu tố như giai điệu, tiết tấu trong âm nhạc có thể được lồng ghép vào lời thoại để gia tăng khả năng bộc lộ nội tâm nhân vật và hấp dẫn người xem.

Câu hỏi 3: Các yếu tố như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,... đã được sử dụng như thế nào trong kịch bản sân khấu? Nếu biểu diễn vở kịch, bạn sẽ điều chỉnh những yếu tố đó ra sao để phù hợp với điều kiện hiện có của mình?

– GV yêu cầu HS đọc kĩ kịch bản sân khấu và chú ý đến những chỉ dẫn về âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,...

– GV đặt câu hỏi: *Các yếu tố như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,… đã được sử dụng như thế nào trong kịch bản sân khấu?*

Gợi ý: Sân khấu cảnh *Lễ hội* chia thành hai phần, phần bóng tối nơi Mị đang ngồi và phần ánh sáng rực rỡ nơi diễn ra lễ hội. Âm thanh là nhạc nền dân tộc. Cảnh *Mị cởi trói cho A Phủ*, ánh sáng di chuyển và biến đổi liên tục theo sự di chuyển của nhân vật trên sân khấu và diễn biến nội tâm của nhân vật. Ánh sáng mạnh hơn ở những hành động diễn tả sự quyết đoán, mạnh mẽ của nhân vật. Ngoài tác dụng tạo nên sự hấp dẫn thị giác và thính giác cho tiểu phẩm, ánh sáng và âm thanh còn góp phần miêu tả diễn biến nội tâm của nhân vật, mang nghĩa biểu tượng, tạo nên những thông điệp ngầm trong vở kịch.

– GV đặt câu hỏi: *Nếu biểu diễn vở kịch, bạn sẽ điều chỉnh các yếu tố đó ra sao để phù hợp với điều kiện hiện có của trường mình?* Đây là một câu hỏi mở, HS có thể đưa ra nhiều ý tưởng khác nhau. GV có thể gợi ý một số cách thức mà các nghệ sĩ sân khấu thường sử dụng: Vào thời Phục hưng, các vở kịch được biểu diễn trên sân khấu hình tròn, ở ngoài trời, với thiết bị rất thô sơ, vì vậy, các nghệ sĩ đã sáng tạo ra rất nhiều cách ước lệ sân khấu để diễn tả bối cảnh, ví dụ như để diễn tả cảnh đêm trăng, đạo diễn để cho một diễn viên cầm chiếc đèn chạy lướt qua sân khấu. Sân khấu chèo được trình diễn nơi sân đình, trên manh chiếu, nên diễn viên phải sử dụng lời nói, cử chỉ, hành động thay cho các chỉ dẫn sân khấu,… Chính vì bị giới hạn về không gian, thời gian, nên sân khấu sử dụng rất nhiều thủ pháp ước lệ để gia tăng khả năng biểu đạt và khắc phục các hạn chế về đạo cụ.

– GV tổng kết, nhấn mạnh vai trò cách thức sử dụng âm thanh, ánh sáng, đạo cụ trên sân khấu.

Câu hỏi 4: Những chỉ dẫn diễn xuất có phù hợp với lời thoại của nhân vật và với nội dung, thông điệp của kịch bản hay không? Nếu được viết lại, bạn muốn thay đổi những gì?

– GV yêu cầu HS đọc kĩ các chỉ dẫn về diễn xuất cho diễn viên và các lời thoại của nhân vật.

– GV làm mẫu và hướng dẫn HS phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật được thể hiện qua lời thoại trong một đoạn cụ thể.

Gợi ý: Ví dụ, sự giằng co, xung đột giữa một bên là nỗi cô đơn, tuyệt vọng và một bên là niềm khao khát tự do, khao khát hạnh phúc trong cảnh *Mị quá khứ và Mị hiện tại*.

– GV có thể chia nhóm để HS phân tích những đoạn còn lại và nêu nhận xét về chỉ dẫn diễn xuất của tác giả.

– GV hướng dẫn HS thảo luận về thông điệp của tác giả kịch bản, so sánh thông điệp đó với thông điệp của Tô Hoài trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*.

– GV nêu câu hỏi: *Nếu được viết lại, bạn muốn thay đổi những gì?* Đây là một câu hỏi mở, GV cần khuyến khích và ghi nhận các ý kiến khác biệt của HS.

– GV tổng kết, nhấn mạnh: diễn xuất của diễn viên là một yếu tố vô cùng quan trọng trên sân khấu, không chỉ đảm nhiệm chức năng tạo hình nhân vật, bộc lộ tâm trạng, tính cách, số phận của nhân vật, lôi cuốn, hấp dẫn người xem; mà còn hiện diện như yếu tố ước lệ để thể hiện thông điệp của toàn bộ vở diễn. Diễn xuất của diễn viên cũng thể hiện cách tiếp nhận, diễn giải, sáng tạo riêng của từng diễn viên; vì thế, cùng một kịch bản sân khấu, nhưng mỗi

diễn viên lại tạo nên những hình tượng nhân vật rất khác nhau dựa trên khả năng diễn xuất riêng của mình.

Câu hỏi 5: Theo bạn, khi chuyển thể một tác phẩm văn học sang một kịch bản sân khấu, có thể sáng tạo những gì? Đâu là điều không thể thay đổi?

– GV nhắc HS nhớ lại kịch bản *Lời nói dối cuối cùng* của Lưu Quang Vũ và kịch bản *Mị cởi trói cho A Phủ*, nhận biết những điểm bảo lưu và sáng tạo của kịch bản sân khấu so với tác phẩm văn học; phân tích, lí giải ý nghĩa, giá trị của những bảo lưu, sáng tạo đó.

– GV có thể cho HS thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi. Mỗi nhóm không nên quá 5 HS.

– GV yêu cầu các nhóm trình bày lại kết quả thảo luận của mình và ghi nhận các ý kiến khác nhau của các nhóm HS.

– GV tổng kết và thống nhất câu trả lời.

Gợi ý: Sân khấu hoá là một hoạt động tiếp nhận, cho phép sự tự do sáng tạo, đồng kiến tạo của tập thể biên kịch, đạo diễn, diễn viên,... Vì thế, ta có thể thay đổi bố cục, lược bỏ nhân vật, sự kiện, thêm vào các nhân vật, sự kiện mới, thay đổi thông điệp của tác phẩm, hoặc làm mới các nhân vật,... Tuy nhiên, việc sáng tạo đó vẫn nên được thực hiện dựa trên sự tôn trọng những yếu tố khách quan của tác phẩm gốc, đồng thời phải đảm bảo được giá trị thẩm mĩ của tác phẩm sân khấu.

Câu hỏi 6: Hãy nhận xét về cách chuyển thể của tác giả trong kịch bản và đề xuất những thay đổi để vở kịch có thể gần gũi hơn với khán giả dựa trên các gợi ý trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, tr. 61.

Mục đích của câu hỏi này là thông qua việc tham khảo một kịch bản sân khấu, HS có thể nắm được các thao tác để sân khấu hoá một tác phẩm văn học. Vì thế, GV cần thúc đẩy thái độ tích cực, chủ động, tư duy phản biện và sáng tạo của HS khi tiếp nhận kịch bản. Đây cũng là một nhiệm vụ khó, HS cần có thời gian để tìm tòi, thảo luận. Vì thế, GV nên cho HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà và trình bày lại các đề xuất của mình dưới các hình thức như một báo cáo viết, một video clip thuyết trình hay một kịch bản sân khấu.

2. Thực hành sân khấu hoá

Hoạt động 1 Tìm hiểu những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học

– GV hướng dẫn HS thảo luận: *Qua phân tích một kịch bản sân khấu, bạn nhận thấy những nhân tố nào trong đó cần được đặc biệt chú ý? Để hiện thực hoá trên sân khấu các nhân tố đó, ta cần thực hiện những công đoạn nào?*

– GV yêu cầu HS đọc kĩ các hướng dẫn về những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá và các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK. GV có thể yêu cầu HS sơ đồ hoá các thông tin mình vừa đọc.

– GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: *Ngoài những nhân tố được đề cập trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, theo bạn, còn có những nhân tố nào khác cần thiết cho hoạt động sân khấu hoá?* Đây là câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS trả lời, đặc biệt là những em có niềm đam mê với nghệ thuật sân khấu, tìm hiểu trước ở nhà và trình bày lại những điểm mới mẻ mà mình đã thu nhận được sau quá trình tìm hiểu.

– GV cũng có thể đặt các câu hỏi liên hệ, giúp HS kết nối những tri thức vừa học với kinh nghiệm thực tiễn của bản thân: *Bạn đã bao giờ sân khấu hoá một tác phẩm văn học chưa? Hãy mô tả lại quá trình làm việc của bạn. Qua kinh nghiệm thực tiễn đó, bạn đã rút ra được những bài học gì?* Đây là câu hỏi mở, GV cần khuyến khích HS chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau.

Hoạt động 2 Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học

Thực hành sân khấu hoá là một nhiệm vụ phức tạp, cần được thực hiện trong một thời gian dài, với nhiều công đoạn và cần có sự tham gia, hợp tác chặt chẽ của nhiều cá nhân với những thế mạnh khác nhau. Vì thế, GV cần là người hướng dẫn HS cách lên ý tưởng, lập kế hoạch và theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời tạo động lực cho HS trong suốt quá trình làm việc. Dưới đây là một số gợi ý cho GV:

a. Hình thành ý tưởng

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm chọn một hiện tượng văn học để sân khấu hoá và giải thích vì sao lại lựa chọn hiện tượng đó.

– GV hướng dẫn HS cách xây dựng ý tưởng dựa trên một ví dụ cụ thể. Gợi ý: Có thể lựa chọn *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ để chuyển thể thành kịch bản.

+ Bước 1. *Lựa chọn tác phẩm và tìm kiếm ý tưởng*: Tác phẩm này có thể gợi nên rất nhiều chất vấn, suy ngẫm, có thể khai thác thành chủ đề của một tiểu phẩm sân khấu, ví dụ: liệu ta có nên dũng cảm đương đầu với hiểm nguy để bảo vệ công lí, chống lại cái ác, cái giả dối hay giữ lấy sự an toàn cho bản thân; liệu sau khi đã làm sáng tỏ sự thực, lập nên công trạng, ta có nên lựa chọn chết đi để làm quan Phán sự, hưởng những ân sủng của người đời như Tử Văn hay tiếp tục sống để bảo vệ công lí;...

+ Bước 2. *Lựa chọn hướng sân khấu hoá*: Ta có thể sân khấu hoá tác phẩm theo cách minh hoạ để làm nổi bật thông điệp của tác phẩm, nhưng cũng có thể sân khấu hoá theo hướng phóng tác. Có nhiều cách để phóng tác tác phẩm này, ví dụ: (1) *Thay đổi kết thúc*, thay vì để cho Tử Văn lựa chọn trở thành Phán sự đền Tản Viên trong đoạn kết câu chuyện, ta có thể để cho Tử Văn tiếp tục cuộc sống phàm trần, làm một con người hào sảng, cương trực trừ gian diệt bạo; (2) *Thay đổi bối cảnh*: có thể đặt Tử Văn vào trong bối cảnh của cuộc sống đương đại và thử hình dung với tính cách cương trực, hào sảng của Tử Văn, chàng sẽ đối mặt với những thách thức gì, sẽ hành xử ra sao, sẽ có kết cục thế nào,...

+ Bước 3. *Lựa chọn hình thức biểu diễn*: Ta có thể trình diễn vở kịch dưới dạng kịch nói trên sân khấu của trường, hoặc xây dựng một video kịch ngắn.

– HS làm việc nhóm để tự xây dựng ý tưởng sân khấu hoá.

– GV yêu cầu các nhóm thuyết trình về kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác nêu nhận xét, bổ sung, phản biện để giúp hoàn thiện ý tưởng.

– GV tổng kết, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng trong hoạt động sân khấu hoá.

b. Lập dàn ý cho kịch bản

– GV hướng dẫn HS cách lập dàn ý cho kịch bản thông qua một ví dụ cụ thể.

Gợi ý: Nếu triển khai kịch bản theo hướng phóng tác, thay đổi kết thúc của tác phẩm *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*, để nhân vật Tử Văn tiếp tục sống trừ gian diệt ác, ta có thể phân chia kịch thành các hồi, lớp, cảnh như sau:

Hồi	Cảnh	Nhân vật	Sự kiện	Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ
I	1. Ngôi đền	Tử Văn	Tử Văn đốt đền	– Lửa cháy – Nhạc hào sảng
II	2. Nhà Tử Văn	Tử Văn Tướng giặc Thổ công	– Tử Văn gặp tên tướng giặc bại trận – Tử Văn gặp Thổ công	– Ánh sáng mờ ảo – Nhạc huyền bí, gợi không khí sợ hãi
III	3. Địa ngục	Tử Văn Diêm Vương Tướng giặc Quỷ sứ	Tử Văn đối chất với tướng giặc	– Ánh sáng tối tăm – Nhạc rùng rợn
IV	4. Làng xóm	Tử Văn Người dân thường	Tử Văn tiếp tục hành trình bênh vực kẻ yếu, thực thi công lí	– Ánh sáng rực rỡ – Nhạc vui tươi

– HS làm việc nhóm, xây dựng dàn ý để triển khai ý tưởng mà cả nhóm đã chọn.

– GV yêu cầu từng nhóm trình bày lại kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác bổ sung, góp ý để giúp hoàn thiện dàn ý.

– GV tổng kết và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lập dàn ý, cung cấp phiếu học tập giúp HS lập dàn ý hiệu quả.

c. Viết kịch bản

Đây là một hoạt động quan trọng và cần nhiều thời gian, vì thế, GV nên hướng dẫn HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Trên lớp, GV có thể hướng dẫn HS viết kịch bản sân khấu dựa vào gợi ý sau:

– GV hướng dẫn HS thảo luận để viết chỉ dẫn sân khấu cho một cảnh cụ thể trong dàn ý. Lưu ý: Những chỉ dẫn sân khấu phải giúp người đọc hiểu rõ cách bài trí sân khấu, cách diễn xuất của diễn viên, cách xử lí âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,...

– GV hướng dẫn HS viết lời thoại. Lưu ý: Lời thoại là yếu tố quan trọng nhất trong một vở diễn, giúp bộc lộ tính cách nhân vật, xung đột chính trong vở kịch, tạo ấn tượng mạnh mẽ nơi người xem.

Gợi ý: Giả sử chọn màn đối thoại giữa Tử Văn và tướng giặc trong giấc mơ, ta có thể thấy trong truyện ngắn, tác giả để cho Tử Văn mặc kệ tướng giặc, cứ ngồi ngất ngưởng tự nhiên, tuy nhiên, khi đưa đoạn đối thoại này lên sân khấu, để làm nổi bật tính cách can trường, sự bình tĩnh và vững vàng của Tử Văn, ta cần chuyển nội dung này thành đối thoại. Vậy, cần phải viết thêm lời thoại cho nhân vật Tử Văn, sao cho thể hiện được khí phách, phẩm chất của nhân vật,

sự xung đột giữa một bên là quyền lực, sức mạnh, sự đe doạ của cái ác, cái giả dối và một bên là sự chính trực, hào sảng, bình tĩnh, kiên quyết của Tử Văn; đồng thời lại tái hiện được không khí, giọng điệu của những nhân vật trong quá khứ.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và viết thử lời thoại cho nhân vật Tử Văn trong tình huống này.

– GV gọi HS nêu kết quả của quá trình thảo luận nhóm và nhận xét, góp ý cho các nhóm.

– GV tổng kết hoạt động, lưu ý HS cách viết kịch bản sân khấu.

– GV giao nhiệm vụ về nhà cho các nhóm: Viết kịch bản sân khấu để triển khai ý tưởng và dàn ý mà mình đã thảo luận trên lớp.

d. Tập dượt theo kịch bản và chỉnh sửa kịch bản

Hoạt động tập dượt có thể diễn ra ngoài giờ học, do các nhóm HS tự thực hiện. Trong quá trình tập dượt, HS có thể điều chỉnh, sáng tạo thêm so với kịch bản ban đầu. Vì thế, quá trình tập dượt cũng là một quá trình sáng tạo và hiện thực hoá ý tưởng.

Vì đây là một hoạt động tập thể, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cá nhân, các nhóm, nên để quá trình tập dượt diễn ra một cách thuận lợi, hiệu quả, GV cần hướng dẫn HS kĩ năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch, quản lí thời gian và hợp tác. Dưới đây là một số gợi ý:

– GV thảo luận với HS cùng lựa chọn một kịch bản tốt nhất để sân khấu hoá, dựa trên kết quả làm việc của các nhóm.

– GV hướng dẫn HS kĩ năng lập kế hoạch, có thể tham khảo gợi ý sau:

Phân công	Người thực hiện	Thời hạn	Công việc cụ thể	Nhận xét
Đạo diễn				
Biên kịch				
Diễn viên				
Âm thanh, ánh sáng				
Hoá trang, đạo cụ				

– GV theo dõi, giám sát quá trình làm việc của HS và nhắc nhở, hỗ trợ khi cần.

– GV tổ chức tổng duyệt và hướng dẫn HS thảo luận để hoàn thiện vở diễn trước khi biểu diễn chính thức.

e. Biểu diễn

– Hoạt động biểu diễn có thể diễn ra trên sân khấu thực hoặc có thể được đăng tải dưới các hình thức truyền thông khác như video clip, audio,... Tuỳ theo tính chất của mỗi hình thức sân khấu, GV có thể đưa ra những hướng dẫn, góp ý để giúp HS trải nghiệm và thu thập

được những kinh nghiệm từ thực tiễn. GV cần hướng dẫn HS kĩ năng chuẩn bị, thực hiện và rút kinh nghiệm trước, trong và sau khi biểu diễn.

– Trước khi biểu diễn, GV hướng dẫn HS tự rà soát lại các thao tác, công đoạn cần chuẩn bị, có thể dưới dạng một bảng kiểm, tham khảo gợi ý sau:

STT	Công việc	Người thực hiện	Đã hoàn thành
1	Dẫn CT		
2	Diễn xuất		
3	Âm thanh (micro, nhạc nền, loa, máy tính,...)		
4	Hoá trang (trang phục, trang điểm,...)		
5	Đạo cụ		
6	...		

– Sau khi biểu diễn, GV hướng dẫn HS trong lớp đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất cải tiến, có thể tham khảo gợi ý sau:

STT	Nội dung	Nhận xét	Đề xuất cải tiến
1	Kịch bản		
2	Diễn xuất		
3	Âm thanh		
4	...		

3. Củng cố, mở rộng

GV có thể giao nhiệm vụ này cho HS thực hiện ở nhà, ngoài giờ lên lớp. HS có thể làm việc theo nhóm. Tuỳ theo điều kiện, kết quả làm việc có thể được gửi tới GV theo nhiều hình thức khác nhau: video clip, kịch bản, bài thuyết trình về ý tưởng hoặc buổi biểu diễn trước lớp,...

Trong quá trình HS làm việc, GV có thể cung cấp các công cụ hướng dẫn và giúp HS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình như: mẫu kế hoạch sân khấu hoá, dàn ý kịch bản sân khấu, bảng kiểm công việc,... như đã trình bày ở phần trên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHUYÊN ĐỀ 3

ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

II. CHUẨN BỊ

1. Giới thiệu chung

CĐ 3 giúp HS rèn luyện tổng hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết. Xét riêng về mặt tư liệu, CĐ có một sự bổ sung cần thiết cho CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK. Trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, các văn bản được giới thiệu mới chỉ tồn tại với tư cách đơn vị bài biệt lập (trường hợp thơ, truyện ngắn) hoặc đoạn trích (trường hợp tiểu thuyết), còn trong CĐ này, cả một tập hợp văn bản trong chỉnh thể "tập" (tập thơ, tập truyện ngắn) cùng một số tiểu thuyết với tư cách là chỉnh thể toàn vẹn được nói tới. Việc đọc một tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết có một số điểm khác biệt so với việc đọc từng bài thơ, truyện ngắn và trích đoạn tiểu thuyết riêng lẻ; do nó đòi hỏi người đọc phải vận dụng được tư duy tổng hợp trong quá trình nối kết các văn bản trong một chỉnh thể. Khi đọc một tập sách (thơ, truyện), người đọc không chỉ đọc, tìm hiểu, khám phá từng văn bản, mà còn phải tìm ra sự xâu chuỗi, kết nối chúng theo các mạch nội dung hay nghệ thuật nổi bật. Còn khi đọc một tiểu thuyết hoàn chỉnh, người đọc cần theo dõi đầy đủ từng chương, phần, quan tâm từng bước đi của nhân vật trong suốt cả quãng đời được miêu tả, thể hiện. Thời gian dành cho việc đọc tập sách, tiểu thuyết thường kéo dài và nhiều khi không liên tục, vì vậy người đọc cần rèn luyện kĩ năng đọc ngắt quãng về thời gian để tiếp thu hoàn chỉnh nội dung cuốn sách.

Đọc, viết, giới thiệu về một cuốn sách là hoạt động khá phổ biến trong đời sống hiện nay, nhắm tới nhiều mục đích khác nhau và diễn ra trong những tình huống giao tiếp khác nhau. CĐ này giúp HS mở rộng phạm vi đọc, viết, nói và nghe, tạo điều kiện thuận lợi để các em tiếp cận với việc đọc sách trong thực tế.

Về *Đọc*, CĐ muốn khơi dậy ở HS niềm hứng thú đọc: đọc để tự nhận thức được ý nghĩa, rút ra được các kinh nghiệm cần thiết, từ đó có thể thực hành đọc hiệu quả một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết mà mình lựa chọn theo các bước đã được giới thiệu.

Về *Viết*, từ việc xác định mục đích của việc viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, HS biết được các hướng trình bày bài giới thiệu của cá nhân (hướng nghiên cứu, phê bình; hướng thưởng thức, tri âm; hướng giới thiệu, quảng bá – hướng nào cũng có ý nghĩa, giá trị và điểm thú vị riêng). Các văn bản được giới thiệu là những ví dụ sinh động, tiêu biểu cho các hướng viết bài, gắn với những tác giả, tác phẩm quen thuộc mà HS đã được học trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK.

Về *Nói và nghe*, HS được giới thiệu và thực hành về cách tổ chức hoạt động, các bước thực hiện hoạt động nói theo hai hình thức: (1) Cá nhân HS trình bày bài nói trên cơ sở bài viết của mình; trong khi một HS trình bày bài nói, các HS khác chú ý lắng nghe, ghi chép và chuẩn bị ý kiến để trao đổi, thảo luận; có thể tổ chức nhóm HS thảo luận, trao đổi để lựa chọn bài viết tốt và cử đại diện trình bày bài nói có sự đóng góp của nhóm; (2) Tổ chức sự kiện giới thiệu sách, với sự tham gia của các nhóm trong lớp, mỗi nhóm phụ trách một công việc khác nhau (trang trí, dẫn CT, trình bày bài giới thiệu,...). GV cần nắm vững hai hình thức đó, căn cứ vào điều kiện cụ thể để hướng dẫn HS thực hiện.

Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức cần thiết cho việc tổ chức dạy học CĐ này, GV có thể đọc thêm các tài liệu sau:

TẬP THƠ

1. Hồ Chí Minh (2003), *Nhật kí trong tù*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Trãi (2012), *Quốc âm thi tập*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

3. Lưu Quang Vũ (2010), *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

TẬP TRUYỆN NGẮN

1. Nguyễn Minh Châu (1985), *Bến quê*, NXB Văn học, Hà Nội.

2. Thạch Lam (2021), *Sợi tóc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

3. Thạch Lam (2014), *Gió đầu mùa*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

4. Nguyễn Tuân (2014), *Vang bóng một thời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

TIỂU THUYẾT

1. Xéc-van-tét (Cervantes, 2004), *Đôn Ki-hô-tê* (*Don Quijote*), NXB Văn học, Hà Nội.

2. Đe-ni-ơn Đi-phô (Danile Defoe, 2021), *Rô-bin-xơn Cru-xô* (*Robinson Crusoe*), NXB Văn học, Hà Nội.

3. Mác Tu-ên (Mark Twain, 2019), *Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoi-ơ* (*Tom Sawyer*), NXB Văn học, Hà Nội.

4. Ma Văn Kháng (1985), *Mùa lá rụng trong vườn*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.

5. Vũ Trọng Phụng (2020), *Số đỏ*, NXB Văn học, Hà Nội.

2. Phương tiện dạy học

– HS nhận phiếu học tập từ GV, chuẩn bị nội dung thảo luận. Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

– GV chuẩn bị tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,… có liên quan đến nội dung CĐ3), máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN 1

ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Hoạt động 1 Tìm hiểu về cách đọc

a. Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách

• HS cần ý thức được rằng, thông tin thuộc về hình thức là những điều các em nhất thiết phải nắm vững trước khi đọc từng tác phẩm (đối với tập thơ hoặc tập truyện ngắn) hoặc đọc trọn vẹn cuốn sách (nếu là cuốn tiểu thuyết). Việc nắm một cách sơ sài, thiếu cụ thể, chính xác về những thông tin hình thức có khi dẫn đến nhầm lẫn tập này với tập kia của cùng một tác giả hoặc nhóm tác giả khi đề cập đến cuốn sách được đọc, viết hoặc giới thiệu bằng hình thức thuyết trình.

• GV lấy một ví dụ để minh hoạ cho cách nêu thông tin chung một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết. Chẳng hạn, với tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta (Foujita)* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, các thông tin sau phải được ghi chép tường minh trong phiếu đọc sách:

– Nhan đề tập truyện ngắn: *Con mèo của Phu-gi-ta.*

– Tác giả: Nguyễn Quang Sáng.

– Tập truyện ngắn được xuất bản năm 2020, nằm trong *Tủ sách Vàng* (Tác phẩm văn học chọn lọc) của NXB Kim Đồng.

– Bìa 1 (mặt ngoài bìa trước), bên cạnh tên tác giả, tên tác phẩm, còn có hình minh hoạ cho truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* – tên tác phẩm được dùng để đặt cho tập truyện. Bìa 2 (mặt trong bìa trước) giới thiệu sơ lược về nhà văn Nguyễn Quang Sáng (ảnh chân dung, năm sinh, năm mất, các chức vụ từng đảm nhiệm và các giải thưởng văn học từng được trao). Bìa 3 (mặt trong bìa sau) giới thiệu một số tác phẩm chính trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Bìa 4 (mặt ngoài bìa sau) trích một đoạn nhận định của nhà thơ Trần Đăng Khoa về truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng.

– *Mục lục* đặt ở đầu sách, cho biết tập sách có hai phần: Phần 1. *Bài học tuổi thơ* gồm có 9 truyện ngắn; Phần 2. *Thế võ* gồm 11 truyện ngắn. Cuốn sách có 232 trang, khổ sách 14 cm x 22,5 cm.

– Tiếp sau *Mục lục* là bài *Một hơi ấm, một tài sản quý báu* do nhà thơ Hữu Thỉnh viết, chủ yếu ghi lại những kỉ niệm với Nguyễn Quang Sáng và nêu một vài cảm nhận về sáng tác của nhà văn.

b. Đọc từng tác phẩm cụ thể

• CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã nêu khá kĩ lí do phải đọc từng tác phẩm trong tập thơ hay tập truyện ngắn hoặc đọc trọn vẹn cuốn tiểu thuyết, đồng thời hướng dẫn cụ thể về cách đọc cho HS. GV yêu cầu HS nắm vững hai ý chính đó trong mục này, đặc biệt, trong quá trình đọc phải ghi chép nhanh để có cơ sở đưa ra các ý tổng hợp và đánh giá ở hoạt động 4.

• GV nêu ví dụ về cách ghi chép nhanh khi đọc tập truyện *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân để HS nắm được thao tác cơ bản.

Vang bóng một thời được xuất bản thành sách lần đầu vào năm 1940. Tập sách có 12 truyện. Điểm nhất quán: các truyện đều viết về cái đẹp của thời quá khứ, về những con người tài hoa, có tâm hồn nghệ sĩ, về những đồ vật như có lai lịch, số phận riêng,... Tất cả các truyện đều được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

Ghi nhanh một số nội dung chính của các truyện trong tập:

– *Chém treo ngành*: Truyện kể về một đao phủ có tên là Bát Lê – người có biệt tài chém treo ngành, tức là chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn không lìa hẳn vì còn dính một lần da cổ. Tuy đã về hưu, nhưng Bát Lê vẫn được quan Tổng đốc mời ra tập lại ngón nghề để "biểu diễn" chém đầu 12 tử tù cho quan Công sứ người Pháp xem. Bát Lê đã hoàn thành bài "biểu diễn" chém treo ngành một cách hoàn hảo.

– *Chữ người tử tù*: Nhà ngục tỉnh Sơn đón một tốp tù nhân bị khép vào tội phiến loạn chống lại triều đình. Người đứng đầu đám tử tù đó là Huấn Cao – một người khí phách hiên ngang và có tài viết chữ đẹp. Mặc dù rất coi khinh lũ quan lại giữ tù, nhưng trước ngày ra pháp trường chịu án chém, "cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài" của quản ngục, Huấn Cao đã thay đổi thái độ. Trong đêm cuối trước khi bị giải đi, nơi nhà tù, dù thân bị gông xiềng, Huấn Cao vẫn viết những dòng chữ cuối cùng tặng cho quản ngục, trước sự xúc động của quản ngục và viên thơ lại.

– *Chén trà trong sương sớm* kể về cụ Ấm – một ông già có lối sống thanh cao. Sáng nào, cụ cũng dậy sớm nhóm hoả lò, đặt ấm nước sôi, pha ấm trà một cách công phu, cùng người con trai cả thưởng thức trà tàu, đọc những vần thơ hay đoạn văn chiêm nghiệm và xưng tụng về trà.

– *Đánh thơ*: Chuyện về ông Phó Sứ – chức quan nhỏ coi lăng và cô Mộng Liên – một ca nữ tài sắc, kết thành một cặp vợ chồng, ngao du sơn thuỷ, rủ văn nhân tài tử trong thiên hạ đánh bạc bằng cách đoán chữ bị bỏ trống trong các câu thơ cổ. Ông Phó Sứ trúng gió chết trên đường đi, để lại cô Mộng Liên goá bụa.

Trên đây là một số ví dụ về những thông tin tối thiểu của từng truyện. GV có thể tham khảo cách làm để hướng dẫn HS ghi chép nhanh trong quá trình đọc tác phẩm. Nếu là thơ, thông tin cần ghi là thể thơ, số câu thơ, đề tài, mạch cảm hứng xuyên suốt bài thơ,... Đọc một tiểu thuyết, thông tin cần ghi nhanh là đề tài, tóm tắt cốt truyện, các nhân vật chính, nhân vật phụ, người kể chuyện,...

c. Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Sau khi HS đọc từng tác phẩm (có ghi chép những thông tin cơ bản), GV hướng dẫn

HS hệ thống hoá lại bằng cách khái quát những nét chung nhất ở từng phương diện của nhiều tác phẩm trong tập. Những nét chung đó có thể thuộc một số khía cạnh về nội dung, tư tưởng, có thể là những yếu tố nổi bật về nghệ thuật biểu hiện.

Để HS nắm được cách đưa ra những nhận định tổng hợp về một tập sách (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết), GV có thể hướng các em tìm hiểu một trường hợp cụ thể, ví dụ tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

"Quốc âm thi tập" – *tập thơ đầu tiên viết bằng tiếng Việt (sử dụng chữ Nôm) trong lịch sử sáng tác thơ văn của người Việt.*

HS nắm được kiến thức văn học qua Bài 6 (*Nguyễn Trãi – "Dành còn để trợ dân này"*, *Ngữ văn 10*, tập hai, tr. 4 – 36) *Quốc âm thi tập* có 254 bài, theo các nhà nghiên cứu, có thể do người đời sau tập hợp và biên soạn, nhiều khả năng nhất là vào thời vua Lê Thánh Tông (trị vì từ năm 1460 đến năm 1497).

(1) Bố cục của tập thơ

Theo sắp xếp của người biên soạn, tập thơ gồm các phần:

– Vô đề (không có nhan đề từng bài);

– Môn thì lệnh (thời tiết);

– Môn hoa mộc (cỏ cây);

– Môn cầm thú (thú vật).

(2) Những nội dung chủ yếu của *Quốc âm thi tập*[1]

• Thể hiện lòng trung quân, ái quốc

– Một thân lẩn quất đường khoa mục,
Hai chữ mơ màng việc quốc gia.
[...]
– Quân thân chưa báo lòng canh cánh.
Tình phụ cơm trời áo cha.

(*Ngôn chí*, bài 7)

– Còn có một lòng âu việc nước,
Đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung.

(*Thuật hứng*, bài 23)

• Bộc lộ tư tưởng trọng dân, vì dân

– Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền.
Cành bắc cành nam một cỗi nên.

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 15)

– Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 43)

(1) Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.

– *Hổ phách phục linh nhìn mấy biết;*
Dành còn để trợ dân này.
(*Tùng*, bài 3)

• Cuộc sống đạm bạc nhưng thanh cao, tràn trề thi hứng

– *Bữa ăn dầu có dưa muối;*
Áo mặc nài chi gấm là.
Nước dưỡng cho thanh, trì thưởng nguyệt;
Đất cày ngõ ải, lảnh ương hoa.
Trong khi hứng động vừa đêm tuyết,
Ngâm được câu thần dặng dặng ca.
(*Ngôn chí*, bài 3)

– *Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén;*
Ngày vắng xem hoa bẻ cây.
(*Ngôn chí*, bài 10)

– *Thừa chỉ ai rằng thì khó ngặt?*
Túi thơ chứa hết mọi giang san.
(*Tự thán*, bài 2)

• Yêu thiên nhiên

– *Nước biếc non xanh thuyền gối bãi;*
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 26)

– *Hương cách gác vân thu lạnh lạnh;*
Thuyền kề bãi tuyết nguyệt chênh chênh.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 31)

– *Thấy cảnh lòng thơ càng vấn vít,*
Một phen tiếc cảnh một phen thương.
(*Tích cảnh*, bài 8)

• Ý thức trau dồi nhân cách, phẩm giá

– *Ngỏ cửa nho chờ khách đến;*
Trồng cây đức để con ăn.
Được thua phú quý dầu thiên mệnh;
Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn.
(*Mạn thuật*, bài 5)

– *Non nước cùng ta đã có duyên,*
Được nhàn sá dưỡng tính tự nhiên.
(*Tự thán*, bài 4)

– *Văn chương chép lấy, đòi câu thánh;*
Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung.
Trừ độc trừ tham trừ bạo ngược;
Có nhân có trí có anh hùng.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 5)

• Thể hiện triết lí nhân sinh

– *Chơi cùng đứa dại nên bầy dại;*
Kết mấy người khôn học nết khôn.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 21)

– *Chớ lấy hại người làm ích kỉ;*
Hãy năng tích đức để cho con.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 22)

– *Nên thợ nên thầy vì có học;*
No ăn no mặc bởi hay làm.
(*Bảo kính cảnh giới*, bài 46)

(3) Những nét nổi bật về hình thức nghệ thuật của tập thơ

– Ở nhiều bài thơ, có hiện tượng câu 6 chữ xen câu 7 chữ. Vị trí và số câu 6 chữ rất linh hoạt, biến hoá. Đây là một sáng tạo riêng, in đậm dấu ấn tài năng của Nguyễn Trãi.

– Bên cạnh những hình ảnh thơ có tính ước lệ, nhiều hình ảnh mộc mạc, dân dã, được lấy từ chính cuộc sống gần gũi, quen thuộc, gắn với sinh hoạt hằng ngày của nhà thơ.

– Từ ngữ rất phong phú, đa dạng: có từ ngữ học thuật, từ ngữ của đời sống, đặc biệt, tập thơ sử dụng nhiều từ cổ, khá xa lạ với tiếng Việt hiện đại.

Khái quát: Những đặc điểm nổi bật về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật như đã nêu là những yếu tố làm nên giá trị đích thực của *Quốc âm thi tập* – tập thơ mở ra một thời đại phát triển cho thơ ca viết bằng tiếng Việt.

Hoạt động 2 Thực hành đọc

GV hướng dẫn HS tự đọc ở nhà theo hình thức đọc cá nhân hoặc đọc theo nhóm. Để hoạt động thực hành đọc của HS tiến hành có hiệu quả, GV cho các em tham khảo cách

ghi chép các thông tin vào một phiếu đọc sách. Với mỗi cuốn sách đã đọc, cần lập phiếu theo mẫu sau:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Người đọc: Lâm Minh A

I. Thông tin chung về tác phẩm

1. Tên tác phẩm: *Mùa lá rụng trong vườn*

2. Thể loại: tiểu thuyết

3. Tác giả: Ma Văn Kháng

4. Nhà xuất bản: Văn học

5. Nơi xuất bản: Hà Nội

6. Năm xuất bản: 2017

7. Số trang: 424

8. Khổ: 14,5 x 20,5 cm

II. Thông tin cụ thể

1. Chủ đề: Vấn đề gia đình và những giá trị truyền thống trong xã hội hiện đại.

2. Bối cảnh:

– Không gian: đời sống xoay quanh một gia đình ở Hà Nội.

– Thời gian: vào những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX.

3. Cốt truyện: Tác phẩm kể về câu chuyện gia đình ông Bằng – một gia đình có nề nếp, gia phong ở Hà Nội. Ông Bằng là người sống theo chuẩn mực đạo đức gia đình truyền thống. Ông có năm người con trai, mỗi người có tính cách và số phận khác nhau. Anh Tường – con cả – là liệt sĩ, Đông: bộ đội về hưu, Luận: nhà báo, Cừ: công nhân từng học nghề ở nước ngoài, Cần: đang du học. Các cô con dâu cũng đẹp người, tốt nết. Nhưng cuộc sống đã tác động dữ dội đến gia đình ông Bằng, làm thay đổi tất cả. Các gia đình riêng của con ông Bằng đều chao đảo, có nguy cơ tan vỡ. Có người đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của gia đình, làm những điều ảnh hưởng đến thanh danh cha ông. Rất may, còn có những người như chị Hoài – con dâu trưởng, vợ liệt sĩ, giờ đã có gia đình riêng – vẫn duy trì quan hệ tình nghĩa với gia đình chồng cũ; như Phượng, vợ Luận, lo chèo chống để giữ gìn tổ ấm gia đình;... Sau những biến động, chao đảo, mọi người trong gia đình nhận ra "Sống theo luân lí đạo đức dân tộc sướng hơn sống theo vô luân, buông thả".

4. Hệ thống nhân vật: Các nhân vật chủ yếu là người trong gia đình, được miêu tả ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh các nhân vật được miêu tả kĩ, xuất hiện nhiều như ông Bằng, chị Hoài, Đông, Lí, Phượng,... là những nhân vật xuất hiện mờ nhạt hơn như Cần, Cừ, vợ con Cần. Nhưng tất cả đều góp phần làm nổi bật cảm hứng chủ đạo và chủ đề tác phẩm.

5. Hình tượng nổi bật: Ông Bằng, một người luôn duy trì lối sống chuẩn mực; chị Hoài, người phụ nữ đẹp mặn mà, phúc hậu, sống tình nghĩa thuỷ chung; Đông, người lính trở về, an phận, đơn giản hoá mọi chuyện, không thích ứng được với những thay đổi của cuộc sống; Lí, người đàn bà đẹp, khát khao sống mãnh liệt, nhiều đam mê, bỏ gia đình đi theo tiếng gọi của dục vọng;...

6. Cách kể linh hoạt, biến hoá nhờ sự thay đổi điểm nhìn; thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật và tả cảnh sinh hoạt; lời văn bình luận đậm tính luận đề.

III. Ấn tượng chung của người đọc

Cuốn tiểu thuyết là tiếng nói tâm huyết khẳng định những giá trị văn hoá gia đình truyền thống. Đây cũng là quan điểm của tác giả (thể hiện rõ nhất qua lời người kể chuyện, qua thái độ, tình cảm với các nhân vật).

PHẦN 2

VIẾT VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Hoạt động 1 Xác định mục đích viết

a. Mục đích của hoạt động

Hoạt động này giúp HS tìm hiểu được các mục đích khác nhau khi viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, tương ứng với từng mục đích là các kiểu văn bản được tạo lập; từ đó HS có thể xác định được mục đích viết bài cho một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết mà mình đã đọc ở Phần 1.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

Dung lượng phần hướng dẫn viết trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK rất vừa phải, nhóm biên soạn lại chọn cách trình bày thẳng vào vấn đề nên GV có thể tổ chức cho HS đọc cá nhân, tìm hiểu về các mục đích khác nhau khi viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, từ đó xác định một "vai" mà mình thấy là phù hợp để thực hành viết bài.

Các bước triển khai

Như mục 1. *Giới thiệu chung* về CĐ (tr. 55 – 56) đã đề cập, mục này giúp HS biết: Khi viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, người viết có thể đứng từ các "vai" khác nhau phù hợp với các mục đích khác nhau ("vai" nhà nghiên cứu, phê bình; "vai" người thưởng thức, tri âm; "vai" người giới thiệu, quảng bá), sản phẩm tạo lập gần như sẽ theo các kiểu loại văn bản quen thuộc như văn bản nghị luận, văn bản biểu cảm, văn bản thông tin mà xét trên các tính chất nổi trội của từng loại văn bản để xếp các loại văn bản tương ứng với từng mục đích để HS dễ nhận diện.

Việc tìm hiểu mục đích của hoạt động viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết giúp HS nhận ra sự phong phú của các kiểu văn bản được tạo lập khi đọc và viết bài, thậm chí đối với cùng một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, người viết cũng có thể lựa chọn những cách viết khác nhau để giới thiệu. Sự khác nhau về mục đích và kiểu văn bản tạo lập có thể xuất phát từ yếu tố khách quan, đáp ứng các yêu cầu, tình huống GV đưa ra (chẳng hạn, về cùng một tác phẩm đọc, GV có thể yêu cầu HS viết bài theo hướng nghị luận hoặc theo hướng thông tin), có thể xuất phát từ phong cách đọc và hứng thú của chính HS trong quá trình đọc văn bản (có HS đọc và viết theo sự chi phối của tư duy logic, có HS đọc và viết theo kiểu lấy sự rung cảm làm điểm tựa).

Do vậy, ở mục này, sau khi hướng dẫn HS tìm hiểu các mục đích khác nhau của việc viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, GV có thể để HS tự chọn một "vai" mà mình thấy là phù hợp khi viết bài.

Lưu ý: Nếu HS gặp khó khăn trong việc xác định mình phù hợp với "vai" nào, khi ấy GV có thể cùng HS chia sẻ về một vài chi tiết trong tác phẩm mà HS đọc, qua đó nhận biết được ưu thế của HS để có những tham vấn phù hợp.

Hoạt động 2 Tìm hiểu một số hướng viết bài

a. Mục đích của hoạt động

Hoạt động này giúp HS tìm hiểu cụ thể hơn về cách viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết theo ba hướng trên qua việc tìm hiểu các văn bản có đặc điểm gần với ba kiểu loại văn bản quen thuộc là văn bản nghị luận, văn bản biểu cảm và văn bản thông tin. Trong từng hướng, sách nêu ra một số yêu cầu chung, giới thiệu bài viết minh hoạ và các yêu cầu đọc hiểu bài minh hoạ.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

Với cách trình bày trên, hoạt động này mang tính thực hành, do vậy, để giúp HS tìm hiểu về những cách viết đã giới thiệu trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, GV có thể chia nhóm HS theo ba hướng lựa chọn "vai" để tìm hiểu ba bài đọc tương ứng. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu yêu cầu chung của bài viết và tìm hiểu cụ thể bài đọc theo hướng mình lựa chọn. Trong từng bài đọc đã có các gợi dẫn giúp HS định hướng tốt việc đọc của mình để trả lời các câu hỏi.

Các bước triển khai

• Kiểu bài viết theo hướng nghiên cứu văn học

Để nhận ra đặc điểm của bài viết theo hướng nghiên cứu văn học, HS vừa đọc các yêu cầu chung, vừa vận dụng để tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau khi đọc văn bản. Khi hướng dẫn HS đọc bài tựa cho tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* của Thạch Lam do Khái Hưng viết, GV lưu ý HS dựa vào những câu hỏi gợi dẫn để tiếp nhận văn bản: quan niệm của tác giả về truyện ngắn của Thạch Lam; đặc điểm những câu chuyện được kể trong tập truyện; đánh giá của tác giả về phẩm chất thành thực trong truyện ngắn của Thạch Lam; những nét tạo nên "phương diện chủ quan" trong truyện của Thạch Lam; nhận diện đặc điểm của "kiểu nhà văn" Thạch Lam; đặc điểm con người Thạch Lam ngoài đời và trong văn chương;... Từ đó, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi được nêu sau văn bản tham khảo.

Câu hỏi 1: Văn bản đã giới thiệu và phân tích những nội dung nổi bật gì của tập truyện *Gió đầu mùa* của Thạch Lam?

Câu hỏi yêu cầu HS khái quát những nội dung nổi bật được tác giả giới thiệu và phân tích trong tập truyện *Gió đầu mùa* của Thạch Lam. GV hướng dẫn HS căn cứ vào những box gợi dẫn trong khi đọc để tìm các ví dụ chứng minh cho điều mình khái quát. Có thể tóm tắt những nội dung nổi bật như sau: Thạch Lam thường viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày với sự thành thực đến mức trở nên can đảm; sự rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động mạnh mẽ đến người đọc; sự tinh tế của bút pháp thiên về cảm giác của Thạch Lam.

Câu hỏi 2: Xác định dàn ý của bài viết và nhận xét về cách trình bày lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

Câu hỏi nhằm giúp HS hình dung được cách triển khai bài viết theo hướng nghiên cứu văn học.

Có thể xác định dàn ý như sau:

Mở đầu:

– Giới thiệu quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam – tác giả tập truyện *Gió đầu mùa*.

– Đặc điểm xuyên suốt tập truyện (viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày, không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo).

Triển khai:

– Sự thành thực đến mức trở nên can đảm trong văn Thạch Lam (nêu và phân tích truyện *Những ngày mới*, *Một cơn giận* để chứng minh).

– Những rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động của nó đến người đọc (làm rõ bằng các truyện *Gió lạnh đầu mùa*, *Trở về*, *Những ngày mới*).

– Thiên về cảm giác – một đặc điểm nổi bật trong bút pháp truyện ngắn Thạch Lam (phân tích sự tinh tế của việc miêu tả cảm giác nhân vật trong truyện *Nhà mẹ Lê* và *Trở về*).

Kết bài:

Nhận định về sự kết nối giữa con người thực ngoài đời của Thạch Lam và những nhân vật trong sáng tác của ông.

Từ việc tóm lược dàn ý của bài viết, GV có thể lưu ý HS, tác giả của bài tựa tập truyện *Gió đầu mùa* của Thạch Lam là Khái Hưng, cũng là một nhà văn lãng mạn nổi tiếng cùng thời. Bài phê bình về Thạch Lam của Khái Hưng mang một phong cách riêng: nhẹ nhàng, tinh tế, kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc nêu ý kiến phân tích và trình bày bằng chứng, thể hiện rõ sự thấu hiểu, sự gặp gỡ của những tiếng nói văn chương giữa Thạch Lam và Khái Hưng.

Câu hỏi 3: Bài viết của Khái Hưng giúp bạn biết điều gì về Thạch Lam và các truyện ngắn của ông trước khi đọc tập truyện *Gió đầu mùa*?

Câu hỏi giúp HS hiểu vì sao các nhà xuất bản thường có một bài giới thiệu hoặc bài tựa ở đầu cuốn sách. Những bài giới thiệu này có ý nghĩa như một hoạt động "khởi động", tạo tâm thế, hứng thú cho người đọc, thông tin cho người đọc biết rằng có rất nhiều điều hấp dẫn đang chờ đợi mình khi đọc cuốn sách. Bài tựa của Khái Hưng đã đưa chúng ta đến với những điểm nổi bật tạo nên phong cách riêng của Thạch Lam trong văn học Việt Nam lúc bấy giờ.

Sau các câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu văn học:

– Thiên về phân tích, bình luận những nội dung hoặc vấn đề chính được tác giả tập trung thể hiện trong tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết.

– Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm và thể hiện phong cách của tác giả.

– Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp.

– Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học.

• Kiểu bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

Đây cũng là một cách viết bài giới thiệu khá phổ biến, thiên về kiểu viết tản văn hay tuỳ bút, thiên về bày tỏ cảm xúc chủ quan của cá nhân người đọc với tập sách hơn là phân tích những giá trị khách quan. Để nhận ra đặc điểm của bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm, HS đọc các yêu cầu chung và vận dụng để tìm hiểu, trả lời các câu hỏi sau khi đọc văn bản.

Bài giới thiệu của Vương Trí Nhàn về cuốn sách *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh được viết rất hàm súc, thiên về thể hiện những cảm nhận, chiêm nghiệm, đồng điệu của những tâm hồn nghệ sĩ. Bài viết không đi trực tiếp vào việc phân tích nội dung của cuốn sách mà là những suy ngẫm rộng hơn về cuộc đời, về văn chương của Hồ Dzếnh, những gì tạo nên giá trị lâu bền của cuốn sách. Từ việc cho HS đọc bài viết với các box gợi dẫn trong khi đọc, GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi được nêu sau văn bản tham khảo.

Câu hỏi 1: Sự đồng cảm của người viết với tác giả Hồ Dzếnh và tập *Chân trời cũ* đã được thể hiện như thế nào trong bài viết?

Câu hỏi nhằm giúp HS tìm hiểu khái quát về lối viết của Vương Trí Nhàn về Hồ Dzếnh và tập truyện ngắn *Chân trời cũ*. Tác giả đã khẳng định những điều làm nên giá trị của cuốn sách, nhưng không nói trực tiếp vào nội dung cuốn sách mà bằng sự ghi nhận của độc giả về sức sống lâu bền mà cuốn sách đem lại. Tất cả tạo nên một mạch văn thiên về cảm nhận, suy ngẫm. Mở đầu, tác giả đã khẳng định giá trị của cuốn sách trong tình yêu tha thiết của bạn đọc; tiếp đến, tác giả bộc lộ những suy ngẫm của mình về những cách tồn tại của một nhà văn trong sự nghiệp văn chương của mình, qua đó cho thấy Hồ Dzếnh là một nhà văn thuộc kiểu "lơ đãng" nhưng lại sống mãi trong lòng người yêu văn chương, và chỉ qua một tập truyện ngắn *Chân trời cũ* cũng làm nên tên tuổi của Hồ Dzếnh và sự thanh thản trong nụ cười của ông. Tất cả những suy ngẫm sâu và rộng ấy được viết bằng sự trải nghiệm, đồng điệu của Vương Trí Nhàn với Hồ Dzếnh – tác giả tập truyện *Chân trời cũ*.

Câu hỏi 2: Bài viết đã giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa văn và đời? Theo bạn, cách tiếp cận sáng tác từ góc nhìn của tác giả bài viết có đặc điểm và ưu thế gì?

Trong bài viết, Vương Trí Nhàn nói đến sự độc đáo, cá biệt trong cuộc đời mỗi nhà văn cũng như cuộc đời mỗi con người, từ đó suy ngẫm về những cách tồn tại trong cuộc sống và trong văn chương để thấy mỗi con người có những cách tồn tại khác nhau, cũng như mỗi nhà văn có những cách khác nhau để ghi dấu trong lòng độc giả. Và Hồ Dzếnh thuộc loại người "sống như kẻ lơ đãng", cả một đời văn thu gọn trong một vài quyển sách mà "cứ sống mãi trong lòng người yêu văn chương".

Cách tiếp cận sáng tác của nhà văn từ góc nhìn của tác giả bài viết đã mở ra cho người đọc một hướng tiếp nhận tập truyện *Chân trời cũ*, đó không chỉ là văn chương mà còn là những gì được chắt lọc từ cuộc đời của nhà văn, một tác phẩm viết từ khi nhà văn còn rất trẻ nhưng lại có một sức sống thật lâu bền, một *Chân trời cũ* nhưng không bao giờ cũ. Đó chính là nét tạo nên sức hấp dẫn của *Chân trời cũ* mà Vương Trí Nhàn truyền tải đến người đọc.

Câu hỏi 3: Hãy nhận xét về giọng điệu của bài viết và sự phù hợp của nó với đối tượng được nói tới.

Vương Trí Nhàn viết về tác phẩm *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh khi tác giả đã qua đời. Trong bài viết, ông đã dành cho Hồ Dzếnh thái độ trân trọng với những suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời, về văn chương, về thái độ tự nhiên, an nhiên của Hồ Dzếnh trong cuộc đời mà người đọc có thể nhận ra khi đọc cuốn sách *Chân trời cũ*. Một bài viết hàm súc, dồn chứa những suy tư sâu sắc của tác giả về văn và đời, gợi nhiều ấn tượng và cảm xúc của người đọc về nhà văn.

Câu hỏi 4: Sau khi đọc bài viết, bạn có muốn tìm đọc tập truyện ngắn *Chân trời cũ* không? Vì sao?

Bài viết không trực tiếp giới thiệu về nội dung cuốn sách, nhưng bằng những cảm nhận và suy ngẫm về những giá trị tự thân mà cuốn sách đem đến cho người đọc, bài viết có thể khơi gợi niềm cảm hứng cho người đọc về sức sống và sức hấp dẫn của cuốn sách.

Sau các câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm:

– Thể hiện cảm nhận, trải nghiệm về những nét nổi bật của tác phẩm, về tác giả và những gì tạo nên sức hấp dẫn hoặc giá trị thẩm mĩ riêng của cuốn sách.

– Cách viết thiên về sử dụng bút pháp trữ tình, với những liên tưởng, suy ngẫm, khơi gợi đến những điều trong và ngoài tác phẩm theo dòng suy nghĩ của người viết.

– Ngôn ngữ, giọng điệu giàu cảm xúc, cách viết theo kiểu tuỳ bút.

• Kiểu bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

Như CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã đề cập, cách giới thiệu này chủ yếu hướng tới mục tiêu gây dựng thói quen, nhu cầu đọc sách và phát triển thị trường sách. Đây là hướng đi mới cần được quan tâm trong bối cảnh hiện nay, khi đọc sách chưa thực sự trở thành một nhu cầu như cách đây mấy thập kỉ. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta lại có nhiều phương tiện để đọc sách và có nhiều cách để phát triển văn hoá đọc, cho nên việc có những bài viết giới thiệu, quảng bá sách là cần thiết.

GV hướng dẫn HS đọc bài viết theo gợi dẫn, từ đó trả lời các câu hỏi được nêu sau văn bản tham khảo.

Câu hỏi 1: Bài viết đã đưa đến những thông tin gì về cuốn sách?

Mục tiêu của việc quảng bá sách là giới thiệu được những thông tin quan trọng đáp ứng nhu cầu và sở thích của độc giả – người tiếp nhận. Qua bài viết *Nhà thơ Quang Dũng – khúc song hành thơ và hoạ*, người đọc có thể tiếp nhận được những thông tin cơ bản, nổi bật về tập thơ – hoạ của Quang Dũng, từ thông tin về việc phát hành đến những

thông tin về tác giả Quang Dũng và nội dung của cuốn sách. Những thông tin được giới thiệu khá chi tiết, giúp độc giả có thể tiếp nhận được nội dung của cuốn sách và thời điểm xuất bản (kỉ niệm 100 năm ngày sinh Quang Dũng).

Câu hỏi 2: Những nội dung nổi bật nào của cuốn sách đã được tác giả giới thiệu? Cách giới thiệu đó có thể khơi lên ở người đọc những ấn tượng gì về cuốn sách?

Về nội dung, bài viết tập trung giới thiệu những nét nổi bật về cuộc đời và sáng tác của tác giả Quang Dũng trên cả hai phương diện: thơ và hoạ. Nhằm giúp độc giả hiểu về những nét hấp dẫn của cuốn sách, tác giả đã kết hợp giới thiệu về các chặng đường trong cuộc đời của Quang Dũng; tính cách, đam mê của nhà thơ; những lí do làm nên điểm đặc sắc và giá trị của những bài thơ, bức hoạ của Quang Dũng.

Việc giới thiệu kết hợp giữa những chi tiết về cuộc đời và thơ ca, hội hoạ, đặc biệt là một số dẫn chứng về thơ và hoạ có thể đem lại cho người đọc những ấn tượng sâu đậm về cuốn sách. Đó chính là cách để đưa cuốn sách đến gần với độc giả.

Câu hỏi 3: Cách trình bày, triển khai văn bản này có điểm gì khác so với hai văn bản trên?

HS có thể so sánh cách trình bày, triển khai văn bản này so với hai văn bản được giới thiệu ở trước đó, để hiểu rõ hơn về cách trình bày văn bản thông tin. Với mục đích chính là cung cấp những thông tin quan trọng về cuốn sách, bài viết đi theo hướng: Đầu tiên đặt trọng tâm vào việc cung cấp thông tin về ấn phẩm của lần xuất bản này và hình thức bên ngoài cuốn sách, qua đó tạo nên ấn tượng tốt đẹp ban đầu cho người đọc; tiếp theo bài viết giới thiệu khái quát về những điểm nổi bật tạo nên sức hấp dẫn của cuốn sách về cả hai phương diện thơ và hoạ; đoạn kết là những đánh giá ngắn gọn nhằm tôn vinh giá trị của cuốn sách và tài năng của Quang Dũng. Hình thức trình bày cũng theo hình thức của văn bản thông tin, sắp xếp nội dung theo những tiêu mục ngắn gọn, nhằm cung cấp những thông tin quan trọng về cuốn sách. Đặc biệt, việc kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tạo nên nét hấp dẫn riêng của bài viết.

Sau các câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá:

– Đây là cách giới thiệu hướng đến các mục đích đọc sách cũng như giới thiệu sách khác nhau. Chẳng hạn, giới thiệu sách mới, giới thiệu mang tính quảng cáo, thương mại,...

– Cần quan tâm đến nhu cầu và đặc điểm của đối tượng tiếp nhận để chọn lối viết phù hợp.

– Có thể tập trung giới thiệu những nội dung nổi bật nhất của cuốn sách hoặc những đặc điểm nổi bật nhất về tác giả, quá trình sáng tác để gây được ấn tượng đậm nét đối với người tiếp nhận.

– Sản phẩm của cách viết này có thể là văn bản thông tin đa phương thức.

Hoạt động 3 Thực hành viết

a. Mục đích của hoạt động

Qua việc tìm hiểu ba văn bản về ba hướng triển khai bài viết về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết, HS có thể hiểu được cách triển khai, từ đó các em thực hành viết bài.

Hoạt động này yêu cầu HS tiến hành viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết đã được lựa chọn từ những phần trước và báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

HS viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết theo một trong các hướng trên. Ở hoạt động này, để HS có bài viết đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà, có thể viết tay hoặc đánh máy bài viết. Đối với bài viết theo hướng quảng bá, phát triển văn hoá đọc, GV có thể khuyến khích HS tạo lập văn bản theo nhóm và theo các hình thức quảng bá sinh động (phối hợp kênh chữ và kênh hình kết hợp âm thanh,...).

Các bước triển khai

Để thực hành viết bài, HS cần thực hiện các bước trong quy trình tạo lập văn bản đã được giới thiệu trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK, bao gồm: chuẩn bị viết; lập dàn ý; viết; chỉnh sửa, hoàn thiện; đồng thời tham khảo gợi ý về cách xây dựng dàn ý tương ứng với ba hướng viết bài.

Hoạt động 4 Báo cáo kết quả

a. Mục đích của hoạt động

Từ sản phẩm là bài thực hành viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, HS trình bày, báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp; qua đó biết cách tự đánh giá được kết quả bài viết của bản thân và đánh giá được bài viết của bạn.

b. Cách thức tổ chức hoạt động

Phương pháp

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả theo nhóm hoặc lớp, theo các nội dung và cách thức, tiêu chí đã được nêu ra ở CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK. Hoặc GV có thể chấm bài và có nhận xét trước về bài viết của HS, sau đó tổ chức cho HS đánh giá đồng đẳng trên lớp.

Các bước triển khai

– Sau khi HS đã hoàn thành sản phẩm, GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả trước lớp. CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã giới thiệu khá chi tiết cách thức trình bày, báo cáo kết quả và xây dựng tiêu chí đánh giá bài viết để có căn cứ giúp HS tiến hành đánh giá đồng đẳng. GV lưu ý: hoạt động tự đánh giá cũng là một hoạt động quan trọng giúp HS không chỉ nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu trong bài viết của mình mà còn học hỏi được từ việc nhận xét, đánh giá bài viết của bạn.

GV hướng dẫn HS căn cứ vào bảy tiêu chí đánh giá cho mỗi hướng để đưa ra nhận xét cho từng bài viết cụ thể của HS, bao gồm các tiêu chí đánh giá về việc đảm bảo mục tiêu và kiểu văn bản (tiêu chí 1, 2), tiêu chí về tổ chức văn bản (3, 4, 5), tiêu chí về trình bày văn bản (6, 7). Căn cứ từ các tiêu chí trên, GV có thể xây dựng rubric để mô tả mức độ đạt được và xác định trọng số điểm cho bài viết của HS.

Chẳng hạn, sau đây là gợi ý về rubric đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu văn học:

STT	Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
1	Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và trình bày vấn đề nghị luận rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của tác phẩm được giới thiệu.	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng.	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai trình bày vấn đề.
2	Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề được đề cập một cách thuyết phục.	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thuyết phục.	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ đó chưa được diễn giải.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận hiệu quả để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật hiệu quả.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận chưa thuyết phục.
4	Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần của bài viết được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ ba phần: mở bài, thân bài và kết bài nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần.	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần không được trình bày rõ ràng.
5	Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu và đoạn văn, giúp tăng cường khả năng đọc và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn.	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu.	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc.

6	Dùng từ, đặt câu; diễn đạt	Không mắc lỗi dùng từ, đặt câu hoặc chỉ mắc 1 – 2 lỗi không đáng kể; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu (3 – 5 lỗi); diễn đạt khá rõ ràng, mạch lạc.	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (từ 6 lỗi trở lên) hoặc diễn đạt nhiều ý chưa rõ ràng, mạch lạc.
7	Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc; không mắc lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách và chỉn chu.	Chữ viết có thể đọc được; mắc 2 – 3 lỗi chính tả; trình bày bài viết đúng quy cách nhưng chưa sạch đẹp.	Chữ viết khó đọc, cẩu thả; mắc nhiều lỗi chính tả; trình bày bài viết không đúng quy cách.

Từ việc mô tả trên, GV có thể xác định số điểm cho từng tiêu chí để chấm điểm và đánh giá mức độ đạt được của HS, hoặc hướng dẫn HS nhận xét bài viết của bạn hoặc nhóm.

Bên cạnh đó, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK có thêm một số bài tập có tính chất mở rộng để HS có thể có thêm các nội dung thực hành, trải nghiệm theo nhu cầu và sở thích cá nhân. GV khuyến khích những HS có điều kiện có thể tham gia và thực hiện các nhiệm vụ theo các nội dung đã được nêu ra. Những nhiệm vụ học tập này không bắt buộc với HS.

PHẦN 3

GIỚI THIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Hoạt động 1 Tìm hiểu yêu cầu của hoạt động thuyết trình

– Bài nói phải đáp ứng mục đích cụ thể của việc giới thiệu cuốn sách (tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết).

– Bài nói thể hiện được đầy đủ các thông tin cơ bản, giúp người nghe nắm được nhan đề, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, lần xuất bản/ tái bản, những nét chính về nội dung và nghệ thuật,... của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết.

– Ngoài ra, như tất cả các bài nói, bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

Hoạt động 2 Tìm hiểu cách tổ chức hoạt động thuyết trình và thực hành thuyết trình

a. Chuẩn bị

Tất cả các công việc chuẩn bị được nêu sau đây, HS phải thực hiện trước ở nhà, để khi thực hiện bài giới thiệu, mọi khâu đã được hoàn thành chu đáo.

Xác định tình huống để chuẩn bị

– *Tình huống thứ nhất*: Sử dụng kết quả của bài viết đã thực hiện ở phần *Viết*.

Hướng dẫn HS tóm tắt bài viết và xây dựng thành đề cương. HS dựa vào dàn ý đã lập trước khi viết, đối chiếu từng ý trong bài viết với dàn ý (trật tự các ý, ý kiến được thể hiện, cách triển khai,...). Tham khảo cách tóm lược văn bản *Tựa "Gió đầu mùa"*, CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK (tr. 92) để nắm được thao tác.

– *Tình huống thứ hai*: Chưa có bài viết của bản thân về tập sách cần giới thiệu.

Hướng dẫn HS lựa chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn, một cuốn tiểu thuyết theo các hướng: cuốn sách có văn bản giới thiệu trong CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK; cuốn sách mới xuất bản; cuốn sách thu hút sự quan tâm của nhiều người; cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong đời sống của giới trẻ hiện nay,... GV hỗ trợ HS tìm tác phẩm (mua ở hiệu sách, mượn từ thư viện, mượn từ tủ sách cá nhân,...). Cuốn sách được chọn phải phù hợp với mục đích giới thiệu đã xác định.

Các phương tiện hỗ trợ

GV gợi ý để HS chuẩn bị thêm các phương tiện hỗ trợ (hình ảnh minh hoạ, phim ngắn, loa, đèn chiếu, PowerPoint để trình chiếu bản tóm tắt,...).

Cách chuẩn bị của nhóm được giao phụ trách tổ chức sự kiện để giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết:

– CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK đã hướng dẫn khá kĩ các khâu cần chuẩn bị như: xác định mục tiêu tổ chức sự kiện, lựa chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn, một cuốn tiểu thuyết để giới thiệu, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm,... Để việc chuẩn bị của HS đạt yêu cầu, GV đóng vai trò là người cố vấn, quan tâm sâu sát đến công việc cụ thể của tất cả các thành viên; duyệt kịch bản do HS xây dựng; giới thiệu, cung cấp sách cho HS lựa chọn; góp ý về nội dung và chất lượng mĩ thuật của các poster do HS thiết kế và thể hiện;...

– Để hướng dẫn cho HS một cách hiệu quả, đảm bảo tính khả thi, GV có thể tham khảo các khâu chuẩn bị sau đây của HS cho việc tổ chức sự kiện giới thiệu một tập truyện ngắn:

Giới thiệu tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng

I. Đề cương hoạt động

1. Đơn vị tổ chức: Câu lạc bộ Văn học, Trường THPT Nguyễn Trường Tộ.

2. Mục đích giới thiệu: Hiểu sâu hơn về tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng – một tập truyện có văn bản được giới thiệu trong Bài 7, SGK *Ngữ văn 10*, tập hai – nhằm phục vụ cho việc học tập môn Ngữ văn.

3. Thời gian tổ chức: 8 giờ ngày 26/3/2023.

4. Địa điểm tổ chức: Phòng đa chức năng.

5. Thành phần tham gia:

– Ban điều hành Câu lạc bộ Văn học của trường;

– Ban Giám hiệu và các thầy, cô giáo;

– HS cùng học CĐ;

– Những người quan tâm đến sự kiện.

6. Phân công nhiệm vụ

a. Bộ phận chuẩn bị cơ sở vật chất, phương tiện:

– Nguyễn Mạnh A

– Bùi Duy T

– Đào Trọng K

b. Bộ phận trang trí, thiết kế:

– Dương Đức Q

– Lã Thanh H

– Trần Nho P

c. Bộ phận tiếp tân:

– Kiều Thị Thanh H

– Đặng Nguyễn Huyền N

– Vương Trúc N

– Phạm Thị Tố D

d. Dẫn CT:

Sương Thị Thuý Q

e. Người giới thiệu sách:

– Lê Thị Phương T

– Lương Thành V

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II. Một số kết quả chuẩn bị

1. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm trang trí, thiết kế



Mẫu poster cho học sinh tham khảo

Lưu ý: Khi làm poster và các sản phẩm trang trí khác, tuỳ vào điều kiện cụ thể, HS có thể làm bằng kĩ thuật vi tính hoặc cắt, dán, vẽ bằng tay, miễn sao thể hiện tối đa khả năng sáng tạo.

2. Kịch bản của người dẫn CT

CÔNG VIỆC	THỰC HIỆN
Nêu mục đích tổ chức sự kiện	Người dẫn CT nêu mục đích: Sự kiện này phục vụ cho việc học tập môn Ngữ văn ở lớp 10 (tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* có văn bản được chọn vào SGK *Ngữ văn 10,* tập hai, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự	Giới thiệu tên cụ thể của đại biểu và thành phần tham dự theo thứ tự sau: – Khách mời ngoài trường; – Đại diện Ban Giám hiệu nhà trường; – Các thầy, cô giáo trong tổ Ngữ văn; – HS khối 10; – Những người quan tâm.
Giới thiệu và mời diễn giả trình bày	– Giới thiệu sơ lược về diễn giả (tên, lớp, khả năng,...); – Giao tiếp ngắn với diễn giả để tạo không khí và mời diễn giả trình bày bài giới thiệu.
Tổ chức trao đổi ngắn về sự kiện	– Phỏng vấn ngắn một vài HS, người tham dự về ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện; – Mời đại diện nhà trường phát biểu ý kiến.
Kết thúc sự kiện	– Khẳng định ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện giới thiệu tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng; – Nói lời cảm ơn và gửi lời tạm biệt đến các vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn HS.

III. Đề cương của bài giới thiệu sách

1. Mở đầu: Giới thiệu sơ lược về nhà văn Nguyễn Quang Sáng và sự nghiệp sáng tác của nhà văn (có thể chiếu một số hình ảnh về nhà văn, hình ảnh bìa các tác phẩm chính của ông) và tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta*.

2. Nội dung:

• Một số thông tin xung quanh tập truyện

– Tên tác phẩm *Con mèo của Phu-gi-ta* (lấy tên một truyện trong tập).

– Cuốn sách tập hợp một số truyện chủ yếu viết về thiếu nhi hoặc có nhân vật thiếu nhi (từng được in trong các tập truyện ở những thời kì khác nhau) của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, do NXB Kim Đồng xuất bản năm 2020, trong *Tủ sách Vàng* (Tác phẩm văn học chọn lọc).

– Tập truyện có hai phần. Phần 1: *Bài học tuổi thơ* (9 truyện ngắn), Phần 2: *Thế võ* (11 truyện ngắn). Nhan đề của từng phần cũng được đặt theo tên một truyện ngắn trong đó.

– Trong tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta*, có truyện được viết từ năm 1956 (*Con chim vàng*), có truyện viết năm 2002 (*Con Kim*).

• Những nội dung cơ bản của tập truyện ngắn

Tập truyện *Con mèo của Phu-gi-ta* có một số chủ đề nổi bật sau:

– Cuộc sống của người kháng chiến (cuộc sống ác liệt trong chiến tranh và cuộc sống thời hậu chiến). Đây là đề tài sở trường của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Ông viết với tâm thế của người trong cuộc, am hiểu cặn kẽ hiện thực kháng chiến ở Nam Bộ. Đối mặt với những thử thách khắc nghiệt, các nhân vật của Nguyễn Quang Sáng đã bộc lộ tất cả những phẩm chất vốn có: gan dạ, trung kiên, gắn bó với cách mạng, căm ghét sự phản bội ươn hèn (*Con Kim*, *Chiếc lược ngà*, *Ông Năm Hạng*, *Quán rượu người câm*, *Bông cẩm thạch*, *Cô gái bán sầu đâu*,...). Nét chung nhất ở các nhân vật kháng chiến trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng là mạnh mẽ, cương trực, ngang tàng, quyết liệt, gai góc nhưng cũng vô cùng nhân hậu, tình nghĩa, thuỷ chung (phân tích truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, *Ông Năm Hạng* để minh hoạ).

– Những bài học tuổi thơ. Đó là những trải nghiệm đáng nhớ thuở ấu thơ của các nhân vật, sau này, những trải nghiệm ấy trở thành bài học quý giá trên từng bước trưởng thành (*Con chim vàng*, *Gà sanh đôi*, *Thằng bé bị đi xa*, *Con mèo và chú bé lười*, *Tôi thích làm vua*, *Bài học tuổi thơ*,...). Các nhân vật thiếu nhi của Nguyễn Quang Sáng cũng thường được đặt vào những tình thế, hoàn cảnh éo le, những thử thách, buộc phải có sự lựa chọn (minh hoạ bằng việc phân tích truyện *Bài học tuổi thơ*, *Tôi thích làm vua*).

– Suy nghiệm từ những mảnh đời. Trong tập có một số truyện viết về những người làm nghề khác nhau, nhưng mỗi ứng xử trong các mối quan hệ cũng như trong nghề nghiệp của họ đều đáng được suy ngẫm, từ đó, có thể nhận thấy những bài học làm người mà tác giả muốn gửi gắm (*Anh thợ vẽ*, *Con khướu sổ lồng*, *Thế võ*, *Vểnh râu*, *Bàn thờ tổ của một cô đào*, *Con mèo của Phu-gi-ta*). Với chủ đề này, Nguyễn Quang Sáng có điều kiện thể hiện những quan điểm của mình về nghệ thuật, về người nghệ sĩ (phân tích truyện *Con mèo của Phu-gi-ta* để làm sáng tỏ chủ đề).

• Đặc điểm nghệ thuật của tập truyện ngắn

– Nguyễn Quang Sáng rất chú ý đến việc xây dựng cốt truyện. Các truyện ngắn của ông đều có cốt truyện khá li kì, hấp dẫn với những tình huống éo le, đầy thử thách.

– Ở tập truyện ngắn này, có những truyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ nhất, có truyện dùng lời người kể chuyện ngôi thứ ba, nhưng giữa chúng có một điểm chung: người kể chuyện tỏ ra rất hoạt ngôn, lời kể linh hoạt, biến hoá. Các truyện đều toát lên giọng kể của một người Nam Bộ từng trải, sống gắn bó với quê hương, xứ sở, rất hài hước, tếu táo,

ngay cả khi kể về những tình huống rất hiểm nguy hay nói về những chuyện nghiêm trọng.

– Hành động và ngôn ngữ là hai yếu tố được nhà văn đặc biệt chú ý khi khắc hoạ nhân vật. Hành động của nhân vật thường quyết liệt, mạnh mẽ, dứt khoát; ngôn ngữ bộc trực, thẳng thắn, đầy cá tính.

– Dù viết về đề tài gì, mỗi truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng đều toát ra một bài học về nhân sinh. Có khi bài học thể hiện rõ trong những câu nói đầy tính triết lí của nhân vật.

• Một số ý kiến đánh giá về truyện của Nguyễn Quang Sáng:

– "Tôi đọc Nguyễn Quang Sáng khá sớm. Những năm tôi còn là học sinh cấp Ba phổ thông thì tên tuổi anh đã nổi đình đám. Sau hai tập truyện trình làng *Con chim vàng* (1956), *Người quê hương* (1958) thì hai tập tiểu thuyết *Nhật kí người ở lại* (1962) và *Đất lửa* (1963) được dư luận đánh giá rất cao lúc bấy giờ. Tôi phải thuê đọc từ một thư viện tư nhân ở thị xã Vĩnh Yên. Rồi những năm chiến tranh, trong điều kiện sơ tán, phải bỏ ra cả buổi cuốc bộ lên thư viện Trung đoàn xe tăng 202 để đọc tại chỗ báo *Văn nghệ*. Những truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Quang Sáng đã đến với tôi trong những năm tháng ấp ủ mộng văn chương. Sau gần nửa thế kỉ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác bàng hoàng khi đọc *Quán rượu người câm*, *Chiếc lược ngà*. Quả thực là những cơn chấn động thẩm mĩ không thể nào quên." (Hữu Thỉnh)

– "Đọc Nguyễn Quang Sáng, không hiểu sao tôi cứ hình dung nhà văn có nét gì đó của một người nông dân Nam Bộ ngang tàng, coi những chuyện nguy hiểm, chết người cũng bông phèng như trò chơi con trẻ, có thể chống xuồng lao ve vé giữa lúc bom đạn đang bủa vây mù mịt, cũng có thể ngồi thì lì trong một cái quán rượu tạm bợ, dựng tổng tểnh bên vệ cỏ, ngoảnh ra phía sông nước mà nhậu lai rai, nhậu tối ngày. Con người ấy hình như vừa đơn giản, lại vừa phức tạp đến bí hiểm. Hình như đó là một phần của thiên nhiên Nam Bộ, do thiên nhiên chắt ra, bởi thế có lúc hồn nhiên như cỏ dại, có lúc ương ngạnh như vách đá." (Trần Đăng Khoa)

Lưu ý: Tất cả các khâu chuẩn bị của HS (dù là của cá nhân hay của cả nhóm), GV cần kiểm tra, góp ý và hướng dẫn để các em thể hiện tốt nhất các ý tưởng.

b. Thuyết trình

Việc thuyết trình thuộc hoạt động học tập CĐ (bên cạnh yêu cầu đọc và yêu cầu viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết như đã đề cập ở hai phần trên). Dù cá nhân thuyết trình bài giới thiệu hay nhóm thực hiện bằng hình thức tổ chức sự kiện, GV đều cần hướng dẫn, tổ chức phân tích, trao đổi để rút kinh nghiệm và đánh giá về năng lực của HS.

Sau khi kiểm tra phần chuẩn bị, GV hướng dẫn cho HS cách thuyết trình. Cần lưu ý HS: Tuy bám sát đề cương đã chuẩn bị, nhưng vẫn phải thể hiện được sự chủ động; trình bày lưu loát, mạch lạc; thường xuyên tương tác với người nghe; biết dùng các thủ thuật tạo nên sức hấp dẫn của bài nói; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ và thiết bị hỗ trợ có

hiệu quả. Đối với hình thức tổ chức sự kiện, GV cần nhắc nhở HS việc phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, đặc biệt là giữa người dẫn CT và người trình bày bài giới thiệu.

Giống như đối với phần *Nói và nghe* ở các bài học trong SGK Ngữ văn lớp 10, dạy học CĐ này, GV cần phát phiếu đánh giá cho HS trước khi người nói trình bày, để các em theo dõi và đánh dấu vào từng ô ứng với các mục. Để thiết kế phiếu, GV có thể tham khảo hai mẫu sau:

Mẫu 1. Phiếu đánh giá phần trình bày bài giới thiệu sách của cá nhân

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN			
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		**Mức độ**	
		Đạt	**Chưa đạt**
Nội dung nói	Nêu được mục đích giới thiệu		
	Truyền đạt các thông tin chung về cuốn sách		
	Giới thiệu về nội dung cuốn sách		
	Giới thiệu đặc điểm hình thức, thể loại, ngôn ngữ của cuốn sách		
Cách trình bày	Phong thái tự tin, chủ động, sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp		
	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ		
	Tương tác với người nghe		

Mẫu 2. Phiếu đánh giá về phần tổ chức sự kiện

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN		
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	**Mức độ**	
	Đạt	**Chưa đạt**
Hình thức trang trí (maket, poster,...)		
Phần thể hiện của người dẫn CT		
Phần trình bày của người giới thiệu		
Sự phối hợp giữa các bộ phận		

Sau khi kết thúc phần thuyết trình, GV thu phiếu để có cơ sở đánh giá năng lực nói và nghe của HS thể hiện qua một quá trình.

Lưu ý: Trong thực tế, có khi HS vận dụng tri thức và kĩ năng được học ở CĐ này để trình bày giới thiệu cuốn sách (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết) với tư cách một công việc chính thức mà các em tham gia trong chuỗi hoạt động của nhà trường hoặc của một đơn vị liên quan. Gặp tình huống này, GV cần đôn đốc việc chuẩn bị và hướng dẫn, giúp đỡ HS ở các khâu cần thiết (với các nội dung đã được trình bày ở CĐHT Ngữ văn lớp 10 – SGK).

Mặc dù không dùng phiếu đánh giá, nhưng GV cần nắm được những điểm mạnh và điểm hạn chế, trao đổi, rút kinh nghiệm cho HS sau khi sự kiện kết thúc.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VŨ THỊ VÂN – NGUYỄN THỊ SÁNG

Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ SÁNG

Thiết kế sách: TRẦN THUỲ DUNG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Nguyễn Tư Nghiêm, *Múa cổ*, tranh bột màu, 105 x 75 cm,
in trong *Tranh Nguyễn Tư Nghiêm trong sưu tập Nguyễn Thu Giang*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 1994

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: .....
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm ...
Mã số ISBN: .....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một – SGV
2. Ngữ văn 10, tập hai – SGV
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 – SGV
4. Toán 10 – SGV
5. Chuyên đề học tập Toán 10 – SGV
6. Lịch sử 10 – SGV
7. Chuyên đề học tập Lịch sử 10 – SGV
8. Địa lí 10 – SGV
9. Chuyên đề học tập Địa lí 10 – SGV
10. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 – SGV
11. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 – SGV
12. Vật lí 10 – SGV
13. Chuyên đề học tập Vật lí 10 – SGV
14. Hoá học 10 – SGV
15. Chuyên đề học tập Hoá học 10 – SGV
16. Sinh học 10 – SGV
17. Chuyên đề học tập Sinh học 10 – SGV
18. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ – SGV
19. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ – SGV
20. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt – SGV
21. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt – SGV
22. Tin học 10 – SGV
23. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Tin học ứng dụng – SGV
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Khoa học máy tính – SGV
25. Mĩ thuật 10 – SGV
26. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10 – SGV
27. Âm nhạc 10 – SGV
28. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 – SGV
29. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 – SGV
30. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền – SGV
31. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá – SGV
32. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông – SGV
33. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ – SGV
34. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 – SGV
35. Tiếng Anh 10 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG